

CTCP CHỨNG KHOÁN VIETCAP
VIETCAP SECURITIES JSC

Số: 178./2025/CV-MA.VIETCAP
No:/2025/CV-MA.VIETCAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.HCM, Ngày 01 tháng 04 năm 2025
HCMC, April, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, HSX VÀ HNX**

**INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF THE STATE
SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM, HSX AND HNX**

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)/ State Securities Commission of VN
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)/ Vietnam Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HSX)/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)/ Hanoi Stock Exchange

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vietcap
Name of organization : Vietcap Securities JSC

Mã CK/ Ticker symbol : VCI

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM
Headquarter : 15th Floor, Bitexco Financial Tower, No 2 Hai Trieu Street, District 1, HCMC, VN

Điện thoại/Tel : 028-39143588

Fax : 028-39143209

Người thực hiện CBTT : Ông Đoàn Minh Thiện – Phó Tổng Giám Đốc
Submitted by : Mr. Doan Minh Thien – Deputy Chief Executive Officer

Loại thông tin công bố : 24 giờ Bất thường Yêu cầu Định kỳ
Information disclosure type : 24 hours Extraordinary On demand Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:


- Báo cáo thường niên năm 2024.
The Annual Report of 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01 / 04 /2025 tại đường dẫn: <http://www.vietcap.com.vn>.

This information was published on the company's website on 01 / 04 /2025, as in the link <https://www.vietcap.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.


Đại diện tổ chức
Organization representative
Người Ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



ĐOÀN MINH THIỆN
Phó Tổng Giám Đốc

Vietcap ▲



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

NĂM BẮT CƠ HỘI VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2024**

Mục lục

01

Vững nền tảng
Chắc tương lai

I. THÔNGIỆP BAN LÃNH ĐẠO

- 06 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- 08 Lời mở đầu
- 10 17 Năm Nâng Tầm Nhà Đầu Tư Việt
- 12 Điểm lại các chỉ số nổi bật năm 2024

II. TỔNG QUAN CÔNG TY

- 16 Thông tin doanh nghiệp
- 19 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 20 Dấu ấn tự hào
- 22 Diễn giải Báo cáo Tài chính năm 2024

02

Nắm bắt cơ hội
Tăng trưởng vượt trội

III. DẤU ẤN VIETCAP

- 28 Tổng quan thị trường năm 2024
- 36 Nhân sự
- 46 Ngân hàng Đầu tư
- 48 Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp
- 50 Môi giới
- 54 Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng Tổ chức
- 56 Nghiên cứu và Phân tích
- 58 Tự doanh
- 60 Dịch vụ Khách hàng & Quản lý Sản phẩm
- 62 Công nghệ Thông tin & Đổi mới Sáng tạo
- 64 An toàn Thông tin
- 66 Nguồn năng lượng nội tại vững mạnh

03

Chủ động thích ứng
Không ngừng vươn xa

IV. HÀNH TRANG VỮNG MẠNH

- 70 Vị thế tài chính
- 74 Quản trị Rủi ro & Kiểm soát nội bộ

V. NHÂN LỰC KIẾN TẠO TẦM NHÌN

- 78 Đạo đức nghề nghiệp
- 80 Cơ cấu tổ chức
- 82 Thành viên Hội đồng quản trị
- 90 Thành viên Ban Kiểm soát
- 92 Giới thiệu Ban Giám đốc
- 93 Nhân sự chủ chốt

04

Duy trì tăng trưởng
Tiên phong mở lối

VI. ĐÓN ĐẦU XU THẾ

- 98 Triển vọng năm 2025: Bối cảnh và Xu hướng
- 100 Chiến lược và Mục tiêu kinh doanh VCI năm 2025

VII. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 104 Định hướng phát triển bền vững
- 109 Tổng quan báo cáo
- 110 Báo cáo hoạt động phát triển bền vững
- 120 Tham chiếu chỉ số GRI

VIII. MINH BẠCH VỮNG CHẮC

- 124 Thông tin cổ phiếu và Hoạt động quan hệ Nhà đầu tư
- 126 Cơ cấu cổ đông
- 128 Báo cáo Tài chính

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Vietcap đã, đang và sẽ không ngừng nỗ lực cải thiện và phát triển để trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính uy tín hàng đầu Việt Nam, góp phần nâng tầm giá trị và nâng hạng thị trường.



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đồng nghiệp,

Chúng ta vừa trải qua năm 2024 với không ít biến động trên toàn thế giới cùng chuỗi tác động sâu rộng của biến đổi khí hậu và phát triển khoa học công nghệ toàn cầu. Mặc dù vậy, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn duy trì được đà phục hồi ổn định, từ đó góp phần gia tăng nhu cầu tiêu thụ, tạo điều kiện thúc đẩy giao thương nói chung, tăng cường đầu tư, mở rộng sản xuất tại các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ, ưu đãi từ Chính phủ đã và đang góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước ngày một phát triển.

Kết quả, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí nổi bật của một điểm đến hàng đầu dành cho các nhà đầu tư quốc tế với tốc độ tăng trưởng GDP đạt hơn 7% trong năm 2024, liên tục thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có quy mô lớn. Cùng với đó, sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp cùng các gói đầu tư lớn đã đưa Việt Nam bước vào hàng ngũ các trung tâm công nghệ đầy tiềm năng trong khu vực. Sự thăng tiến này đã tạo điều kiện để Việt Nam đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, bao gồm đường cao tốc, cảng biển và sân bay, nhằm tăng cường tính kết nối cho các hoạt động giao thương trong nước lẫn quốc tế. Trong khi Đông Nam Á được các chuyên gia kinh tế nhận định sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế châu Á trong những năm tới, thì sự góp mặt của Việt Nam cũng được kỳ vọng sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Năm 2024 ghi nhận kỷ lục mới của Việt Nam về số doanh nghiệp được đăng ký mới. Trong đó, không ít doanh nghiệp đã ghi nhận kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng. Cùng với đó, một số tên tuổi gạo cội đã và đang từng bước vươn tầm quốc tế, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế trong nước. Tất cả đã và đang tiếp tục mở ra những cơ hội mới để Việt Nam vươn lên trong năm 2025 và những năm sắp tới.

Bên cạnh đó, nhìn vào triển vọng thị trường chứng khoán (TTCK), chúng ta lại càng có thêm niềm tin về một tương lai tươi sáng rộng mở. Bất chấp những khó khăn và thách thức, TTCK trong nước khép lại năm 2024 với mức tăng 12,1% so với năm 2023, chốt phiên cuối năm ở mức 1.266,78 điểm. Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng về thanh khoản bình quân thị trường, với mức tăng 22,8% so với năm 2023, đạt 21.515 tỷ đồng. Đặt trong bối cảnh khối ngoại rút ròng thì đây là mức tăng trưởng đáng chú ý, chỉ đứng sau thị trường Singapore (16,4%) trong nhóm Asean-6.

Việt Nam cũng đã ghi nhận tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên tới 9,2 triệu tài khoản, chiếm 9,3% dân số cả nước. Đặc biệt, Việt Nam đang có những bước đi cụ thể để hướng tới nâng hạng thị trường chứng khoán lên thị trường mới nổi. Đây dự báo sẽ là một trong những chủ điểm đầu tư lớn của TTCK năm 2025 và đánh dấu cho kỷ nguyên mới, vận hội mới của dân tộc. Cùng với đó, những nỗ lực cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy điều hành hứa hẹn sẽ góp phần tạo ra một chu kỳ phát triển mạnh mẽ cho TTCK nói riêng và kinh tế nói chung, từ đó nâng cao vị thế cạnh tranh chiến lược của thị trường Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tất cả đang từng bước mở ra những cơ hội mới để Việt Nam bứt tốc mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

Trong bối cảnh đó, Vietcap đã tận dụng các cơ hội, triển khai hàng loạt chiến lược linh hoạt, đưa ra nhiều chương trình hành động nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Kết thúc năm 2024, Vietcap đạt doanh thu 3.696 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2023, lãi trước thuế đạt 1.089 tỷ đồng, tăng 91% so với cùng kỳ và hoàn thành 156% kế hoạch đề ra. Đến cuối năm 2024, vốn chủ sở hữu đạt 12.944 tỷ đồng, tăng 76% so với cuối năm 2023.

Cũng trong năm 2024 vừa qua, nhằm góp phần hiện thực hóa sứ mệnh “NÂNG TẦM NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT”, Vietcap đã tiến hành tái định vị thương hiệu, đổi tên từ Chứng khoán Bản Việt thành Chứng khoán Vietcap, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới trên tinh thần đổi mới toàn diện. Sau 17 năm tham gia TTCK, Vietcap giờ đây không chỉ nằm trong nhóm doanh nghiệp dẫn đầu thị trường ngành chứng khoán trong nước mà còn từng bước bứt phá, chuyển mình thành một thương hiệu gắn liền với hình ảnh hiện đại, năng động, cầu tiến - không ngừng cải thiện và phát triển để trở thành đơn vị tư vấn tài chính uy tín hàng đầu Việt Nam.

Trên tinh thần đó, Vietcap đã và đang tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện hệ sinh thái giải pháp công nghệ, thiết lập hệ thống sản phẩm, dịch vụ số theo các tiêu chuẩn tiên tiến thế giới nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn với khách hàng.

Trong hành trình gần hai thập niên với không ít thăng trầm vừa qua, tập thể Vietcap vẫn luôn đồng lòng hướng về phía trước trong tâm thế sẵn sàng, quyết tâm biến thách thức thành cơ hội, luôn lấy lợi ích khách hàng làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

Khép lại năm cũ, bước qua năm mới, thay mặt Hội đồng Chủ tịch, tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới các thành viên trong đại gia đình Vietcap cùng Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác đã luôn tin tưởng, ủng hộ và đồng hành để Vietcap ngày một lớn mạnh như ngày hôm nay. Chính sự đồng hành bền vững này là nguồn động lực to lớn giúp Vietcap không ngừng tiến lên, đổi mới và thích ứng nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong chặng đường sắp tới, chúng tôi vững tin rằng tương lai của Việt Nam nói chung và cộng đồng doanh nghiệp Việt nói riêng, trong đó có Vietcap sẽ rất rộng mở và tươi sáng. Tinh thần đổi mới sáng tạo, sự năng động, cần cù của con người Việt Nam cùng với một nền kinh tế ngày càng minh bạch, cởi mở chính là nền tảng vững chắc để chúng ta vươn xa trên đấu trường quốc tế. Hy vọng rằng, chúng ta sẽ tiếp tục chung sức, giữ vững niềm tin vào tương lai tươi sáng và không ngừng nỗ lực để nâng tầm giá trị doanh nghiệp, phát triển thị trường và đồng hành bền vững trong hành trình vươn ra thế giới.

Trân trọng,

Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch HĐQT

LỜI MỞ ĐẦU



Vietcap: Kiến tạo giá trị, không ngừng vươn xa

Như một lẽ tất yếu của cuộc sống, ai trong mỗi chúng ta cũng đều phải trải qua những thời điểm mang tính bước ngoặt, thậm chí quyết định vận mệnh của mình. Có người đánh cược số phận cho những lựa chọn đầy may rủi, nhưng cũng không ít người tin rằng, bên cạnh may mắn thì chính những giá trị cốt lõi của bản thân mới là ngọn hải đăng giúp mình đưa ra quyết định sáng suốt trong những thời khắc quan trọng; giá trị ấy chính là tư duy, nhận thức và tầm nhìn của mỗi cá nhân.

Thật vậy, với tư duy và nhận thức đúng đắn cùng một tầm nhìn vĩ mô, biết nhìn xa trông rộng thì chẳng có gì khó hiểu khi con người ta lại có thể không ngừng tiến xa trên con đường mình đã chọn. Con đường ấy, đâu có thể còn nhiều sỏi đá gập ghềnh cùng muôn vàn thách thức chông gai, song không vì vậy mà thiếu đi những cơ hội và trái ngọt đang đón chờ, miễn là người du hành có đủ niềm tin và tinh thần can đảm vượt qua mọi rào cản, bứt phá mọi giới hạn và tái thiết những định kiến khuôn mẫu vốn đã không còn phù hợp.

Nâng tầm chính là khả năng và tinh thần sẵn sàng thay đổi, là can đảm bước ra khỏi vùng an toàn để vươn tới những nấc thang mới, tới những tiêu chuẩn cao hơn, khai phá những tiềm năng và tiến vào những vùng đất mới đầy hứa hẹn.

Trên tinh thần đó, mạnh dạn chuyển đổi, tăng cường nội lực, không ngừng sáng tạo là con đường mà Vietcap đã và đang nỗ lực dần bước để nâng cao tầm vóc đương đầu với thách thức, nắm bắt các cơ hội. Với tầm nhìn rộng mở, cùng tinh thần linh hoạt, hiện đại và không ngại đổi mới, chúng tôi tin rằng Vietcap sẽ tiếp tục hoàn thành sứ mệnh truyền tải và lan tỏa những giá trị tích cực, góp phần vun đắp một tương lai xán lạn, thịnh vượng, bền vững cho cộng đồng nhà đầu tư, đối tác và khách hàng cùng những cộng sự thân mến đã gắn bó với chúng tôi trong suốt thời gian qua.

2007
2008**CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG
THÀNH LẬP CHI NHÁNH**

- VCSC được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11.2007.
- Thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 360 tỷ đồng.

2011
2013**VƯỢT LÊN TOP 3
THỊ PHẦN TRÊN HOSE**

- Lần đầu tiên tổ chức thành công Vietnam Access Day, thu hút hơn 300 khách mời, diễn giả và quỹ đầu tư trong nước và quốc tế.
- Vượt lên Top 3 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất HOSE.
- Chuyển dịch cân bằng và hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh.
- Vốn điều lệ: 398,4 tỷ đồng.

2017
2018**NIÊM YẾT TRÊN HSX,
GIỮ VỮNG VỊ TRÍ TOP 3**

- Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 07.7.2017.
- Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.
- Vốn điều lệ: 1.200 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 3.020 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017.

2021
2022**ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN
TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG**

- Chứng kiến những đổi mới toàn diện trong mô hình kinh doanh.
- Đẩy mạnh truyền thông công nghệ số (Digital Marketing) và ứng dụng vượt trội công nghệ thông tin hàng đầu vào dịch vụ sản phẩm.
- Vốn điều lệ: 4.355 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 6.495 tỷ đồng tính đến cuối năm 2022.

2009
2010**NÂNG CẤP HỆ THỐNG,
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

- Đưa vào hoạt động một trong những hệ thống phần mềm giao dịch tiên tiến nhất trong ngành, do Tong Yang cung cấp.
- Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ - TP.HCM.
- Vốn điều lệ: 378 tỷ đồng.

2014
2015**ĐỘT PHÁ TRONG
KẾT QUẢ KINH DOANH,
DUY TRÌ TOP 3 THỊ PHẦN**

- Vietnam Access Days trở thành hội nghị thường niên lớn nhất thu hút hàng trăm nhà đầu tư và các doanh nghiệp hàng đầu trong nước và quốc tế tham gia.
- Đột phá trong kết quả kinh doanh, với tỷ suất lợi nhuận (ROE) trên 30%.
- Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng.

2019
2020**GIỮ VỮNG THỊ PHẦN,
HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
KINH DOANH**

- Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.
- Vốn điều lệ: 1.656 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 4.521 tỷ đồng tính đến cuối năm 2020.

2023
2024**KHÁT VỌNG
VƯỢT TẦM**

- Doanh nghiệp có vốn hóa trên 1 tỷ USD.
- Tái cấu trúc thương hiệu: chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) với thông điệp "Nâng tầm nhà đầu tư Việt".
- Thăng hạng vượt bậc với vị trí Top 5 thị phần môi giới cá nhân HSX.
- Hoàn thành 156% mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- Phát hành thành công hơn 143,63 triệu cổ phiếu riêng lẻ.
- Vốn điều lệ: 7.181 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 12.944 tỷ đồng.

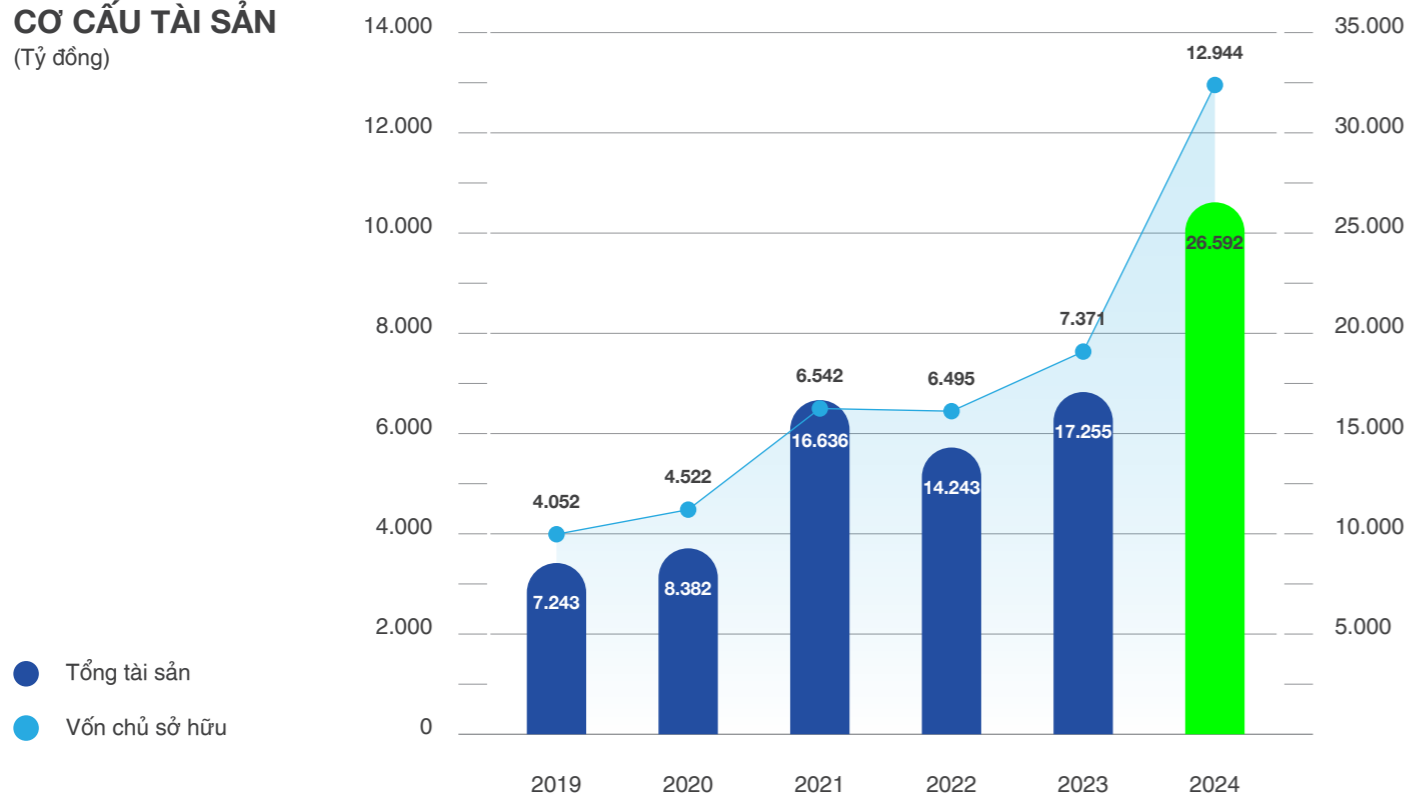
17 Năm
**NÂNG TẦM
NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT**



ĐIỂM LẠI CÁC CHỈ SỐ NỔI BẬT NĂM 2024



CƠ CẤU TÀI SẢN (Tỷ đồng)





01

VỮNG NỀN TẢNG CHẮC TƯƠNG LAI



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Tên tiếng Anh

Vietcap Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt

Vietcap

Mã chứng khoán

VCI

Website

<https://www.vietcap.com.vn>

Trụ sở chính

Tầng 15, tháp tài chính Bitexco,
Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp

Số 0305299779
do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày
06.11.2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 16.12.2024

Vốn điều lệ

7.180.994.800.000 ĐỒNG

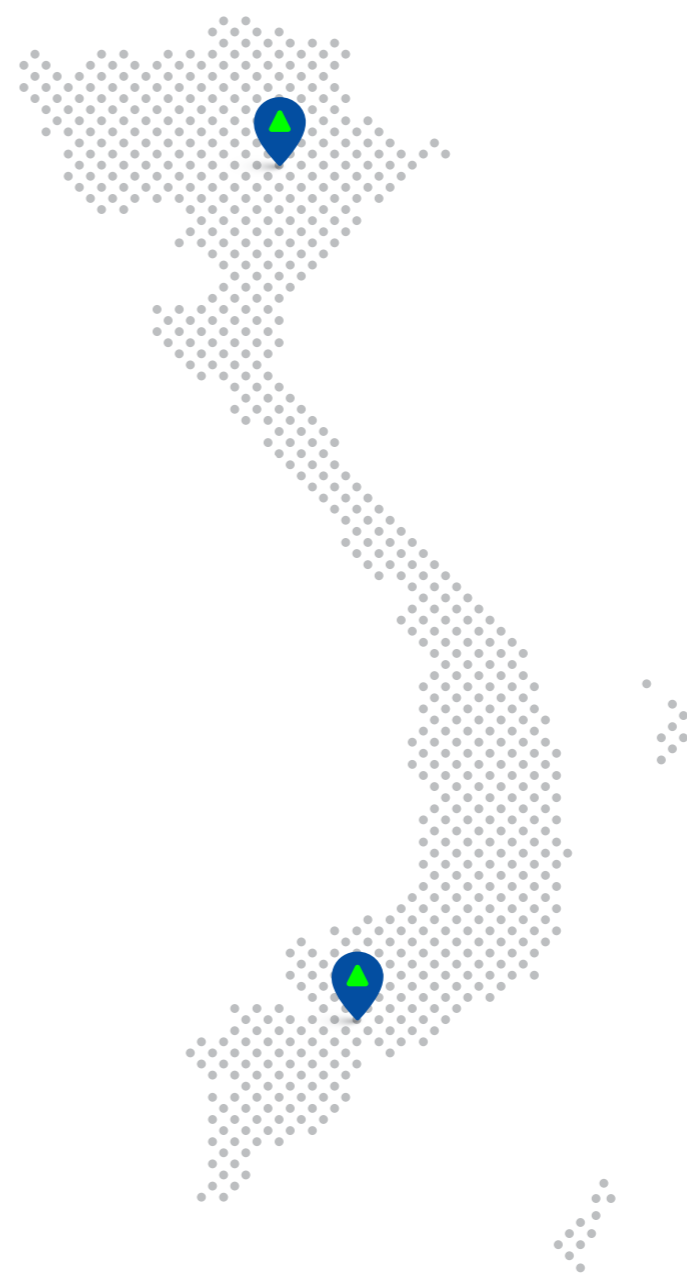
Điện thoại

(+84) 28 3914 3588

Fax

(+84) 28 3914 3209

Các đơn vị kinh doanh khác



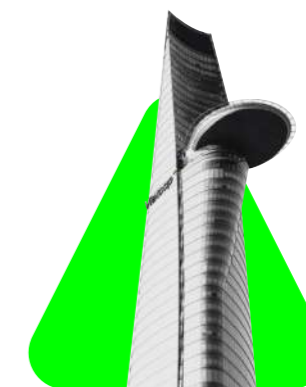
HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà số 109 Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84) 24 6262 6999 | Fax: (+84) 24 6278 2688

Phòng giao dịch Đống Đa

Số 9 Nguyễn Ngọc Doãn,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: (+84) 24 6262 6999 | Fax: (+84) 24 6278 2688



HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính mở rộng

Tầng 3, tòa nhà Vinatex - Tài Nguyên,
Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM
Tel: (+84) 28 3914 3588 | Fax: (+84) 28 3914 3209

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tầng 16, tòa nhà Doji
81 - 83 - 83B - 85 Hàm Nghi, Quận 1, TP.HCM
Tel: (+84) 28 3914 3588 | Fax: (+84) 28 3821 6186

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh



**Dịch vụ Môi giới
Chứng khoán &
Giao dịch
cho vay ký quỹ**



**Lưu ký
Chứng khoán**



Tự doanh



**Ngân hàng
Đầu tư**



**Tư vấn đầu tư
Chứng khoán**

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN



- Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu Việt Nam, hướng tới một thị trường đầu tư bền vững, thúc đẩy cơ hội tăng trưởng và hiện thực hóa mục tiêu tự do tài chính.
- Thiết lập hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ tài chính số theo các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới nhằm nâng tầm chất lượng phục vụ, góp phần đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn với người dân Việt Nam.

SỨ MỆNH



- Hỗ trợ khách hàng phát triển tài chính.
- Cung cấp những dịch vụ chất lượng tốt nhất, lấy khách hàng làm trọng tâm để thấu hiểu nhu cầu của khách hàng và đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả tối ưu, dựa trên nền tảng đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm và năng lực chuyên môn cao.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sự tin tưởng

Vietcap đặt sự tin tưởng là tiền đề quan trọng giúp xây dựng và duy trì mối quan hệ tích cực với khách hàng trên tinh thần thấu hiểu nhu cầu. Niềm tin chính là chìa khóa để xây dựng mối quan hệ bền chặt và mang lại giá trị bền vững cho cả khách hàng và Công ty.

Đội ngũ nhân sự

Đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá nhất của Công ty. Vietcap nuôi dưỡng tài năng và tạo ra môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân đều có thể thành công và phát triển bản thân.

Khách hàng

Việc đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động giúp Vietcap đảm bảo được sự tập trung vào những vấn đề thực sự quan trọng và có ý nghĩa.

Giáo dục

Chúng tôi coi việc chia sẻ kiến thức là trách nhiệm cũng như cơ hội để các đồng nghiệp và khách hàng học hỏi lẫn nhau. Bằng cách này, Vietcap không chỉ phát triển chính mình mà còn đóng góp vào sự lớn mạnh của thị trường.

Hiệu quả công việc

Chúng tôi chỉ hài lòng khi công việc được hoàn thành xuất sắc. Vietcap cam kết đem lại những kết quả tốt nhất thông qua hiệu suất làm việc cao, đảm bảo lợi ích cho cả khách hàng và đội ngũ nhân sự.



DẤU ẤN TỰ HÀO

15 NĂM LIÊN NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA ALPHA SOUTHEAST ASIA



“Nhà tư vấn thương vụ M&A do Quý đầu tư cổ phần tư nhân hậu thuẫn tốt nhất Đông Nam Á” - 2019, 2020, 2021, 2022, 2023
 “Thương vụ IPO/vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam” - 2021
 “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam” - 2012, 2013, 2014, 2018, 2023
 “Ngân hàng đầu tư và Nhà M&A tốt nhất” - 2017
 “Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam” - 2007 - 2016
 “Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất Việt Nam” - 2011, 2012, 2013, 2015
 “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam” - 2013
 “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất” - 2011
 “Nhà môi giới khách hàng cá nhân hàng đầu Việt Nam” - 2024
 “Nhà tư vấn thương vụ M&A hàng đầu Việt Nam” - 2024
 “Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu hàng đầu Việt Nam” - 2024

15 NĂM LIÊN NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA DIỄN ĐÀN M&A VIỆT NAM



“Doanh nghiệp có thương vụ M&A tiêu biểu” - 2009 - 2024
 “Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu” - 2024

9 NĂM TRÊN 11 NĂM NHẬN GIẢI THƯỞNG CỦA FINANCE ASIA



“Công ty tư vấn tốt nhất trên thị trường vốn cổ phần tại Việt Nam” - 2021, 2023
 “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” - 2016, 2017, 2018
 “Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam” - 2012, 2015, 2016, 2017, 2023, 2024
 “Công ty ECM tốt nhất Việt Nam” - 2017
 “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam” - 2011, 2022
 “Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam” - 2016
 “Nhà tư vấn huy động vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam” - 2024

GIẢI THƯỞNG CỦA GLOBAL BRANDS MAGAZINE (GBM)



“Ngân hàng đầu tư tốt nhất” - 2021, 2022, 2023
 “Nhà tư vấn phát hành vốn tốt nhất” - 2021, 2022
 “Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam” - 2021, 2022
 “Nhà huy động vốn tốt nhất và nhà môi giới tổ chức lớn nhất Việt Nam” - 2021

GIẢI THƯỞNG CỦA VIETNAMNET & VIETNAM REPORT



“Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận Xuất sắc” và “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” - 2021, 2022
 “Top 50 Công ty đại chúng uy tín” - 2021, 2022
 “Top 10 Công ty uy tín nhất ngành Tài chính” - 2024



GIẢI THƯỞNG CỦA EUROMONEY

“Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”
giai đoạn 2015 - 2023



GIẢI THƯỞNG CỦA UBND TP.HCM

“Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”
- 2011
“Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu
tốt nhất Việt Nam” - 2024



GIẢI THƯỞNG CỦA SÀN GDCK HÀ NỘI

“Một trong ba công ty chứng khoán
có dịch vụ tư vấn tốt nhất”
giai đoạn 2005 - 2015



GIẢI THƯỞNG CỦA FIINRATINGS

“Xếp hạng tín nhiệm ở mức A
- với triển vọng ổn định”
- 2021



GIẢI THƯỞNG CỦA NHỊP CẦU ĐẦU TƯ

“Top 50 Công ty kinh doanh
hiệu quả nhất Việt Nam”
- 2023



GIẢI THƯỞNG CỦA FORBES VIỆT NAM

“Top 50 Công ty niêm yết
tốt nhất Việt Nam”
- 2024

2024

7 GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ QUỐC TẾ ĐƯỢC GHI NHẬN

Vietcap tiếp tục vinh dự đón nhận cùng lúc các
giải thưởng uy tín quốc tế

Euro Money Securities House

“Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất
Việt Nam”

Finance Asia

“Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”
“Nhà tư vấn huy động vốn cổ phần tốt
nhất Việt Nam”



Alpha Southeast Asia

“Nhà môi giới khách hàng cá nhân
hàng đầu Việt Nam”
“Nhà tư vấn thương vụ M&A hàng đầu
Việt Nam”
“Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu hàng đầu
Việt Nam”

Institutional Investor

“Công ty môi giới hàng đầu thị trường
cận biên”

INSTITUTIONAL INVESTOR

2024 ASIA (EX-JAPAN) RESEARCH

cùng các giải thưởng danh giá hàng đầu trong nước

TỰ HÀO ĐÓN NHẬN 3 GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



Báo Nhịp Cầu Đầu Tư
“Top 50 Công ty niêm yết
tốt nhất Việt Nam”

Diễn đàn M&A
“Doanh nghiệp có thương vụ M&A tiêu
biểu và Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu”

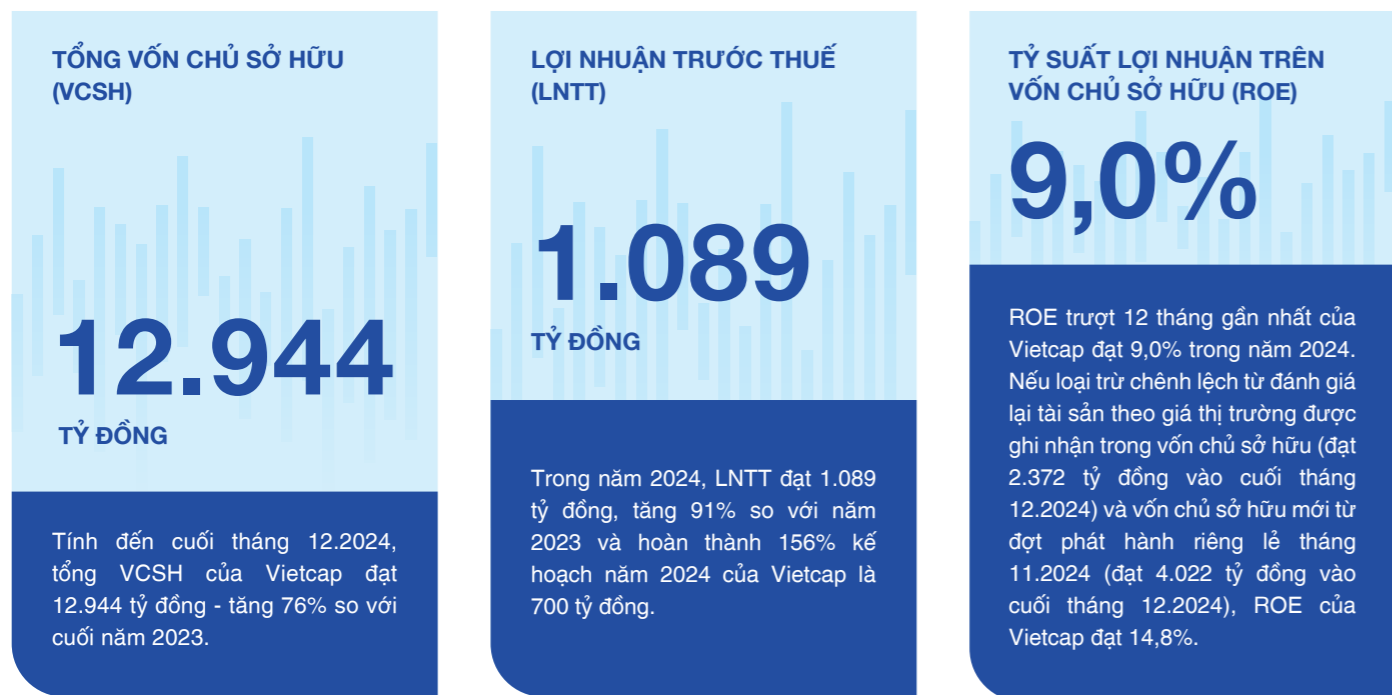


Vietnam Report
“Top 10 Công ty uy tín
nhất ngành Tài chính”



DIỄN GIẢI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Tóm tắt Kết quả tài chính năm 2024



Phân tích Bảng cân đối kế toán năm 2024

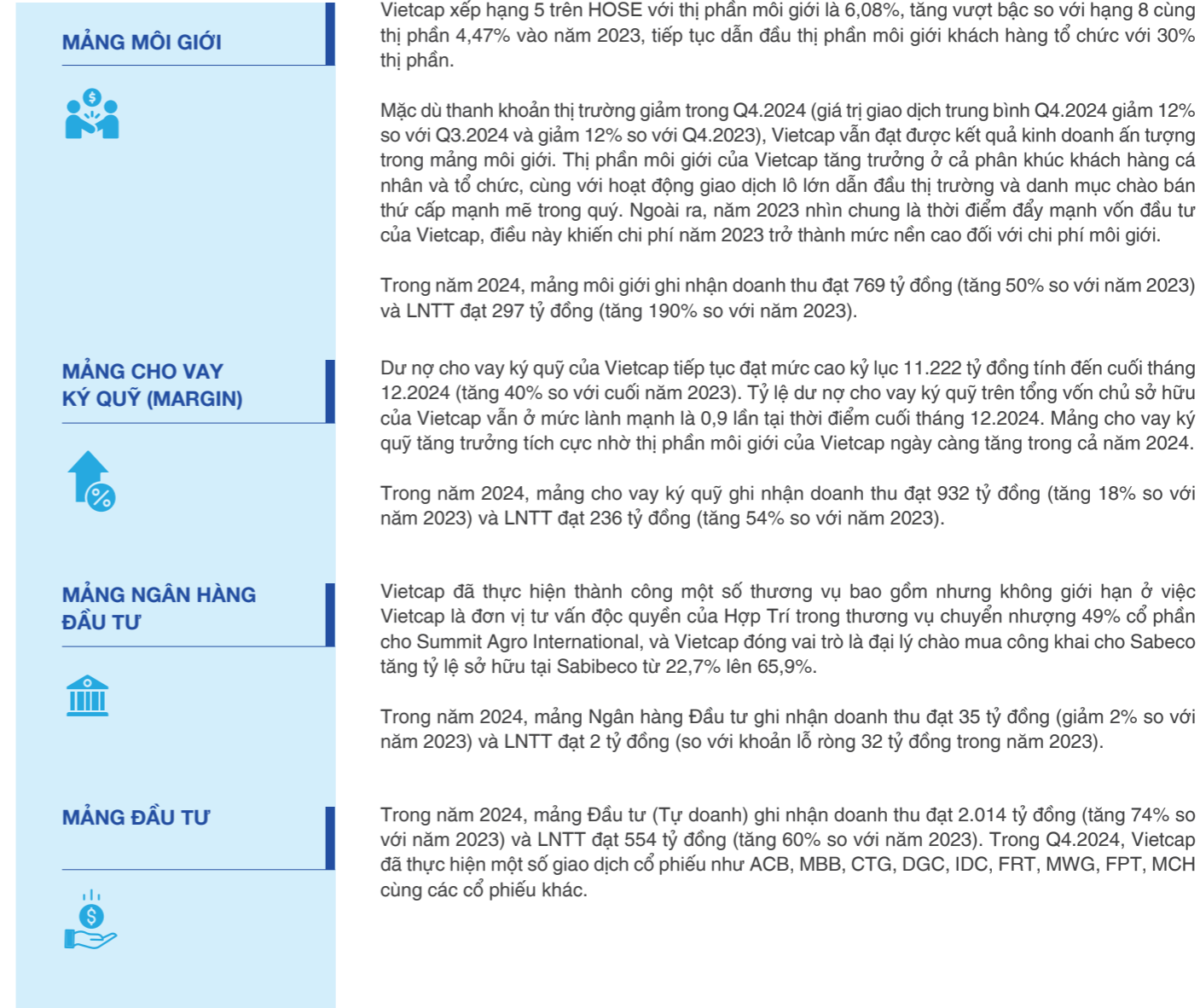
Các khoản nợ của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2024 là 12.574 tỷ đồng, tăng 40% so với cuối năm 2023. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ.

Tính đến cuối tháng 12.2024, tổng tài sản của Vietcap đạt 26.592 tỷ đồng - tăng 54% so với cuối năm 2023.

Tỷ lệ tổng nợ trên VCSH của Vietcap giảm xuống 97,1% vào cuối tháng 12.2024 so với 121,8% vào cuối năm 2023.



Phân tích kết quả kinh doanh theo từng mảng năm 2024



Các sự kiện doanh nghiệp đáng chú ý trong năm 2024

Tháng 1.2024

Ký kết khoản vay hợp vốn trị giá 34 triệu USD với Quyền chọn Greenshoe cho khoản vay lên đến

100 TRIỆU USD

Khoản vay được Ngân hàng SinoPac và Ngân hàng Kaohsiung - chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu xếp.

Tháng 6.2024

Phát hành

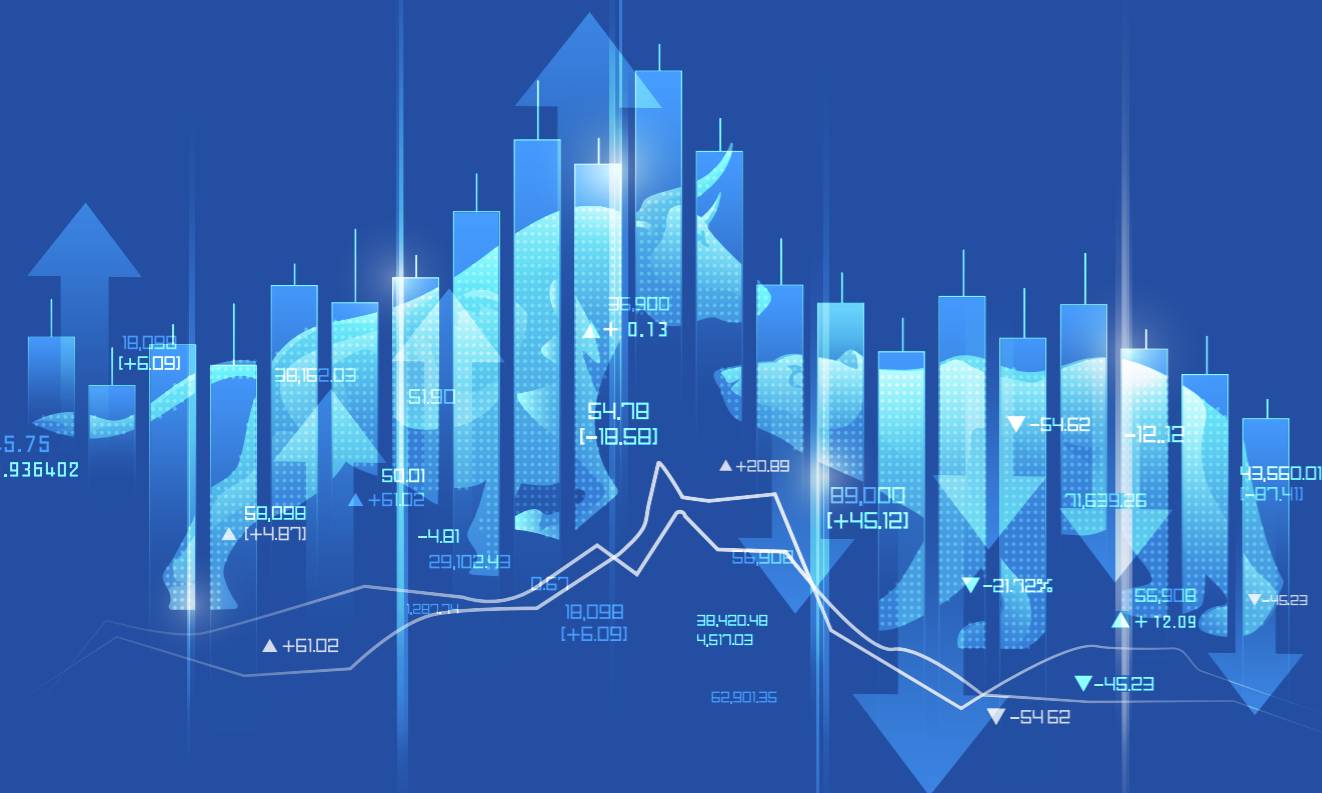
4.400.000 CỔ PHIẾU ESOP

(tương đương 1,0% tổng số cổ phiếu lưu hành trước đợt phát hành ESOP). Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 6.2024 là 441,9 triệu cổ phiếu.

Tháng 8.2024

Đã tạm ứng cổ tức tiền mặt đợt 1 năm 2024 ở mức

400 ĐỒNG/CỔ PHIẾU



Tháng 9.2024

Ký kết khoản vay hợp vốn trị giá

119 TRIỆU USD

cùng với quyền được tăng hạn mức cam kết cấp tín dụng thêm lên đến 81 triệu USD. Khoản vay được thu xếp bởi Maybank Securities Pte. Ltd., Malayan Banking Berhad (Singapore Branch), Maybank Philippines, Inc., Maybank International (Labuan Branch) và Taishin International Bank Co., Ltd (Singapore Branch).

Tháng 11.2024

Hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ 143,6 triệu cổ phiếu mới (tương đương 25% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) với giá phát hành là 28.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2024 là

718,1 TRIỆU CỔ PHIẾU

Tiêu điểm Báo cáo Kết quả Kinh doanh

ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG	2022	2023	2024	YoY
Tổng doanh thu	-	-	-	-
Môi giới	609	514	769	50%
Cho vay ký quỹ	808	791	932	18%
Ngân hàng Đầu tư	431	35	35	-2%
Đầu tư	1.344	1.156	2.014	74%
Chi phí hoạt động	1.399	1.156	1.717	61%
Lỗ tài sản FVTPL (1)	900	1.064	992	100%
Chi phí dự phòng (2)	-	-	-	N.M.
Các chi phí hoạt động khác (Loại trừ (1) và (2))	498	567	726	28%
Chi phí tài chính	700	740	798	8%
Lợi nhuận trước thuế	1.060	571	1.089	91%
Môi giới	192	102	297	190%
Cho vay ký quỹ	229	153	236	54%
Ngân hàng Đầu tư	342	-32	2	N.M.
Đầu tư	298	347	554	60%
Lợi nhuận sau thuế	869	493	911	85%

Tiêu điểm Báo cáo Tình hình Tài chính

ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Các khoản mục chính							
Tiền và tương đương tiền	1.144	795	643	1.132	3.424	788	4.744
FVTPL	425	795	615	1.222	665	122	846
Nằm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	262	106	754	886	380	598
Cho vay ký quỹ	2.792	3.032	3.882	7.701	5.279	7.992	11.222
AFS	2.039	1.731	2.713	5.324	3.734	6.604	8.409
Nợ	2.320	2.563	3.364	8.327	6.873	8.979	12.574
Nợ vay ngắn hạn	2.320	2.563	3.364	8.327	6.873	8.979	12.574
Nợ vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tổng Tài sản	6.510	7.243	8.382	16.636	14.243	17.255	26.592
Tổng Nợ	2.867	3.191	3.861	10.094	7.747	9.884	13.648
Tổng Vốn chủ sở hữu	3.643	4.052	4.522	6.542	6.495	7.371	12.944
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHÍNH	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng Nợ vay/VCSH	63,7%	63,2%	74,4%	127,3%	105,8%	121,8%	97,1%
Nợ vay ròng (*)/VCSH	32,3%	43,6%	60,2%	110,0%	53,1%	111,1%	60,5%
Tổng Nợ/Tổng Tài sản	44,0%	44,1%	46,1%	60,7%	54,4%	57,3%	51,3%
ROA	12,7%	10,1%	9,8%	12,0%	5,6%	3,1%	4,2%
ROE	24,7%	18,0%	17,9%	27,1%	13,3%	7,1%	9,0%
ROE (**)	28,5%	19,9%	19,7%	33,4%	16,8%	8,8%	11,1%
GTSS/cổ phiếu (đồng)	8.596	9.446	10.502	15.112	14.915	16.849	18.026

(*) Nợ vay ròng = Tổng nợ - CCE (Tiền và tương đương tiền)

(**) Chỉ số ROE này được tính dựa trên Vốn chủ sở hữu loại trừ chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

02

**NĂM BẮT CƠ HỘI
TĂNG TRƯỞNG
VƯỢT TRỘI**



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Kinh tế Việt Nam năm 2024

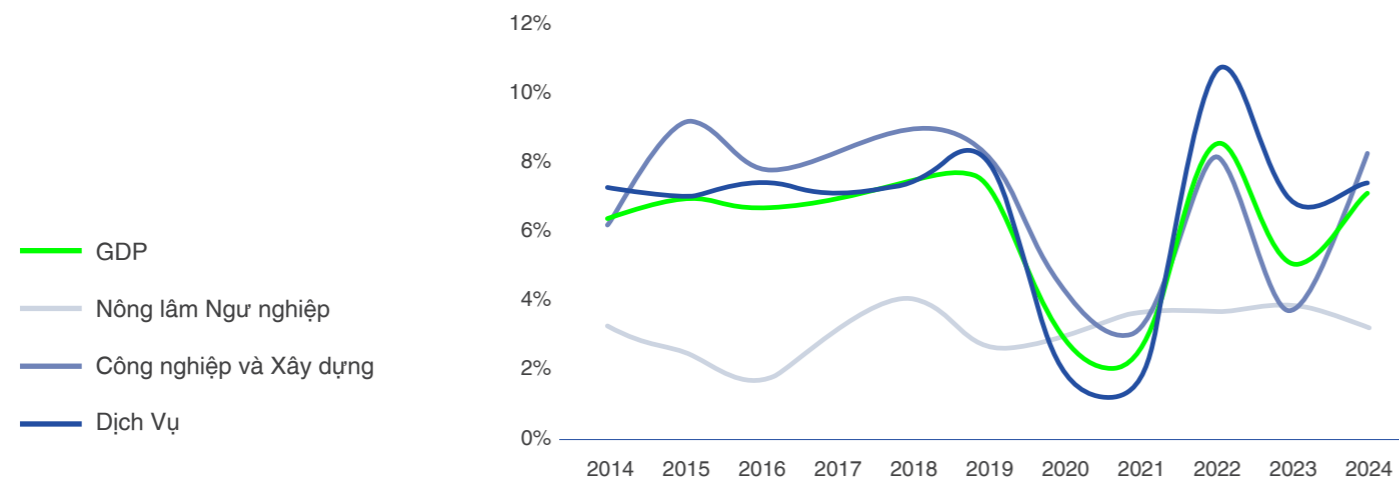
TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2024 VƯỢT KẾ HOẠCH CỦA QUỐC HỘI

↑ 7,1%

Tính chung cả năm 2024, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 7,1% so với năm trước (2023: +5,1%). Kết quả này vượt xa kế hoạch 6,0% - 6,5% được Quốc hội thông qua. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất (8,4%) trong số 3 khu vực chính của nền kinh tế. Đáng chú ý, ngành sản xuất tăng 9,8% trong năm 2024 - mức cao nhất kể từ năm 2019.

Tăng trưởng GDP

Nguồn: TCTK, Vietcap

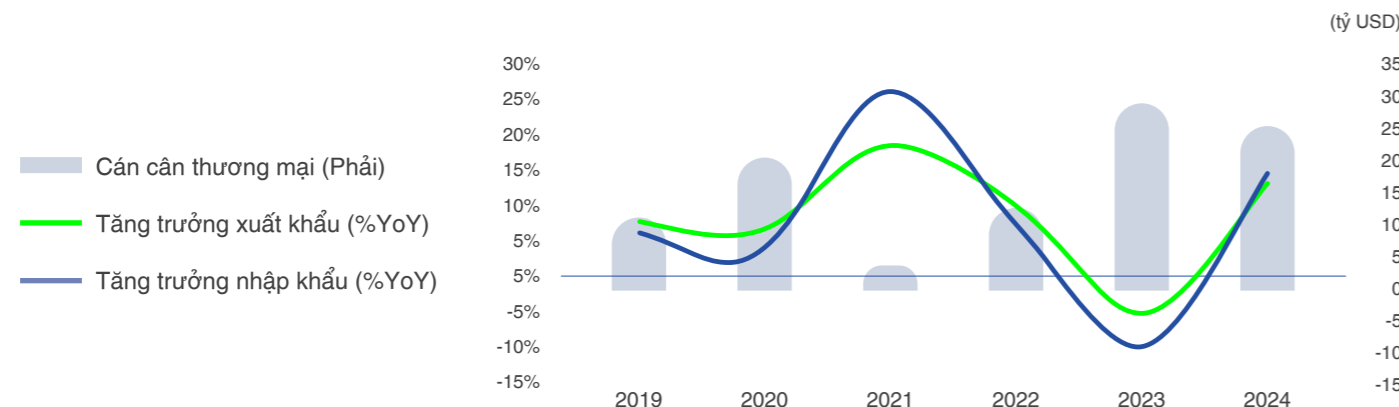


XUẤT KHẨU PHỤC HỒI HỖ TRỢ CHO NGÀNH SẢN XUẤT ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Đà phục hồi của nhu cầu tiêu dùng trên toàn thế giới là động lực chính cho ngành sản xuất định hướng xuất khẩu của Việt Nam. Theo đó, trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng 14,3% đạt 405,5 tỷ USD (2023: - 4,6%), trong khi kim ngạch nhập khẩu cũng tăng 16,7% đạt 380,8 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại đạt 24,8 tỷ USD. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu thì giá trị xuất khẩu sang thị trường Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam đã tăng mạnh 23,3% trong năm 2024 sau khi giảm 11% vào năm 2023.

Xuất khẩu và nhập khẩu

Nguồn: TCTK, Vietcap

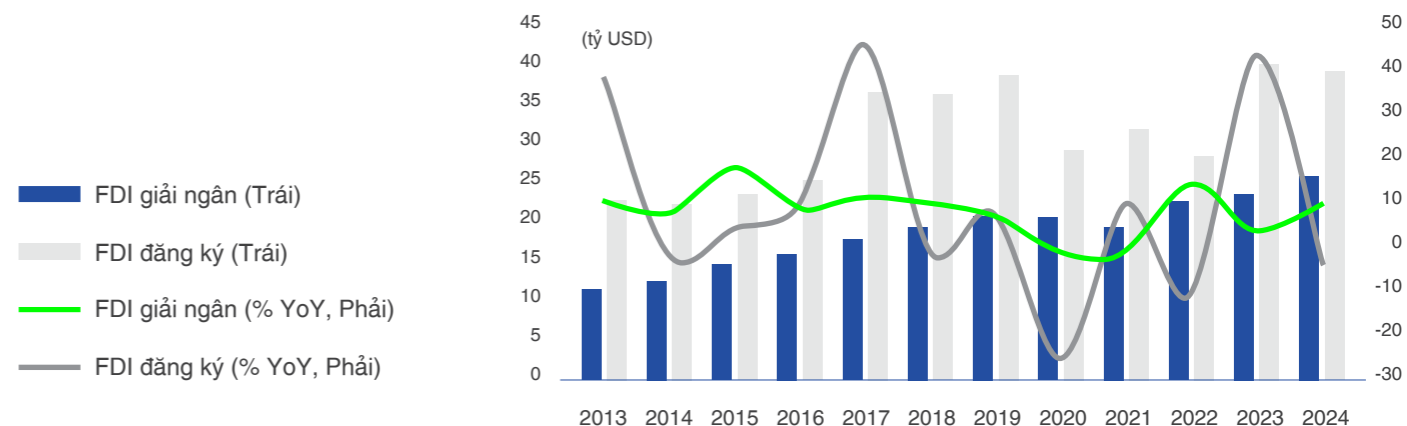


VỐN FDI GIẢI NGÂN ĐẠT MỨC CAO KỶ LỤC TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, tổng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) giải ngân tăng 9,4% lên 25,4 tỷ USD - mức cao nhất từng được ghi nhận từ trước đến nay. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký tăng 3,0% đạt 38,2 tỷ USD - mức cao thứ hai kể từ năm 2009 (chỉ thấp hơn mức ghi nhận vào năm 2023). Đáng chú ý, vốn đăng ký cho dự án mới và mở rộng các dự án cũ (không bao gồm thông qua M&A) tăng 10% lên 33,7 tỷ USD.

Vốn FDI giải ngân và đăng ký

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vietcap



LẠM PHÁT NĂM 2023 THẤP HƠN MỤC TIÊU CHÍNH PHỦ ĐỀ RA

Tính đến tháng 12.2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng 2,94% so với tháng 12.2023, đưa CPI bình quân năm 2024 lên 3,63% - thấp hơn đáng kể so với trần mục tiêu của Chính phủ là "4% - 4,5". Năm 2024, lạm phát bình quân tăng chủ yếu do giá một số hàng hóa và dịch vụ tăng như gạo (+15,9%), giá thuê nhà (+4,6%), học phí, dịch vụ y tế và điện.

Đóng góp vào CPI hàng tháng (điểm %)

Nguồn: TCTK, Vietcap

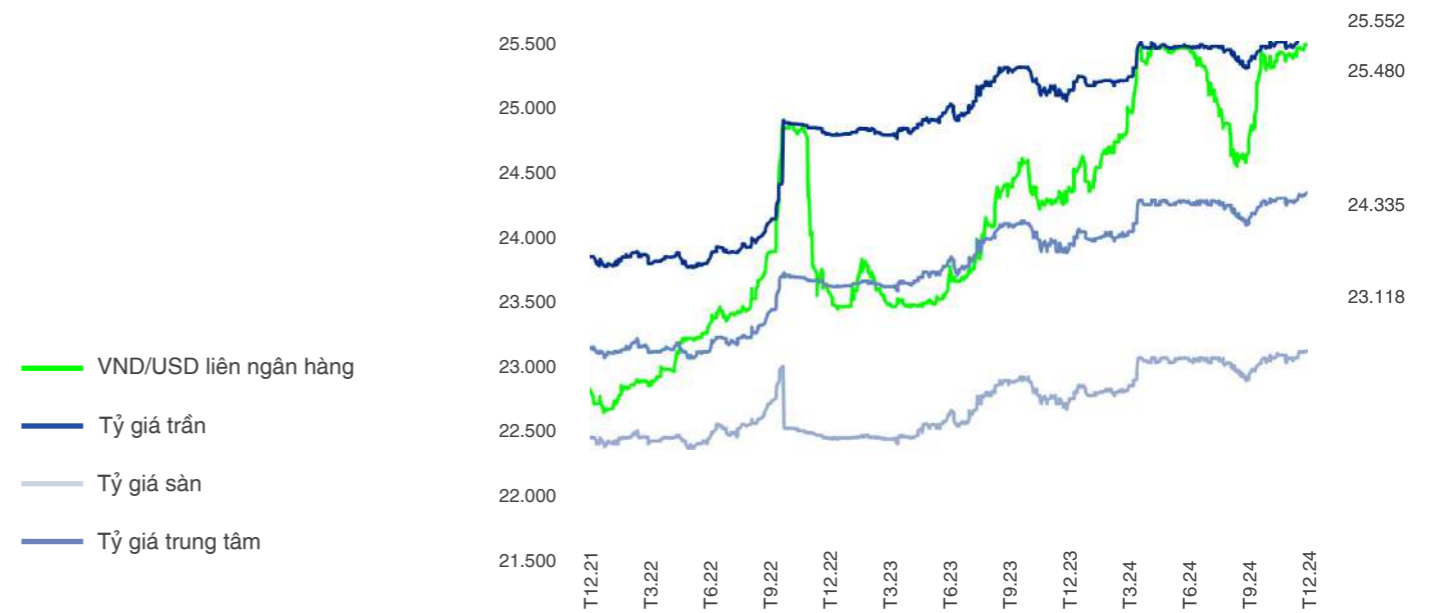


ĐỒNG USD TĂNG MẠNH GÂY ÁP LỰC LÊN TỶ GIÁ

Theo số liệu ghi nhận vào ngày 31.12.2024, tỷ giá USD/VND giao dịch ở mức 25.480 trên thị trường liên ngân hàng - tăng 4,8% trong năm 2024. Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến tỷ giá năm 2024 bao gồm đồng USD tăng mạnh (DXY tăng 7,0%), giá vàng trong nước tăng (SJC tăng 10,8%) đi cùng với nhu cầu thanh toán trái phiếu quốc tế đến hạn vào tháng 11 của Kho bạc Nhà nước.

Tỷ giá hối đoái

Nguồn: Bloomberg, Vietcap



Thị trường chứng khoán Việt Nam 2024

VN-INDEX DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2024

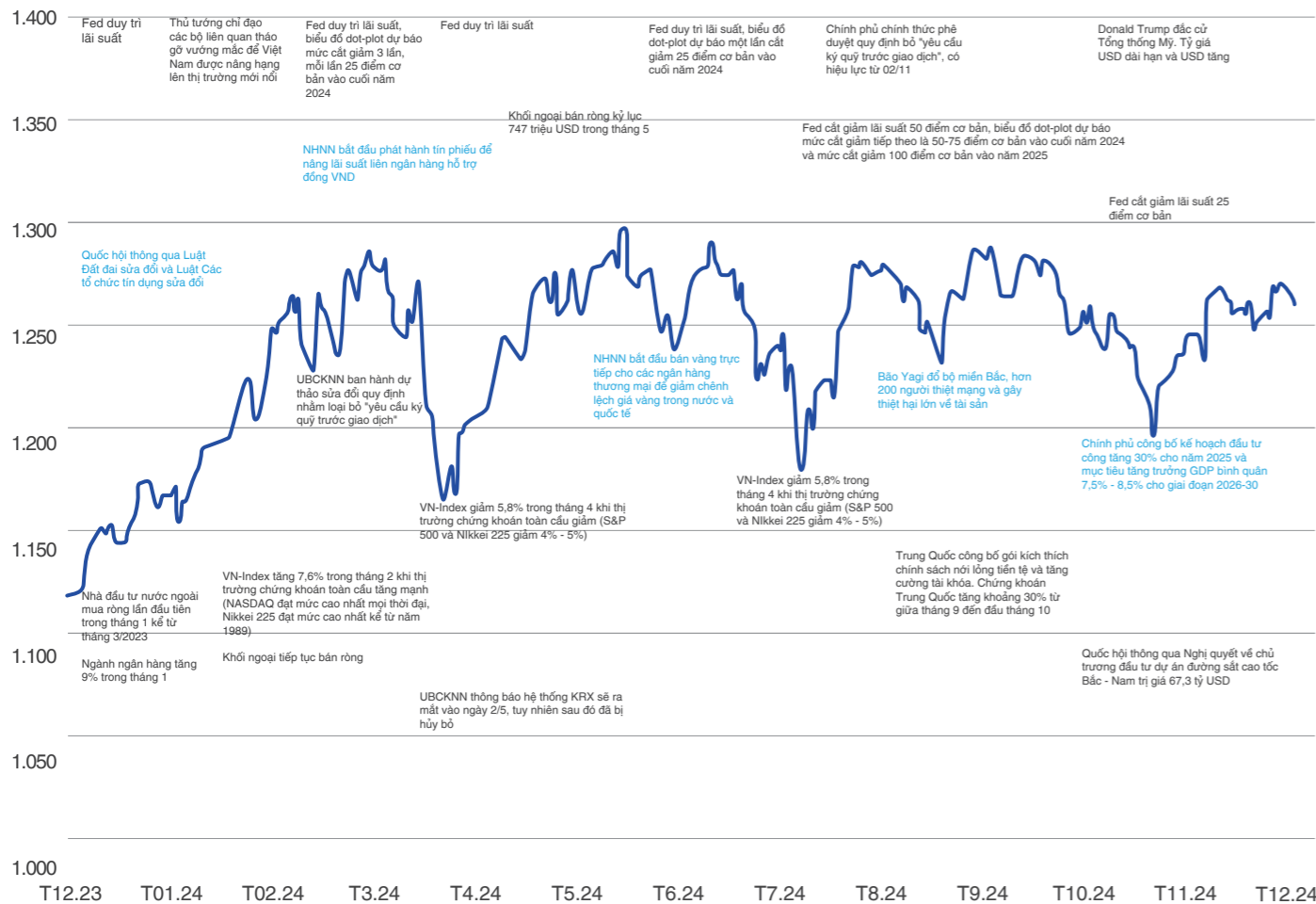
Chỉ số VN-Index (đại diện cho toàn bộ cổ phiếu giao dịch trên sàn HSX) tiếp tục tăng 12% trong năm 2024 (2023: +12%) cùng với đó là một số điểm sáng đáng chú ý:

- Quốc hội thông qua luật mới tác động đến lĩnh vực bất động sản và ngân hàng trong Q1.2024.
- Các quyết định về chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tạo niềm tin rằng chu kỳ thắt chặt lãi suất của Fed đã đạt đỉnh trước đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 9.
- Chính phủ chính thức ban hành Thông tư loại bỏ "yêu cầu ký quỹ trước giao dịch" cho thị trường chứng khoán vào ngày 18.9, đây được xem là tiêu chí then chốt góp phần thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng theo phân loại của FTSE.
- Quốc hội công bố chính sách tài khóa mở rộng trong Q4.2024.

Theo phân loại ngành ICB, trong năm 2024, các ngành dẫn đầu trên HSX là ngành công nghệ, dịch vụ tiêu dùng và bảo hiểm, trong khi các ngành giảm điểm là ngành bất động sản và dịch vụ tài chính (không bao gồm ngân hàng và bảo hiểm).
 Tính đến cuối năm 2024, tổng giá trị vốn hóa thị trường của Việt Nam đạt 284 tỷ USD (tương đương 60% GDP năm 2024).

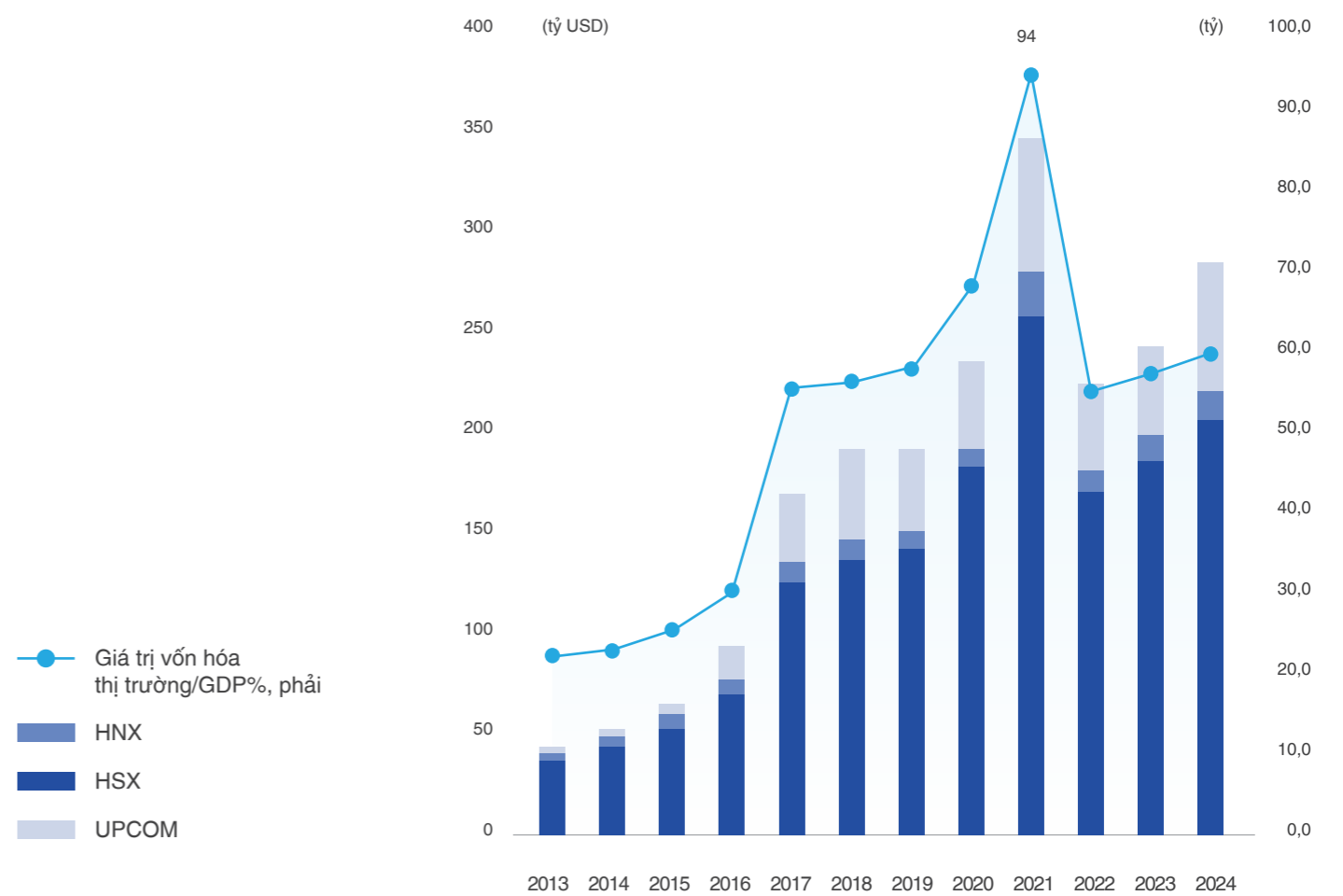
VN-Index và các sự kiện quan trọng trong năm 2024

Nguồn: FiinPro, Vietcap tổng hợp



Tổng giá trị vốn hóa và giá trị vốn hóa/GDP

Nguồn: Fiinpro, Vietcap



GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng

3,7 TỶ USD

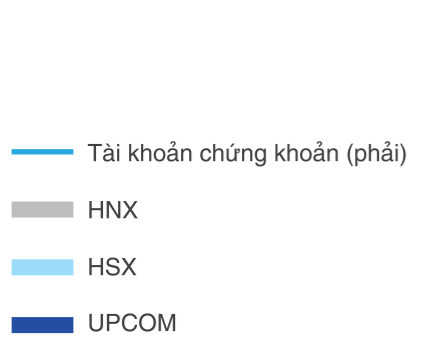
trên thị trường chứng khoán Việt Nam (so với mức mua ròng 891,5 triệu USD trong năm 2023). Việc bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2024 có thể do một số nguyên nhân:

- Tâm lý chốt lời sau khi VN-Index tăng 14% trong Q1.2024.
- Các quyết định phân bổ tài sản cho các thị trường phát triển có lợi hơn so với các thị trường đang phát triển khi chỉ số đồng USD DXY tăng trong hầu hết thời gian của cả năm.
- Xu hướng AI (bùng nổ trên toàn cầu trong năm 2024) chưa thực sự phát triển tại thị trường Việt Nam.
- Thay đổi một số vị trí lãnh đạo cấp cao tại Việt Nam.
- Những lo ngại kéo dài về các vấn đề trên thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp.

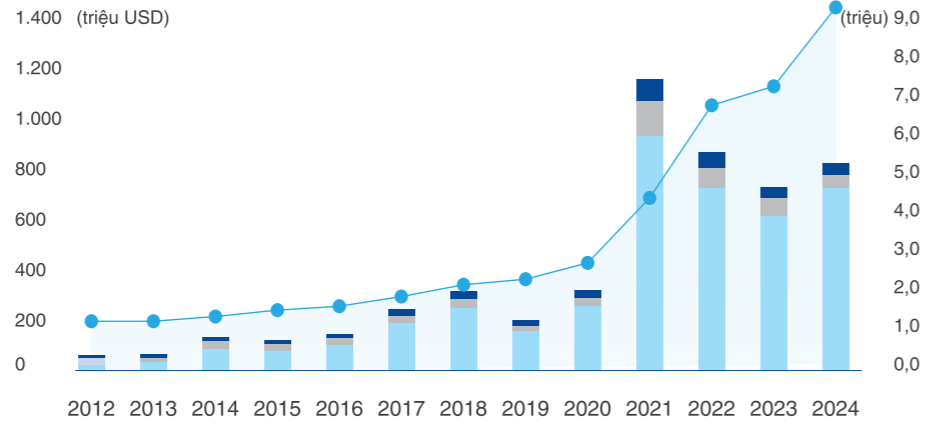
GIÁ TRỊ GIAO DỊCH VÀ TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH/VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGD TBN) trên tổng cả ba sàn giao dịch tăng 19% YoY đạt 826 triệu USD vào năm 2024. Trong khi đó, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tăng từ 7,3 triệu lên 9,3 triệu. Tổng giá trị giao dịch/vốn hóa thị trường tăng nhẹ từ 78% trong năm 2023 lên 79% trong năm 2024.

Giá trị giao dịch trung bình ngày và tài khoản chứng khoán



Nguồn: Fiiopro, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Vietcap



VIỆT NAM VẪN NẪM TRONG DANH SÁCH THEO DÕI XEM XÉT NÂNG HẠNG CỦA FTSE RUSSELL

Theo Báo cáo Phân loại Thị trường Chứng khoán thường niên của FTSE mới nhất được công bố vào tháng 10.2024, Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi để xem xét nâng hạng tiềm năng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Việt Nam đã nằm trong danh sách này kể từ tháng 9.2018 và hiện đáp ứng hầu hết các tiêu chí để được xem xét nâng hạng. Tuy nhiên, tiêu chí "Chu kỳ quyết toán (DvP)" của Việt Nam hiện vẫn còn bỏ ngỏ, đây được xem là yếu tố "hạn chế" do thị trường thực hiện kiểm tra trước giao dịch để đảm bảo đủ tiền trước khi khớp lệnh, còn được gọi là yêu cầu "kỳ quỹ trước giao dịch".

Do giao dịch không thành công không xảy ra theo thông lệ thị trường hiện tại, nên tiêu chí "Thanh toán - Chi phí liên quan đến giao dịch không thành công" vẫn chưa được đánh giá.

Vào tháng 10.2024, FTSE cũng đề cập rằng "Cần phải cải thiện quy trình đăng ký tài khoản mới, do các thủ tục hiện tại có thể dẫn đến chậm trễ. Bên cạnh đó, việc đưa ra một cơ chế hiệu quả để cho phép giao dịch giữa các nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư trong nước đối với chứng khoán sắp đạt hoặc đã đạt giới hạn sở hữu nước ngoài (FOL) cũng được xem là yếu tố quan trọng".

TIỀM NĂNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC THÊM VÀO DANH MỤC NẾU THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM ĐƯỢC NÂNG HẠNG THEO PHÂN LOẠI CỦA FTSE

FTSE ước tính có thể mang lại dòng vốn đầu tư khoảng

500 TRIỆU USD

Dựa trên dữ liệu vốn hóa thị trường được điều chỉnh theo tỷ lệ tự do chuyển nhượng từ FTSE và MSCI tính đến ngày 30.8.2024, Việt Nam chiếm khoảng 0,5% tổng giá trị vốn hóa của thị trường mới nổi. Giả định tỷ trọng phân bổ cho Việt Nam là 0,5%, việc thị trường Việt Nam được nâng hạng theo phân loại của FTSE ước tính có thể mang lại dòng vốn đầu tư khoảng 500 triệu USD đến từ các quỹ ETF, trong khi việc nâng hạng theo MSCI có thể thu hút thêm 1 tỷ USD. Tỷ trọng và dòng vốn liên quan sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ tự do chuyển nhượng và tổng giá trị vốn hóa thị trường của Việt Nam tại thời điểm được thêm vào danh mục.

Nâng hạng theo MSCI hút thêm

1.000.000.000 USD

Dựa trên dữ liệu vốn hóa thị trường được điều chỉnh theo tỷ lệ tự do chuyển nhượng từ FTSE và MSCI tính đến ngày 30.8.2024, Việt Nam chiếm khoảng 0,5% tổng giá trị vốn hóa của thị trường mới nổi. Giả định tỷ trọng phân bổ cho Việt Nam là 0,5%, việc thị trường Việt Nam được nâng hạng theo phân loại của FTSE ước tính có thể mang lại dòng vốn đầu tư khoảng 500 triệu USD đến từ các quỹ ETF, trong khi việc nâng hạng theo MSCI có thể thu hút thêm 1 tỷ USD. Tỷ trọng và dòng vốn liên quan sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ tự do chuyển nhượng và tổng giá trị vốn hóa thị trường của Việt Nam tại thời điểm được thêm vào danh mục.

NHÂN SỰ

Thành công của tổ chức không chỉ nằm ở tài sản vật chất mà còn là sự tận tâm, sáng tạo và phát triển của đội ngũ nhân sự.



Trong bất kỳ lĩnh vực nào, đặc biệt là tài chính - chứng khoán, sự thành công không chỉ được đo lường bằng quy mô tài sản hay doanh thu mà còn ở khả năng xây dựng giá trị bền vững thông qua đội ngũ nhân sự. Trong đó, con người chính là yếu tố cốt lõi. Với sự tận tâm và sáng tạo, đội ngũ nhân sự là nguồn lực quan trọng nhất để thúc đẩy Vietcap không ngừng đổi mới và phát triển như hiện tại. Chính vì lẽ đó, Vietcap luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, không chỉ là nơi khơi nguồn sáng tạo mà còn ghi nhận và trân trọng mọi đóng góp, cống hiến của mỗi cá nhân trên tinh thần phát triển bền vững.

Tại Vietcap, mỗi quyết định đầu tư, mỗi khuyến nghị tài chính, mỗi sản phẩm và dịch vụ đều là kết tinh từ sự tận tâm, tinh thần trách nhiệm và tâm huyết của toàn thể đội ngũ nhân sự đối với khách hàng. Trên tinh thần tận tâm cống hiến và không ngừng vươn tới những tiêu chuẩn cao nhất, chúng tôi luôn giữ vững tâm niệm rằng mọi hoạt động đều nhằm hướng đến lợi ích tối ưu cho khách hàng, từ đó mở ra những cơ hội mới, giải pháp mới để đáp ứng nhu cầu thị trường đang từng ngày thay đổi. Điều này đã và đang góp phần giúp Vietcap giữ vững vị thế trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày một tăng cao, đồng thời là chìa khóa cốt lõi để củng cố niềm tin và giữ vững sự hài lòng của khách hàng. Đây chính là giá trị cốt lõi mà chúng tôi cam kết duy trì trên hành trình phát triển bền vững.



Vietcap - Nơi hội tụ những khác biệt, kiến tạo thành công

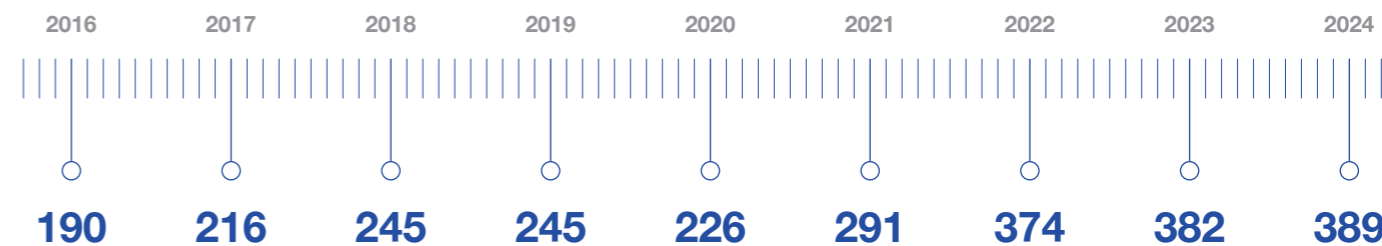
Vietcap tự hào đem đến một môi trường làm việc đa dạng với đội ngũ nhân sự tài năng đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau như Việt Nam, Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Canada và Na Uy... Sự phong phú về tư duy, kỹ năng và kinh nghiệm đã mang lại sức mạnh vững vàng cho tổ chức, giúp chúng tôi đưa ra những quyết định chính xác và hiệu quả. Chúng tôi hiểu rằng việc sở hữu sự đa dạng về các nền văn hóa không chỉ tạo ra sự gắn kết nội bộ mà còn thu hút tài năng từ nhiều lĩnh vực khác nhau, mở ra cơ hội đổi mới và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

Trên tinh thần đó, Vietcap luôn tận dụng sự đa dạng trong đội ngũ nhân sự làm nền tảng để xây dựng văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững. Sự khác biệt của Vietcap đến từ nhiều khía cạnh như nền tảng văn hóa, trình độ học vấn, phong cách làm việc, kinh nghiệm chuyên môn... trên tinh thần tôn trọng và khai thác tối đa nguồn lực đầy tiềm năng nhằm tạo ra một môi trường hợp tác đa dạng, nơi các ý tưởng sáng tạo và giải pháp đột phá được phát triển.

Tại Vietcap, sức mạnh tập thể được khơi dậy từ tinh thần đoàn kết của đội ngũ nhân viên và mục tiêu cộng tác cùng nhau phát triển. Chúng tôi luôn lắng nghe và khuyến khích ý kiến đóng góp từ các thành viên, tạo điều kiện tốt nhất để hoàn thành công việc với tinh thần nhiệt huyết, mang lại hiệu suất tối ưu cho mọi hoạt động. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chứng khoán đòi hỏi sự chính xác và nhanh nhạy, một đội ngũ gắn kết sẽ là yếu tố then chốt để đạt được thành công.

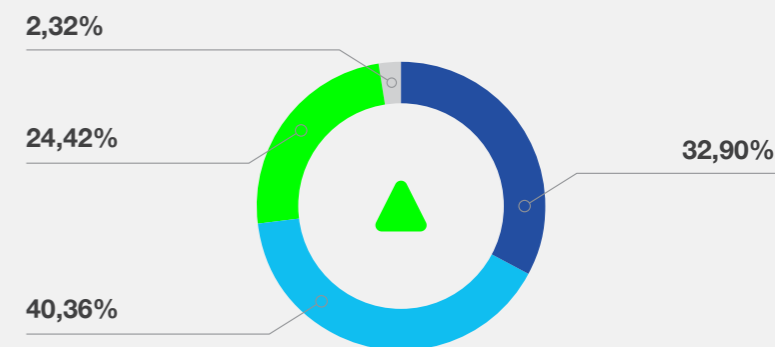


SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM



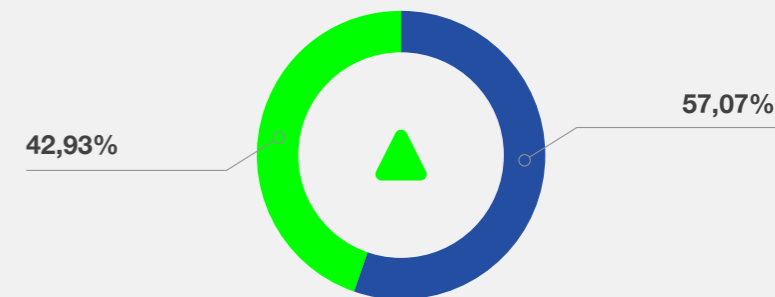
Theo độ tuổi (%)

- Dưới 30 tuổi (128)
- Từ 30 - 40 tuổi (157)
- Từ 40 - 50 tuổi (95)
- Trên 50 tuổi (9)



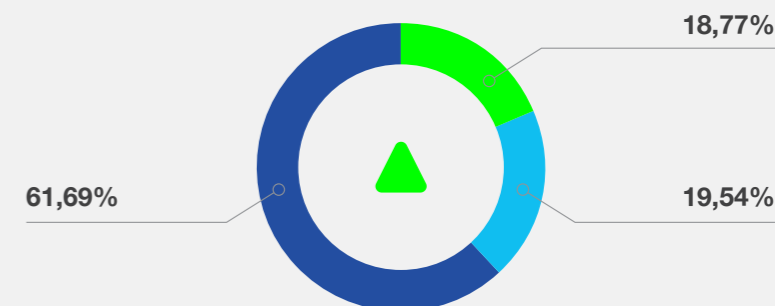
Theo giới tính (%)

- Giới tính Nam (222)
- Giới tính Nữ (167)



Theo số năm cống hiến (%)

- Trên 10 năm (73)
- Từ 5 - 10 năm (76)
- Dưới 5 năm (240)



TUYỂN DỤNG



Nguồn nhân lực trẻ: Nhân tố tất yếu trong giai đoạn mới

Vietcap duy trì chiến lược tuyển dụng với sự đầu tư cẩn trọng, hướng đến việc tìm kiếm và lựa chọn những nhân sự tài năng và phù hợp với văn hóa và mục tiêu phát triển của Công ty. Các kế hoạch tuyển dụng của chúng tôi không chỉ tìm kiếm những ứng viên có năng lực chuyên môn cao mà còn tập trung vào việc xây dựng nguồn nhân lực trẻ, sáng tạo và đầy nhiệt huyết. Đây sẽ là làn gió mới và nhân tố quan trọng cho mục tiêu phát triển dài hạn. Điều này góp phần đẩy mạnh thực hiện hóa các chiến lược kinh doanh giúp Vietcap tiếp tục phát triển bền vững và hiệu quả.

Để làm được điều đó, chúng tôi tập trung nguồn lực vào các hoạt động hợp tác cùng các trường đại học hàng đầu thông qua việc kết nối, thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài và tổ chức thành công nhiều hoạt động tuyển sinh, chương trình thực tập với các trường đại học lớn như trường Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Kinh tế - Tài chính, Đại học Ngân hàng... Với mục tiêu tạo ra một chương trình thực tập sinh hoàn toàn mới, chuyên nghiệp và mở ra cơ hội để các bạn trẻ thể hiện tài năng một cách toàn diện, chúng tôi đã thành công khởi động Chương trình Sinh viên Tài năng Vietcap 2024. Chương trình đã mang lại nhiều trải nghiệm mới, góp phần củng cố và cung cấp kiến thức thực tiễn về lĩnh vực chứng khoán cho các bạn sinh viên. Đây cũng là dịp để các bạn gặp gỡ và học hỏi từ đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm, đồng thời là cơ hội để chúng tôi tìm kiếm và tuyển dụng các ứng viên tiềm năng, từng bước trở thành nhân sự chính thức của Vietcap.

Đồng hành cùng chiến lược kinh doanh của Công ty và mục tiêu đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ AI vào lĩnh vực chứng khoán, Vietcap đã và đang tiếp tục mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn cũng như tuyển dụng thành công nhiều ứng viên trẻ, năng động, đồng thời phát triển nhiều ý tưởng mới mẻ, đặc biệt trong lĩnh vực Công nghệ. Những nhiệm vụ mới đầy thử thách sẽ giúp nhân sự phát triển kỹ năng chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm. Chúng tôi luôn giữ vững triết lý và định hướng trong quản trị điều hành trên tinh thần cam kết mang đến cho nhân viên những lợi ích xứng đáng với những đóng góp cho sự phát triển chung, xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, nơi mọi cá nhân có thể phát triển và cống hiến lâu dài cùng Công ty.

Tổng số ứng viên tiềm năng mà Vietcap nhận trong năm 2024: hơn 8.000 hồ sơ. Trong đó nổi bật nhất là hai phòng Đối mới Sáng tạo & Công nghệ Thông tin và phòng Marketing nhận được hơn 5.212 hồ sơ ứng tuyển.

Phần lớn các hồ sơ ứng tuyển đến từ các trường hàng đầu trong và ngoài nước như: Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học RMIT, Đại học Ngân hàng, Đại học Bách Khoa, Đại học FPT, Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Monash (Úc), Đại học Melbourne (Úc), Đại học Western Sydney, Đại học Pennsylvania (Mỹ) và các trường đại học quốc tế khác.

Định hướng năm 2025, chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong môi trường làm việc. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học hàng đầu trong các hoạt động hợp tác tuyển sinh và hướng nghiệp, góp phần tạo ra một đội ngũ nhân sự trẻ chất lượng cao, linh hoạt và đáp ứng tốt với những thay đổi của thị trường.

8.000+

HỒ SƠ TIỀM NĂNG

Đào tạo: Nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp trước mọi biến động

Phát triển năng lực chuyên môn song song với việc cập nhật những kỹ năng mềm, kiến thức công nghệ mới theo nhịp thay đổi của thị trường là ưu tiên hàng đầu của Vietcap. Chúng tôi tin rằng, mỗi nhân viên không chỉ là chuyên gia trong lĩnh vực của mình mà còn là những nhà lãnh đạo hiện tại và tương lai, cùng đồng hành trong quá trình phát triển chiến lược của Công ty. Bằng cách cung cấp các chương trình đào tạo chuyên sâu phù hợp với mỗi bước triển của nhân viên từ khi gia nhập Vietcap, chúng tôi đã và đang xây dựng một nền tảng vững chắc, giúp đội ngũ nhân sự không ngừng hoàn thiện kỹ năng và phát triển bền vững.

KHỐI KINH DOANH

Trong năm 2024, chúng tôi đã thành công tổ chức 8 lớp đào tạo chứng khoán tập trung phối hợp cùng Trung tâm Nghiên cứu Khoa học & Đào tạo Chứng khoán để đảm bảo rằng mọi nhân viên đều được cung cấp kiến thức nền tảng vững chắc về quy định pháp lý, nghiệp vụ chứng khoán và các xu hướng thị trường hiện hành, đồng thời sở hữu đầy đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bên cạnh đó, hệ thống đào tạo nội bộ của Vietcap đã tổ chức các kỳ thi thử định kỳ giúp nhân sự tự đánh giá và chuẩn bị kỹ lưỡng cho các kỳ thi chứng chỉ chính thức. Các kỳ thi này không chỉ giúp nhân viên xác định được những lợi thế và hạn chế của bản thân mà còn tạo điều kiện để họ làm quen với định dạng và yêu cầu của kỳ thi thực tế. Thông qua việc liên tục tham gia các khóa học và kỳ thi thử, nhân sự khối Môi giới đã nâng cao được kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro và quản lý danh mục đầu tư hiệu quả hơn.

08

LỚP ĐÀO TẠO
CHỨNG KHOÁN

16

NHÂN VIÊN
ĐẠT CHỨNG CHỈ CFA

KHỐI NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

Vietcap tiếp tục khuyến khích nhân viên đạt được chứng chỉ CFA (Chartered Financial Analyst) theo từng cấp độ. Số lượng nhân viên có chứng chỉ CFA: 16

KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Đội ngũ quản trị mạng được tham gia các khóa học nâng cao tại các học viện uy tín, đảm bảo hệ thống công nghệ của Công ty luôn vận hành ổn định và bảo mật. Ngoài ra, chúng tôi còn tổ chức các khóa học kỹ năng mềm cho toàn bộ nhân viên Khối Công nghệ nhằm hỗ trợ nhân viên nâng cao góc nhìn giải quyết vấn đề, cải thiện tính tích cực và chủ động hơn trong hoạt động nhóm để tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.



ĐÀO TẠO NỘI BỘ KHỐI MÔI GIỚI

Trong năm 2024, khối Môi giới đã chú trọng phát triển kỹ năng đàm phán và thương lượng với khách hàng, không chỉ bổ sung kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện những kỹ năng mềm cần thiết để đàm phán hiệu quả. Chương trình đào tạo này được thiết kế để giúp nhân viên môi giới tự tin hơn trong việc đàm phán, thương lượng và xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng. Khóa học bao gồm các buổi lý thuyết và thực hành, mô phỏng tình huống thực tế và học hỏi từ các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực, giúp nhân sự môi giới nâng cao khả năng thấu hiểu để lựa chọn giải pháp phù hợp nhất với khách hàng.

HỆ SINH THÁI HỌC TẬP CHỦ ĐỘNG E-LEARNING

Vietcap đã đẩy mạnh việc phát triển hệ sinh thái học tập chủ động E-Learning nhằm nâng cao năng lực và đáp ứng các mục tiêu phát triển công việc cho nhân sự. Phòng Đào tạo Môi giới đã tổ chức các buổi Webinar giới thiệu những cập nhật quan trọng về hệ sinh thái học tập, bao gồm hệ thống học toàn diện với các chương trình đào tạo hội nhập dành cho nhân viên mới, chương trình học tập chuyên sâu dành cho khối Môi giới và các khóa kỹ năng mềm (video, motion graphic kết hợp với các thành tố trò chơi gamification tương tác trực tiếp bài học) phù hợp cho tất cả nhân viên đến từ nhiều phòng ban khác nhau. Ngoài ra, các tài liệu đào tạo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước còn được chúng tôi hệ thống hóa theo 8 môn học cùng với đề thi chứng chỉ hành nghề cho Môi giới và Quản lý quỹ trên E-Learning nhằm hỗ trợ nhân viên có thể xem lại kiến thức, ôn tập trước các kỳ thi quan trọng.

Vietcap cũng cung cấp các chương trình ôn tập các chứng chỉ quốc tế như CFA và CMT, hỗ trợ Mock Test và đăng ký thi các chứng chỉ này. Hệ thống học tập cá nhân hóa với hơn 5.000 khóa học từ các nền tảng uy tín như Harvard, Coursera, Udemy, eDx và Alison giúp nhân viên phát triển kỹ năng theo tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống thi và luyện thi với hơn 1.000 câu hỏi chuyên môn giúp nhân viên luyện tập các chứng chỉ hành nghề chứng khoán, thư viện Ebook và sách nói phong phú. Ngoài ra, việc tích hợp AI hỗ trợ gia tăng tốc độ học và thi đã tạo nên một môi trường học tập linh hoạt, hiệu quả và hiện đại. Nhờ vào những nỗ lực này, Vietcap đã xây dựng được một hệ sinh thái E-Learning mạnh mẽ, hỗ trợ nhân sự tự học, nâng cao kỹ năng và luôn cập nhật kiến thức mới nhất, góp phần vào sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Vietcap sẽ tiếp tục tổ chức các khóa học kỹ năng mềm và kỹ thuật chuyên môn với các trung tâm đào tạo hàng đầu tại Việt Nam, cũng như cập nhật thêm nhiều chương trình đào tạo mới trên nền tảng E-Learning và cung cấp thư viện học online linh hoạt, hiệu quả cho toàn bộ nhân viên.

5.000

KHÓA HỌC TỪ CÁC NỀN TẢNG UY TÍN

“ Thu nhập cạnh tranh và Phúc lợi hấp dẫn - sự công nhận xứng đáng cho giá trị mà nhân sự mang lại.

Chính sách thu nhập và phúc lợi là một trong những yếu tố cốt lõi giúp Vietcap thu hút và giữ chân nhân tài trong môi trường cạnh tranh cao của ngành tài chính. Với mục tiêu trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu, Công ty cam kết mang đến chế độ đãi ngộ không chỉ đáp ứng mà còn vượt kỳ vọng của đội ngũ nhân sự.

Mức thu nhập của Công ty được xây dựng dựa trên nguyên tắc cạnh tranh so với mặt bằng chung của thị trường, gắn liền với hiệu suất làm việc và đóng góp cá nhân. Hệ thống lương, thưởng được thiết kế minh bạch, linh hoạt và công bằng giúp tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa năng lực. Ngoài thu nhập cố định, các khoản thưởng theo kết quả kinh doanh và thành tích cá nhân được triển khai nhằm ghi nhận những đóng góp xuất sắc, khuyến khích sự sáng tạo và cam kết của nhân viên. Vietcap đã duy trì áp dụng chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt (ESOP) hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và sự gắn bó lâu dài với Công ty.

Vietcap luôn chú trọng đến phúc lợi toàn diện, bao gồm bảo hiểm sức khỏe cao cấp PVI cho phép nhân viên được trải nghiệm những dịch vụ và trợ cấp y tế hiện đại và cao cấp nhất ở trong và ngoài nước, cùng với đó là các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cũng như chính sách nghỉ phép linh hoạt. Các chương trình đào tạo chuyên sâu, cơ hội thăng tiến rõ ràng và môi trường làm việc hiện đại cũng là những yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của đội ngũ nhân sự.

Với phương châm “Đầu tư vào con người là đầu tư cho tương lai”, Công ty luôn nỗ lực cải thiện chính sách phúc lợi để không chỉ tạo ra giá trị cho nhân viên mà còn góp phần xây dựng một đội ngũ nhân sự mạnh mẽ, gắn bó và sẵn sàng đồng hành cùng sự phát triển của Vietcap trên mọi chặng đường.





Một hệ thống đánh giá minh bạch là lời cam kết của doanh nghiệp đối với sự công bằng và phát triển cho nhân tài

Tại Vietcap, tính minh bạch trong quy trình đánh giá nhân sự không chỉ là một yêu cầu quan trọng để đảm bảo tính công bằng, mà còn là nền tảng để xây dựng niềm tin và sự gắn kết trong tổ chức. Đối với Vietcap, mỗi cá nhân đều đóng vai trò thiết yếu trong việc tạo ra giá trị và đảm bảo uy tín thương hiệu. Chính bởi vậy, việc đánh giá minh bạch càng trở nên cần thiết để thúc đẩy hiệu suất làm việc và sự phát triển bền vững của đội ngũ nhân sự.

Quy trình đánh giá hàng năm tại Vietcap được thực hiện dựa trên các tiêu chí rõ ràng, gắn liền với mục tiêu chiến lược và kết quả thực tế mà nhân viên đạt được. Hệ thống đánh giá bao gồm các yếu tố định lượng như kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc, cùng các yếu tố định tính như sự cam kết, sáng tạo và khả năng làm việc nhóm.

Nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch, chúng tôi đã áp dụng công nghệ hỗ trợ đánh giá, kết hợp với phản hồi từ nhiều bên liên quan (360-degree feedback), trong đó nhân viên được khuyến khích tham gia vào quá trình đánh giá bằng cách cung cấp tự đánh giá và trao đổi cởi mở với quản lý trực tiếp về kết quả đạt được, những điểm cần cải thiện và định hướng phát triển trong tương lai.

Thông qua cơ chế hoạt động minh bạch, đội ngũ nhân sự Vietcap không chỉ hiểu rõ hơn về tiêu chí đánh giá chất lượng công việc mà còn nhận được phản hồi mang tính xây dựng, từ đó định hình lộ trình phát triển nghề nghiệp. Điều này cũng góp phần tạo cơ hội cho Ban lãnh đạo Vietcap ghi nhận một cách chính xác và khách quan những đóng góp của từng cá nhân nhằm đưa ra các quyết định khen thưởng, thăng tiến và đào tạo một cách công bằng và hiệu quả.

Trong bối cảnh chuyển đổi số cùng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, Vietcap đã triển khai nâng cấp phần mềm nhân sự HRM Pro nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý và đánh giá nhân sự. Hệ thống này đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao trải nghiệm của nhân viên và đảm bảo sự linh hoạt trong vận hành. Đối với Vietcap, sự chính xác, tốc độ và tính minh bạch là ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, phần mềm nhân sự HRM Pro không ngừng được nâng cấp không chỉ giúp chuẩn hóa quy trình mà còn đảm bảo sự gắn kết và phát triển của đội ngũ nhân sự trong môi trường làm việc năng động và yêu cầu cao.

Sự minh bạch trong đánh giá nhân sự không chỉ là một công cụ quản lý mà còn là chìa khóa để nâng cao tinh thần làm việc, củng cố sự gắn bó của đội ngũ nhân sự và xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ, nơi mọi nỗ lực đóng góp đều được ghi nhận và trân trọng.

LỢI NHUẬN BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI QUA CÁC NĂM

Năm	Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	Số nhân viên	Lợi nhuận/người
2017	802.977.679.615	216	3.717.489.257
2018	1.011.455.908.924	245	4.128.391.465
2019	855.007.109.256	245	3.489.824.936
2020	951.038.957.081	226	4.208.136.978
2021	1.850.585.393.088	291	6.359.399.976
2022	1.059.738.713.385	374	2.833.525.972
2023	570.138.640.134	382	1.492.509.529
2024	1.089.337.104.906	389	2.800.352.455



Luôn phấn đấu vì mục tiêu phát triển bền vững

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Đạo đức kinh doanh không chỉ là giá trị cốt lõi của Vietcap mà còn là chìa khóa để xây dựng các mối quan hệ hợp tác bền vững.

Sự phát triển bền vững đòi hỏi Vietcap luôn đảm bảo cân bằng giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm xã hội, mang lại giá trị dài hạn cho cả doanh nghiệp và các đối tác.

DUY TRÌ TÁC PHONG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP

Chính trực là giá trị nền tảng cho hoạt động kinh doanh nhất quán và đặt lợi ích chung, lợi ích của cộng đồng lên hàng đầu.

Tác phong làm việc chuyên nghiệp với cam kết đảm bảo chất lượng dịch vụ, thái độ hợp tác, và kiểm soát mọi mâu thuẫn, sai phạm.

XÂY DỰNG SỰ TÍN NHIỆM VÀ TIN CẬY

Minh bạch và trung thực trong các hoạt động kinh doanh giúp Vietcap xây dựng lòng tin từ các đối tác, tạo cơ sở cho sự hợp tác lâu dài, từ đó tiến đến các mối quan hệ đối tác chiến lược.

Sự tín nhiệm không chỉ đến từ các cam kết mà còn từ cách Vietcap thực hiện và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan.

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Vietcap không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn tích cực tham gia vào việc phát triển cộng đồng thông qua các chương trình xã hội thiện nguyện hoặc bảo vệ môi trường.

Sự đóng góp cho cộng đồng không chỉ góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu mà còn củng cố mối quan hệ với các bên liên quan, bao gồm cả đối tác và khách hàng, mang lại giá trị tích cực cho xã hội.

ĐẢM BẢO TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT TUÂN THỦ

Việc tuân thủ luật pháp, các quy định ngành nghề và chuẩn mực đạo đức không chỉ đảm bảo hoạt động kinh doanh của Vietcap diễn ra an toàn mà còn bảo vệ quyền lợi của các đối tác.

Cam kết tuân thủ là lời khẳng định về sự chính trực và tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp, giúp tạo ra một môi trường hợp tác minh bạch và công bằng.



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2024, tình hình vĩ mô nói chung và thị trường vốn Việt Nam nói riêng xuất hiện một số chuyển biến tích cực so với năm 2023.

”

Mặc dù vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tương đối trầm lắng do sức tiêu thụ chưa hoàn toàn phục hồi, cùng với áp lực tỷ giá, lãi suất tăng nhẹ, thiếu nguồn cung các cổ phiếu hấp dẫn trong xu hướng thế giới về ngành công nghệ, dòng vốn toàn cầu chuyển hướng sang Mỹ, v.v... Xu hướng khối ngoại bán ròng mạnh tiếp tục duy trì trong năm 2024 ở các thị trường chứng khoán Đông Nam Á nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Dòng vốn đầu tư tư nhân cũng chịu áp lực khi thanh khoản của thị trường chứng khoán giảm khiến triển vọng thoái vốn của các quỹ đầu tư tư nhân nhằm mục đích thực hiện hóa lợi nhuận trở nên khó khăn hơn.

Bên cạnh các khó khăn này, trong năm 2024, chúng tôi cũng bắt đầu nhận thấy xu hướng gia tăng nhu cầu huy động vốn và mua bán sáp nhập của doanh nghiệp nội địa để nắm bắt các cơ hội tăng trưởng được kỳ vọng sau giai đoạn kinh tế Việt Nam có độ chững lại. Song song với nhu cầu này, trong năm 2024, các nhà đầu tư cổ phần tư nhân (private equity) vừa huy động được nguồn tiền mới sau đại dịch Covid-19, đồng thời các doanh nghiệp lớn mạnh thêm sau đại dịch cũng có xu hướng tích cực tìm kiếm cơ hội mua tài sản tốt tại Việt Nam. Tuy nhiên, các nhà đầu tư cổ phần tư nhân có thể vẫn cần thêm thời gian để phân tích về hướng thoái vốn rõ ràng cho các giao dịch thiểu số (minority transactions) như khả năng IPO, thị trường M&A vốn tư nhân sôi nổi hơn, v.v... Trong khi đó, các giao dịch mua lại quyền chi phối (buy-out transactions) cần trải qua giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp và đạt được kỳ vọng của bên mua và bên bán giữa bối cảnh các thủ tục hành chính cần nhiều thời gian hơn khi nỗ lực tinh giản bộ máy của Chính phủ mới vừa được khởi động.

Dưới góc độ của các quỹ đầu tư đại chúng, nhiều nhà đầu tư hiện vẫn đang ở trạng thái thận trọng, chọn đứng ngoài thị trường và chờ tín hiệu tích cực rõ ràng hơn. Trong nhiều trường hợp, ngoài việc nhìn vào định giá hấp dẫn, các quỹ còn đang chờ đợi một số tín hiệu của yếu tố hỗ trợ để gia tăng phân bổ vốn vào Việt Nam như nâng hạng thị trường, kèm theo các cơ chế hỗ trợ thanh khoản thị trường khác như giao dịch trong ngày (intraday trading) và cơ chế thế vị (CCP), cũng như việc thị trường chứng khoán cần đón nhận thêm nhiều doanh nghiệp mới lên sàn.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và thị trường năm 2024 còn nhiều hạn chế và thách thức, Vietcap đã hoàn tất một số thương vụ phát hành cổ phiếu riêng lẻ tiêu biểu với sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các thương vụ chủ chốt trong năm 2024

- Niêm yết Cổ phiếu CTCP Điện Lực GELEX (GEE) trên sàn chứng khoán TP.HCM (HOSE) với giá trị niêm yết 11.145 tỷ đồng (dựa vào giá tham chiếu ngày đầu tiên niêm yết).

GELEX

11.145 TỶ ĐỒNG

- Phát hành riêng lẻ Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) với giá trị thương vụ 3.000 tỷ đồng.

KHANG ĐIỀN

3.000 TỶ ĐỒNG

- Phát hành riêng lẻ Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Vietcap (VCI) với giá trị thương vụ 4.022 tỷ đồng.

Vietcap

4.022 TỶ ĐỒNG

Bước sang năm 2025, chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ bước vào chu kỳ phát triển mới. Trong đó nổi bật là khung pháp lý dần được hoàn thiện với nhiều bộ luật sửa đổi vừa được ban hành trong các lĩnh vực kinh tế có tác động trực tiếp đến thị trường vốn, bao gồm các nghị định và văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung để triển khai chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Chúng tôi dự kiến FTSE sẽ công bố việc nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi (Emerging Market) trong kỳ đánh giá vào tháng 9.2025 và MSCI có thể sẽ có quyết định tương tự không lâu sau đó. Các yếu tố này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, cũng như góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tiềm năng tiếp cận dòng vốn mới của các doanh nghiệp và tạo điều kiện cho giai đoạn phát triển tiếp theo của các dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Bên cạnh đó, về mặt vĩ mô, chúng tôi dự báo vốn FDI giải ngân sẽ duy trì ổn định, với tốc độ tăng trưởng trung bình 7,5%/năm, đạt 26,5 - 31 tỷ USD trong 3 năm tới, nhờ (1) việc nâng cấp quan hệ ngoại giao gần đây giữa Việt Nam với Mỹ, Nhật Bản, Úc, Pháp, UAE và Malaysia, cùng với tiềm năng nâng cấp quan hệ ngoại giao với Singapore vào năm 2025, (2) các công ty nước ngoài tiếp tục đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư ra khỏi Trung Quốc do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, và (3) các lợi thế cơ bản của Việt Nam (bao gồm vị trí địa lý, các hiệp định thương mại tự do, nguồn nhân lực).

Ngoài ra, chúng tôi cũng tin rằng áp lực giảm đối với VND có thể sẽ hạ nhiệt trong năm 2025, được hỗ trợ bởi (1) chênh lệch giữa tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD thu hẹp, do kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục chu kỳ cắt giảm lãi suất và (2) nguồn cung ngoại tệ vào Việt Nam tăng mạnh từ thặng dư thương mại, dòng vốn FDI và kiều hối.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy sự gia tăng nhu cầu huy động vốn và mua bán sáp nhập trái dài phân khúc doanh nghiệp vừa và lớn từ nửa cuối năm 2024 sang đầu năm 2025. Điều này tạo ra tiềm năng đa dạng hoá các danh mục tư vấn cho thị trường ngân hàng đầu tư tại Việt Nam nói chung và Vietcap nói riêng trong các năm tới.

Các doanh nghiệp tư nhân có xu hướng tìm kiếm đối tác đầu tư nước ngoài để tiếp cận nguồn vốn cho giai đoạn mở rộng tiếp theo, cũng như sự trợ giúp về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm quốc tế của các nhà đầu tư từ việc vận hành các mô hình hoạt động tương tự và hỗ trợ chiến lược cho từng giai đoạn tăng trưởng của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng ghi nhận nhu cầu IPO của các doanh nghiệp có quy mô và ở giai đoạn phát triển nhất định để mang đến cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận dòng vốn từ thị trường đại chúng.

Để nắm bắt chuỗi cơ hội trong năm 2025, bộ phận Ngân hàng Đầu tư Vietcap đang tăng cường nguồn lực nội tại để chuẩn bị sẵn sàng cho những thương vụ phù hợp trong giai đoạn tiếp theo, bao gồm đa dạng hoá các ngành nghề như bán lẻ và tiêu dùng, giáo dục, công nghiệp, vận chuyển hàng hóa, v.v... phù hợp với từng giai đoạn khác nhau từ IPO, M&A đến tái cấu trúc và thoái vốn. Đồng thời, chúng tôi cũng đang nỗ lực mở rộng tệp khách hàng cả về chiều rộng (đặc biệt là các ngành nghề mới được Chính phủ đưa vào trọng tâm phát triển trong giai đoạn tới) và chiều sâu (đa dạng hoá các loại hình dịch vụ tư vấn cung cấp cho mỗi đối tượng khách hàng).

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



Năm 2024 đánh dấu một bước tiến quan trọng đối với phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp (CF) khi đội ngũ đã xuất sắc hoàn thành hai thương vụ lớn, khẳng định năng lực chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn tài chính.”



HỢP TRÍ BÁN

49% CỔ PHẦN

SUMMIT AGRO INTERNATIONAL



TƯ VẤN MUA CHI PHỐI

65% CỔ PHẦN

CÔNG TY SABIBECO



HỢP TRÍ MUA LẠI

100% VỐN GÓP

SUMMIT AGRO INTERNATIONAL



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM

10.000 TỶ ĐỒNG

CTCP NGUYÊN LIỆU Á CHÂU (AIG)

Một trong những thành tựu nổi bật là thương vụ Hợp Trí bán 49% cổ phần cho Summit Agro International, một công ty thành viên của Tập đoàn Sumitomo Nhật Bản. Đồng thời, Hợp Trí Summit cũng mua lại 100% vốn góp của SAI tại Summit Agro Việt Nam. Đây là thương vụ có cấu trúc giao dịch phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ và khả năng thương lượng vượt trội để các bên đạt được thỏa thuận hợp tác. Thành công này minh chứng cho bề dày kinh nghiệm và chuyên môn của đội ngũ CF Vietcap.

Không dừng lại ở đó, phòng CF tiếp tục khẳng định vị thế khi hoàn tất tư vấn cho Sabeco trong thương vụ mua chi phối 65% cổ phần của Công ty Sabibeco. Từ việc hỗ trợ đăng ký giao dịch cho Sabibeco trên UpCOM vào cuối năm 2023, đến tổ chức chào mua công khai và hoàn tất thương vụ vào tháng 12.2024, đội ngũ đã đóng vai trò then chốt trong giao dịch trị giá gần 900 tỷ đồng này. Ngoài ra, phòng CF cũng thành công đăng ký giao dịch UPCOM cho CTCP Nguyên liệu Á Châu (AIG) với vốn hóa thị trường hơn 10.000 tỷ đồng. Thương vụ này không chỉ thể hiện sự tin tưởng của các doanh nghiệp lớn vào Vietcap mà còn là minh chứng rõ ràng về năng lực tư vấn toàn diện của phòng CF.

Với chiến lược phát triển trở thành đơn vị tư vấn đáng tin cậy, sở hữu kiến thức chuyên môn sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, phòng CF cam kết tiếp tục đồng hành cùng các doanh nghiệp trong năm 2025. Các dịch vụ trọng tâm sẽ bao gồm Tư vấn M&A, IPO và Tái cấu trúc doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững cho các đối tác và thị trường tài chính Việt Nam.

Bên cạnh các giao dịch M&A, đội ngũ còn hoàn thành xuất sắc các thương vụ tái cấu trúc doanh nghiệp, điển hình là tư vấn hoá đổi nợ cho SCR trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều thách thức. Việc cơ cấu lại nguồn vốn một cách hiệu quả không chỉ giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn mà còn tối ưu hóa hoạt động kinh doanh trong dài hạn.

MÔI GIỚI



TOP 5 TRÊN HSX

6,08%
THỊ PHẦN

Thị phần môi giới của Vietcap năm 2024 nằm trong Top 5 trên HSX với 6,08% thị phần, đứng vị trí thứ tư trong Q4.2024, tăng 36% so với năm 2023. Kết quả tăng trưởng mạnh đến từ việc Công ty tiếp tục đẩy mạnh mảng dịch vụ khách hàng cá nhân trong nước, trong đó tập trung chủ yếu vào đối tượng khách hàng lớn với nhiều sản phẩm, dịch vụ đa dạng hóa liên tục.

Cùng với đó, trong năm 2024, Vietcap ghi nhận kết quả giao dịch bán ròng của khối nước ngoài cao nhất trong lịch sử với lợi thế vốn có liên quan đến giao dịch nước ngoài.

THÔNG TƯ 68 CHÍNH THỨC ĐƯỢC BAN HÀNH, THÁO GỖ NÚT THẮT QUAN TRỌNG, TIẾN GẦN HƠN TỚI NÂNG HẠNG



Ngày 18.9.2024 vừa qua, Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung 4 thông tư đã chính thức được Bộ Tài chính ban hành. Cùng với việc công bố lộ trình cụ thể, đồng thời áp dụng công bố thông tin bằng tiếng Anh, điểm nhấn nổi bật nhất của Thông tư 68 chính là việc cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được đặt lệnh mua cổ phiếu mà không cần đủ 100% tiền (non-prefunding).

Thông tư 68 nhận được sự ủng hộ và đánh giá tích cực của thị trường, cũng như nhiều tổ chức quốc tế và tổ chức xếp hạng thị trường khi đã góp phần tháo gỡ nút thắt quan trọng, đáp ứng các tiêu chuẩn nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi thứ cấp của FTSE Russell.

Kể từ khi chính thức có hiệu lực vào ngày 02.11.2024, qua ghi nhận thực tế, tính đến nay, việc áp dụng non-prefunding tại các công ty chứng khoán cơ bản được đảm bảo an toàn, không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn góp phần gia tăng sự hài lòng cho nhà đầu tư, tổ chức nước ngoài. Điều này đã và đang tạo kỳ vọng tích cực cho việc hoàn thành mục tiêu nâng hạng trong năm 2025 theo như Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặt ra.

LÀN SÓNG TĂNG VỐN CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN



Trong năm 2024, nhiều công ty chứng khoán tiếp tục tăng vốn thành công thông qua nhiều hình thức khác nhau. Số liệu thống kê trong năm 2024 cho thấy đã có khoảng 22 công ty chứng khoán tăng vốn thông qua các hình thức như phát hành cho cổ đông hiện hữu, cho cán bộ công nhân viên và cho các đối tác chiến lược.

Với gần 2,5 tỷ cổ phiếu được chào bán, phát hành, các công ty chứng khoán đã huy động thêm gần 25.000 tỷ đồng để củng cố nguồn vốn tiềm lực cho hoạt động kinh doanh.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI BÁN RÒNG KỶ LỤC



Năm 2024 chứng kiến làn sóng bán ròng kỷ lục của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu Việt Nam. Theo đó, số liệu thống kê Bán ròng năm 2024 là 90.311 tỷ ở HOSE, 93.000 tỷ ở 3 sàn thiết lập kỷ lục mới. Nguyên nhân chính khiến dòng vốn ngoại chảy ngược mạnh mẽ là cơ hội đầu tư trên nhiều thị trường tài sản khác hấp dẫn hơn. Đồng USD tăng giá mạnh và xu hướng bảo hộ được dự báo sẽ góp phần thúc đẩy hiệu quả của các doanh nghiệp tại thị trường Mỹ.

SỐ DOANH NGHIỆP LÊN SÀN TIẾP TỤC THẤP KỶ LỤC



Với 2 doanh nghiệp chuyển niêm yết cổ phiếu từ sàn UPCOM sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã cổ phiếu PTX, CAR) và 8 doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, trong năm 2024, toàn thị trường niêm yết Việt Nam có thêm 10 doanh nghiệp niêm yết mới.

Con số này đặt trong bối cảnh Việt Nam có trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp đưa cổ phiếu lên sàn niêm yết để quảng bá uy tín, thương hiệu và tiếp cận kênh huy động vốn này đang quá nhỏ trong tổng thể nền kinh tế.

QUỐC HỘI THÔNG QUA LUẬT CHỨNG KHOÁN SỬA ĐỔI



Ngày 29.11.2024, Quốc hội đã chính thức thông qua sửa đổi 9 luật thuộc lĩnh vực Tài chính, trong đó có Luật Chứng khoán sửa đổi theo hướng nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán.

Bên cạnh đó, nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán với mục tiêu nâng hạng thị trường, bộ luật sửa đổi đã hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện được hoạt động bù trừ, thanh toán các giao dịch chứng khoán trên thị trường theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

HỆ THỐNG KRX TIẾP TỤC LỖ HẸN



KRX là hệ thống công nghệ thông tin do Sở Giao dịch Chứng khoán Hàn Quốc (KRX) thiết kế. Hệ thống này cung cấp nhiều tiện ích mới, nổi bật nhất là hỗ trợ nhà đầu tư giao dịch lô lẻ trên một bảng riêng và thực hiện mua - bán cổ phiếu trong ngày (T+0). Điều này có thể thu hút thêm nhiều nhà đầu tư tham gia thị trường, từ đó góp phần gia tăng thanh khoản. KRX cũng được nhiều công ty chứng khoán, đơn vị phân tích và quỹ đầu tư tin rằng sẽ hỗ trợ nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước đó, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) dự kiến hoàn thành hệ thống này vào năm 2021. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan, thời gian này được lùi đến ngày 02.5.2024 và đến nay vẫn chưa đi vào vận hành chính thức.

Diễn biến VN-Index

THANH KHOẢN

Thanh khoản trên thị trường chứng khoán những tháng gần cuối năm liên tục giảm cả về khối lượng và giá trị khớp lệnh, tuy nhiên tổng giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2024 vẫn tăng, giá trị giao dịch bình quân năm 2023 (3 sản) là: 17.652 tỷ/phiên, giá trị giao dịch bình quân năm 2024 là 18.685 tỷ đồng/ngày tăng 22,4% so với năm 2023, trong đó nhà đầu tư cá nhân vẫn chiếm giao dịch chủ đạo nhưng có giảm so với năm 2023 là 81,36%.

VỀ QUY MÔ NIÊM YẾT VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (ĐKGD)

Về quy mô niêm yết và đăng ký giao dịch (ĐKGD): Tính đến ngày 31.12.2024, HOSE đang niêm yết và giao dịch chính thức 393 mã cổ phiếu, 16 mã chứng chỉ quỹ ETF, 04 mã chứng chỉ quỹ đóng và 114 mã chứng quyền có đảm bảo (CW). Tổng khối lượng chứng khoán niêm yết đạt hơn 168,54 tỷ chứng khoán và giá trị chứng khoán niêm yết đạt 1,67 triệu tỷ đồng, tăng 8,82% về khối lượng và 9,34% về giá trị so với cuối năm 2023. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết trên HOSE đạt hơn 5,2 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với kết thúc năm 2023.

CHỈ SỐ VN-INDEX

Chỉ số VN-Index đạt **1.266,78 điểm**, tăng 12,11% so với cuối năm 2023 (1.129,93 ngày 31.12.2023).

SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI

Số lượng tài khoản mở mới: So với năm 2023, lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản tăng, số tài khoản rỗng là hơn 2 triệu tài khoản, tổng số tài khoản hiện có là hơn 9 triệu tài khoản.

KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG

Khối ngoại bán ròng kỷ lục trong năm 2024: Trong năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 90.311 tỷ đồng.

Tính chung cả năm 2024, top 10 thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có đảm bảo trên HOSE vẫn là những cái tên quen thuộc với tổng thị phần 68,25%. Trong đó, Vietcap đã nhảy vọt từ top 8 vào năm 2023 lên vị trí top 5. Thị phần Vietcap theo đó tăng từ 4,47% lên 6,08%, tương đương tăng thêm 1,61%.

STT	Tên công ty chứng khoán	Tên viết tắt	Thị phần
01	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	VPS	18,26%
02	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	9,18%
03	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	TCBS	7,18%
04	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HSC	6,41%
05	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Vietcap	6,08%
06	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VNDS	5,87%
07	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	MBS	4,89%
08	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	MAS	4,54%
09	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	KIS	2,93%
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCBS	2,91%

Vietcap hiện có khoảng hơn 225.000 tài khoản chứng khoán hoạt động, doanh thu môi giới trong nước khoảng 334 tỷ đồng (tăng 21,4% so với năm 2023 là 275 tỷ đồng), doanh thu môi giới bình quân đầu người đạt 2 tỷ đồng/người, tăng 11% so với năm 2023 do năm 2024 tăng thị phần. Vietcap vẫn duy trì mức doanh thu bình quân đầu người thuộc top đầu thị trường cho thấy hiệu quả hoạt động của Khối Môi giới Trong nước.

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Theo thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), năm 2024, thị trường chứng khoán phái sinh (TTCKPS) tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực. Sau 7 năm đi vào hoạt động, tổng số lượng tài khoản duy trì đã tăng ổn định, đạt hơn 1,8 triệu tài khoản. Đặc biệt, sản phẩm Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 vẫn duy trì được quy mô thị trường và thanh khoản ổn định, tiếp tục thu hút nhà đầu tư cá nhân và tổ chức tham gia vào thị trường.

Năm 2024 cũng là năm ngành chứng khoán nói chung và TTCKPS nói riêng nỗ lực không ngừng cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo môi trường đầu tư minh bạch, góp phần đưa Việt Nam trở thành điểm đến đáng tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tháng 11.2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 83/2024/TT-BTC (thay thế thông tư số 101/2021/TT-BTC) hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán, đồng thời bổ sung và điều chỉnh một số quy định mới phù hợp với tình hình thị trường hiện tại và yêu cầu mới của ngành; Thông tư có hiệu lực từ ngày 10.01.2025.

Theo số liệu thống kê tính chung trong cả năm 2024, tổng khối lượng khớp lệnh Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 đạt 52.746.896 hợp đồng (giảm khoảng 10% so với năm 2023), đạt mức trung bình 210.988 hợp đồng/phiên. Về giá trị, tổng giá trị Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 năm 2024 đạt 6.764.382 tỷ đồng, tương ứng 27.058 tỷ đồng/phiên. Khối lượng hợp đồng mở (OI) cao nhất trong năm được ghi nhận vào ngày 13.11.2024 đạt 68.548 hợp đồng.

Đáng chú ý, năm 2024, tỷ trọng tham gia của khối ngoại vào TTCKPS gia tăng đáng kể, chiếm hơn 5,8%, tuy chưa quá cao nhưng cũng tăng hơn 2,3 lần so với năm 2023. Ngoài ra, năm 2024, TTCKPS còn ghi nhận sự tham gia của khối tự doanh các công ty chứng khoán với tỷ trọng hơn 4,1% so với tỷ trọng không đáng kể trước đây.

GAO DỊCH CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng Tổ chức tự hào là đơn vị tiên phong trong ngành chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi luôn nỗ lực không ngừng để mang đến cho khách hàng tổ chức những dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và toàn diện nhất. Đội ngũ kinh doanh tận tâm cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị, đáp ứng mọi nhu cầu riêng biệt của nhà đầu tư. Đội ngũ giao dịch viên đảm bảo xử lý tối ưu các lệnh giao dịch, trong khi bộ phận Quan hệ Doanh nghiệp đóng vai trò cầu nối quan trọng, tổ chức các phiên họp trực tiếp giữa doanh nghiệp và thiết kế các chương trình tham quan doanh nghiệp theo yêu cầu.



Trong năm vừa qua, Vietcap đã có cơ hội gặp gỡ và trao đổi với khách hàng trên khắp thế giới, bao gồm Vương quốc Anh, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Malaysia, Singapore, Hàn Quốc và Thái Lan. Đội ngũ đã tổ chức thành công sự kiện thường niên lần thứ 12 của Vietnam Access Days (VAD), với sự tham gia của hơn 500 nhà đầu tư tổ chức, 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và 25 chuyên gia trong ngành. Phản hồi từ khách hàng cho thấy sự lạc quan về triển vọng của Việt Nam trong năm 2025 cả về mặt kinh tế lẫn đầu tư.

50 DOANH NGHIỆP
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



Mặc dù dòng vốn nước ngoài đã bị rút ròng trong 2 năm qua, với tổng giá trị đạt gần 5 tỷ USD, song chúng tôi tin rằng sẽ có nhiều yếu tố xúc tác giúp dòng vốn này quay trở lại Việt Nam trong năm tới. Một trong số đó là khả năng Việt Nam được FTSE nâng hạng lên Thị trường Mới nổi. Ngoài ra, Thông tư 68 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 02/11/2024, về việc bãi bỏ yêu cầu ký quỹ trước đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, được coi là một bước tiến quan trọng cho thị trường Việt Nam. Thông tư này đã giải quyết một tiêu chí then chốt trong hệ thống phân loại quốc gia cổ phiếu của FTSE, và chúng tôi kỳ vọng FTSE sẽ công bố việc nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi ngay trong tháng 9 năm nay.

5 TỶ USD



Năm 2024, Vietcap tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu tuyệt đối trên thị trường giao dịch cổ phiếu khối ngoại, đạt 30% thị phần và duy trì vị trí này trong suốt 5 năm liên tiếp. Vietcap cũng là lựa chọn hàng đầu cho hoạt động giao dịch khối lượng lớn của các tổ chức nước ngoài, đồng thời ghi dấu ấn ấn tượng trong các đợt chào bán thứ cấp, với tổng giá trị giao dịch vượt qua con số ấn tượng 500 triệu USD. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho niềm tin mà khách hàng đã gửi gắm mà Vietcap vô cùng trân trọng.

30% THỊ PHẦN
DUY TRÌ VỊ TRÍ DẪN ĐẦU
TRONG 5 NĂM LIÊN TIẾP

NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

Tại bộ phận Nghiên cứu và Phân tích ở Vietcap, chúng tôi cung cấp những phân tích thị trường chuyên sâu và khuyến nghị chiến lược đầu tư cho các nhà đầu tư tập trung vào thị trường Việt Nam. Đội ngũ được tổ chức theo các nhóm chuyên ngành, đứng đầu mỗi nhóm là những nhân sự dày dặn kinh nghiệm và chuyên môn. Mô hình này cho phép các chuyên gia phân tích nắm bắt kiến thức chuyên môn sâu rộng về từng lĩnh vực, đồng thời nhận được sự cố vấn, hướng dẫn từ các trưởng nhóm giàu kinh nghiệm.

Các chuyên viên phân tích của chúng tôi thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng thông qua nhiều kênh tương tác, bao gồm hội thảo trực tuyến, các buổi gặp gỡ chuyên biệt và hội thảo phục vụ môi giới khách hàng cá nhân. Qua đó, đội ngũ chuyên viên phân tích không chỉ tư vấn và cung cấp các khuyến nghị đầu tư mang tính thực tiễn cao mà còn thấu hiểu sâu sắc những kỳ vọng của khách hàng.



Tính đến tháng 12.2024, phạm vi nghiên cứu sâu của Vietcap bao gồm 78 công ty niêm yết tại Việt Nam, chiếm khoảng 80% vốn hóa thị trường của VN-Index và xấp xỉ hai phần ba tổng giá trị thị trường Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu của chúng tôi được xây dựng một cách chiến lược, tập trung vào các cổ phiếu có vốn hóa thị trường và tính thanh khoản tối ưu, có vai trò then chốt đối với nền kinh tế Việt Nam, mang đến tiềm năng tăng trưởng vượt trội hoặc mức định giá hấp dẫn. Đội ngũ chuyên viên duy trì sự theo dõi sát sao thông tin về các công ty thuộc danh mục theo dõi, thông qua các báo cáo kịp thời về kết quả kinh doanh, cập nhật về các yếu tố cơ bản và các sự kiện doanh nghiệp. Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích tại Vietcap đồng thời công bố các báo cáo về các cổ phiếu tiềm năng, được chúng tôi dự báo sẽ có những chất xúc tác ngắn hạn bùng nổ.

NGHIÊN CỨU SÂU

78

Công ty niêm yết tại Việt Nam

CHIẾM KHOẢNG

80%

Vốn hóa thị trường VN-Index

Hệ thống báo cáo nghiên cứu của chúng tôi bao gồm nhận định theo ngày và theo tháng về thị trường Việt Nam, báo cáo chiến lược đầu tư, báo cáo ngành, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, báo cáo về tài sản thu nhập cố định và phân tích kinh tế vĩ mô đa chiều. Để đáp ứng nhu cầu của cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế, chúng tôi cung cấp nội dung nghiên cứu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Trong năm 2024, song song với vô số cuộc gặp gỡ với doanh nghiệp và nhà đầu tư, đội ngũ chúng tôi đã tận lực đóng góp cho sự kiện VAD (Vietnam Access Days), hội nghị đầu tư lớn hàng đầu Việt Nam được tổ chức bởi Vietcap. Điểm nhấn đóng góp của bộ phận Nghiên cứu và Phân tích trong sự kiện là cung cấp trình bày chi tiết về các lĩnh vực và cổ phiếu trọng điểm.

Bước sang năm 2025, chúng tôi kiên định cam kết cung cấp cho khách hàng những khuyến nghị nghiên cứu kịp thời và hiệu quả, cùng những nhận định đầu tư mang tính đột phá trên thị trường Việt Nam.



TỰ DOANH

Nền kinh tế của Việt Nam đã trải qua một năm ấn tượng với GDP đạt mức tăng trưởng hơn 7% so với năm 2023, đưa quy mô nền kinh tế lên khoảng 476,3 tỷ USD, xếp hạng 33 trên thế giới. Hoạt động của doanh nghiệp cũng ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ, với lợi nhuận sau thuế của 95% doanh nghiệp niêm yết theo vốn hóa toàn thị trường tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước (theo FiinGroup). Đặc biệt, nhóm phi tài chính có mức tăng trưởng 28,7% so với cùng kỳ, cho thấy sự phát triển đều đặn và rộng khắp của nền kinh tế, không chỉ phụ thuộc vào nhóm Tài chính - Ngân hàng như các năm trước.

Cùng với đó, thị trường trái phiếu trong năm 2024 có quy mô phát hành mới đạt 473,6 nghìn tỷ đồng, tăng 35,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó nguồn đóng góp chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng (chiếm 66% với mức tăng 56%), trong khi nhóm doanh nghiệp phi ngân hàng chỉ huy động được gần 160 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 3,1% so với năm 2023.

GDP đạt mức tăng trưởng hơn

7% so với năm 2023

Quy mô nền kinh tế tăng lên khoảng

476,3 tỷ USD

Xếp hạng

33

trên thế giới

Lợi nhuận sau thuế của 95% doanh nghiệp niêm yết theo vốn hóa toàn thị trường tăng

22,3%

Nhóm phi tài chính có mức tăng trưởng

28,7% so với cùng kỳ

Năm 2024, thị trường trái phiếu có quy mô phát hành mới đạt

473,6 nghìn tỷ đồng



Chỉ số VN-Index kết thúc năm 2024 với mức tăng trưởng gần 12% so với năm trước, dù diễn biến tích cực chủ yếu diễn ra trong quý 1. Trong các quý còn lại, thị trường có sự biến động trong biên độ từ 1.170 - 1.300 điểm và diễn biến giá có sự phân hóa giữa các nhóm ngành. Mặc dù chỉ số chung tăng trưởng song vẫn chưa phản ánh đầy đủ sự tích cực của nền kinh tế trong nước. Các yếu tố tác động đến diễn biến này có thể bao gồm:

- Làn sóng rút vốn đầu tư từ các thị trường châu Á và các nền kinh tế mới nổi sang Mỹ đã tạo nên áp lực bán mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ra tổng cộng hơn 93.000 tỷ đồng (3,7 tỷ USD) giá trị cổ phiếu Việt Nam, trong đó 90.000 tỷ đồng được bán trên sàn HOSE, gấp 4 lần so với năm 2023 (theo FiinGroup).
- Nguồn cung cổ phiếu gia tăng khi gần 3,5 tỷ cổ phiếu được phát hành trong năm, trị giá gần 62,2 nghìn tỷ đồng (2,4 tỷ USD), đã tạo ra một áp lực cung đáng kể lên thị trường.

Dù thị trường trải qua không ít biến động trong năm qua, Vietcap vẫn ghi nhận kết quả tích cực từ hoạt động đầu tư. Cụ thể, năm 2024, Khối Tự doanh của Vietcap ghi nhận doanh thu đạt 2.014 tỷ đồng (tăng 74% so với năm 2023) và lợi nhuận trước thuế đạt 554 tỷ đồng (tăng 60% so với năm 2023), phản ánh sự thành công trong chiến lược lựa chọn cổ phiếu và quản lý linh hoạt.

Nhìn về năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng dù có thể đối mặt với chuỗi biến động do

ảnh hưởng từ các yếu tố quốc tế, đặc biệt là chính sách kinh tế của Mỹ (Trump 2.0). Tuy nhiên, khả năng nâng hạng thị trường vẫn mở ra triển vọng về dòng vốn ngoại quay trở lại trong bối cảnh nền kinh tế được dự báo tiếp tục phục hồi tích cực. Trên tinh thần đó, Vietcap sẽ tiếp tục kiên định với chiến lược đầu tư vào những doanh nghiệp uy tín, có lợi thế cạnh tranh vượt trội, cùng đội ngũ lãnh đạo xuất sắc và khả năng tạo dòng tiền ổn định. Với triết lý đầu tư dài hạn và chiến lược vững vàng, Vietcap tin tưởng sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành công hơn nữa trong năm 2025.



DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG & QUẢN LÝ SẢN PHẨM

Đánh giá về tình hình hoạt động của Phòng Dịch vụ khách hàng & Quản lý sản phẩm (CS)

01 MỞ TÀI KHOẢN

2024 là năm tập trung vào việc chuẩn hóa dữ liệu nhà đầu tư theo Công văn 6435/UBCK-CNTT ngày 30.9.2024 (cập nhật CV 4501/UBCK-CNTT) của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước dựa trên Đề án 06/CP. Trong năm nay, Vietcap đã hoàn thành cập nhật vô số các tài khoản cần cập nhật thông tin.

02 TƯ VẤN QUA CÁC KÊNH HOTLINE HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

Vietcap đã tiếp nhận hàng nghìn yêu cầu, trong đó phần lớn yêu cầu hỗ trợ liên quan đến Tài khoản chứng khoán khách hàng và các chương trình khuyến mãi của Vietcap, hơn 200 yêu cầu hướng dẫn hoàn tất Mở tài khoản, gần 100 trường hợp là nạn nhân của các vụ lừa đảo giả mạo Vietcap; hỗ trợ gửi khoảng 650 email ý tưởng giao dịch và email truyền thông đến khách hàng.

03 HOẠT ĐỘNG CHO VAY MARGIN TRONG NĂM 2024

Phòng CS tập trung vào việc nhắc nợ, bán giải chấp đúng quy định, nhanh nhạy trong việc bán bắt buộc để thu hồi vốn. Kết quả năm 2024 không có tài khoản nào phát sinh nợ xấu. Dư nợ margin trung bình khoảng 9.000 - 1.000 tỷ, tăng hơn 30% so với năm trước. Tỷ lệ an toàn của hoạt động chứng khoán phái sinh cũng được kiểm soát tốt, không có các cảnh báo từ VSD cũng như không xảy ra bất cứ thiệt hại tài chính nào.

04 HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

Năm 2024, bộ phận CS đã hỗ trợ Phòng Trái phiếu (Bond) trong việc thực hiện hơn 600 hợp đồng mua bán trái phiếu qua hệ thống giao dịch từ xa HNX và 06 hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, đồng thời theo dõi thực hiện các hợp đồng của khách hàng, theo dõi doanh thu chi phí, hoa hồng cho môi giới một cách đầy đủ và cẩn thận, không để xảy ra sai sót.

05 HOẠT ĐỘNG XÁC NHẬN KẾT QUẢ SAU GIAO DỊCH CHỖ CÁC KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến mở tài khoản, thanh toán, tư vấn quy trình... cho Phòng Giao dịch Chứng khoán & Khách hàng Tổ chức (IST) đã được thực hiện tốt, nhanh chóng, kịp thời. Cụ thể:

- Số lượng mở tài khoản cho tổ chức và cá nhân nước ngoài tăng 10% so với năm trước.
- Tình hình thực hiện các báo cáo giao dịch cuối ngày cho khách hàng nước ngoài:

	SỐ LƯỢNG THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH	NĂM 2023	NĂM 2024
1	Số lượng thông báo kết quả giao dịch	11.864	13.537
2	Số lượng trung bình mỗi ngày gửi Thông báo kết quả giao dịch	45	51
3	Số lượng giao dịch khớp lệnh qua hệ thống CTM	7.336	12.169
4	Số lượng trung bình mỗi ngày giao dịch khớp lệnh qua hệ thống, CTM	28	46

- Tham gia thực hiện hoạt động giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu ký quỹ trước bằng tiền với nhà đầu tư nước ngoài tổ chức (NPF):
- Có 313 khách hàng tổ chức nước ngoài đăng ký dùng NPF (chiếm 30% khách hàng tổ chức).
- Có 10 khách hàng thường xuyên giao dịch với NPF, chiếm 50% giá trị giao dịch mua hàng ngày.
- Đã có 2 giao dịch NPF được ghi nhận là "Giao dịch thất bại" do khách hàng không chuyển tiền kịp ngày thanh toán.

06

Các hoạt động liên quan lưu ký trong năm cũng được thực hiện tốt, nhanh chóng và an toàn, tạo sự hài lòng cho khách hàng.

07

Bộ phận CS trong năm qua cũng đã đồng hành và kết hợp chặt chẽ với bộ phận Đối mới sáng tạo và Công nghệ thông tin trong việc phát triển các sản phẩm mới phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

08

Bộ phận CS cũng đồng thời cung cấp các báo cáo quản trị về tình hình vay Nợ, Doanh số, tình hình hoạt động... cho các phòng ban, Ban lãnh đạo và các sở ban ngành liên quan.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Trong bối cảnh các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng đang trên đà tăng trưởng và chuyển đổi số mạnh mẽ, Khối Công nghệ Vietcap tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ mới làm nền tảng phát triển và là động lực chính trong việc đầu tư đổi mới sáng tạo. Chúng tôi tập trung vào việc ứng dụng AI, Big Data và tự động hóa quy trình để tăng cường hiệu quả vận hành và cải thiện trải nghiệm người dùng, cũng như đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng từ nhiều đối tượng khách hàng.

Những thành tựu nổi bật năm 2024

Phát triển hệ sinh thái số phục vụ từ đội ngũ chuyên gia tư vấn đến khách hàng

- **Vietcap App:** Cải tiến giao diện và trải nghiệm người dùng, nâng cao bảo mật, cung cấp đầy đủ các tiện ích từ giao dịch đến quản lý danh mục đầu tư thông minh.

- **Vietcap IQ:** Tổng hợp và phân tích thông tin chính xác, nhanh chóng, đưa ra các dự báo xu hướng thị trường, xu hướng ngành cũng như các điểm tin trong ngày giúp nhà đầu tư ra quyết định hiệu quả.

- **AI News:** Tự động phân tích, tổng hợp tin tức từ nhiều nguồn khác nhau theo từng chủ đề, kết hợp việc xếp hạng theo từng mã cũng như chức năng đọc tin tức bằng giọng nói giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian trong quyết định đầu tư.

- Triển khai thành công hệ thống quản lý 'Non-Prefunding' giúp giảm thiểu tối đa những rủi ro mang lại cũng như đáp ứng 1 phần tiêu chí nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Hệ thống CRM tổng hợp thông tin, đưa ra các báo cáo giúp đội ngũ chuyên gia tư vấn đưa ra các khuyến nghị phù hợp và kịp thời cho từng đối tượng khách hàng cũng như tư vấn ngay khi họ cần hỗ trợ.

Tự động hóa và kết nối các hệ thống tài chính toàn cầu

- **Kết nối Bloomberg, Reuters, NYFIX,..** và các platform giao dịch tập trung: giúp tiếp cận nhanh chóng mạng lưới khách hàng trên toàn thế giới.

- **Giao dịch trái phiếu riêng lẻ bán tự động:** khi kết nối trực tiếp đến sàn giao dịch HNX và trung tâm thanh toán VSD cũng như qua hệ thống ngân hàng VCB.

- **Nộp/rút tiền nhanh chóng** qua tài khoản định danh với rất nhiều ngân hàng qua QR Code và SMS.

Định hướng Chiến lược 2025

Tiếp tục tiên phong công nghệ - Dẫn đầu chuyển đổi số

Vietcap sẽ tập trung vào:

- Đầu tư, chuyển đổi và làm chủ hệ thống core giao dịch mới theo công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi.
- Nâng cấp hệ thống giao dịch mới KRX kèm theo các sản phẩm mới theo lộ trình từ cơ quan quản lý.
- **Tăng cường các ứng dụng AI, Big Data, Blockchain** trong phân tích dữ liệu, giao dịch tự động, minh bạch và phi tập trung.
- **Chuyển đổi một phần hạ tầng giao dịch lên nền tảng Cloud**, đảm bảo hệ thống linh hoạt và dễ dàng tối ưu hóa.
- **Mở rộng hệ sinh thái giao dịch**, kết nối với nhiều đối tác quốc tế.

Ưu tiên trải nghiệm người dùng lên hàng đầu

- **Cá nhân hóa theo từng đối tượng khách hàng:** Tiếp tục phát triển các sản phẩm giúp việc đầu tư trở nên dễ dàng và ngày càng cá nhân hóa.
- **Nhà đầu tư tổ chức:** Hỗ trợ giao dịch trực tiếp và cung cấp báo cáo phân tích chuyên sâu.
- **Môi giới và bộ phận nghiệp vụ:** Tự động hóa quy trình, tăng hiệu suất và giảm thiểu sai sót.

Với những bước tiến vững chắc từ nền móng cơ sở trong năm 2024 cũng như định hướng chiến lược trong năm 2025, Khối Công nghệ Vietcap cam kết mang đến những giải pháp công nghệ tiên phong, hiện đại và đa dạng hóa sản phẩm tạo cơ sở để Vietcap luôn duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành của một trong số 52 doanh nghiệp tỷ đô của Việt Nam.



AN TOÀN THÔNG TIN

VĂN HÓA VÀ NHẬN THỨC AN TOÀN THÔNG TIN TRONG DOANH NGHIỆP: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Dưới tác động của chuyển đổi số và sự phát triển không ngừng của thị trường chứng khoán, an toàn thông tin (ATTT) tại Vietcap không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật mà còn là yếu tố cốt lõi đảm bảo sự bền vững và niềm tin của nhà đầu tư. Trong môi trường giao dịch sôi động, nơi dữ liệu tài chính đóng vai trò quan trọng, việc xây dựng văn hóa ATTT là nhiệm vụ cấp thiết, giúp bảo vệ hệ thống, duy trì tính ổn định và nâng cao vị thế của Vietcap trên thị trường.

Thách thức an toàn thông tin trong ngành tài chính

Trong bối cảnh thị trường tài chính chứng khoán ngày càng được số hoá, ATTT đã và đang trở thành một yếu tố then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, sự ổn định và khả năng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Ngành tài chính, vốn là mục tiêu của các cuộc tấn công mạng, đang đối diện với nhiều thách thức lớn:

- Nguy cơ gia tăng các mối đe dọa và tấn công tinh vi: Thực tế cho thấy ngày càng có nhiều các cuộc tấn công lừa đảo công nghệ cao, ransomware, phishing nhắm vào ngành chứng khoán, tài chính với các chiêu thức, thủ đoạn tinh vi hơn, gây thiệt hại lớn về dữ liệu và tài chính.
- Yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao nhận thức về ATTT: Hoạt động giao dịch tài chính đòi hỏi sự vững vàng trong nhận thức cũng như cẩn trọng trong thao tác của đội ngũ nhân sự, bởi chỉ một bất cẩn nhỏ từ nhân viên cũng có thể dẫn đến tổn thất dữ liệu quan trọng hoặc đối mặt với nguy cơ bị tấn công.
- Đáp ứng các quy định và chuẩn mực khắt khe: Ngành chứng khoán và tài chính luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định ATTT quốc tế và trong nước, như ISO 27001, PCI DSS, hay các quy định từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ TĂNG CƯỜNG VĂN HÓA ATTT TẠI VIETCAP



Xây dựng hệ thống chính sách ATTT

Vietcap thiết lập quy trình quản lý rõ ràng, quy định các tiêu chuẩn ATTT đồng bộ trên toàn hệ thống.



Liên tục cải tiến hệ thống ATTT

Vietcap đảm bảo hệ thống luôn được bảo mật thông qua giám sát định kỳ, cập nhật quy định về ATTT và gửi email nhắc nhở toàn bộ nhân viên về ATTT từ cốt lõi.



Xây dựng chỉ số đánh giá hiệu quả

Bao gồm tỷ lệ nhân viên tham gia đào tạo ATTT, số lượng sự cố được báo cáo và xử lý, mức độ tuân thủ chính sách ATTT và kết quả đánh giá định kỳ về nhận thức ATTT.



Định kỳ rà soát và cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ rà soát và cập nhật chương trình đào tạo: Vietcap thu thập phản hồi từ nhân viên để cải thiện các sáng kiến ATTT, đồng thời cập nhật chính sách và quy trình dựa trên những thay đổi của môi trường kinh doanh.



Ứng dụng công nghệ hiện đại

Vietcap đầu tư hệ thống firewall, giải pháp giám sát mạng, AI phát hiện xâm nhập và bảo vệ giao dịch trực tuyến.



Đào tạo ATTT định kỳ

Các khóa huấn luyện về nhận diện rủi ro, đối phó với tấn công mạng và quy trình xử lý sự cố được tổ chức thường xuyên.

CAM KẾT TỪ VIETCAP

Ban lãnh đạo Vietcap luôn nhận định ATTT là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược phát triển doanh nghiệp. Điều này thể hiện qua:

- Cam kết đầu tư: Phân bổ ngân sách để tăng cường hạ tầng ATTT.
- Sự tham gia trực tiếp của Ban Lãnh đạo: Ban lãnh đạo tham gia vào các chương trình đào tạo, tuyên truyền về ATTT.
- Xây dựng văn hoá báo cáo sự cố: Khuyến khích nhân viên báo cáo sự cố ATTT để có giải pháp xử lý nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

Với những nỗ lực này, Vietcap quyết tâm xây dựng một môi trường đầu tư an toàn, minh bạch và bền vững cho khách hàng và đối tác.

Chúng tôi hiểu rằng, trong bối cảnh ATTT ngày càng phức tạp, việc xây dựng văn hóa ATTT như một phần cốt lõi trong DNA của doanh nghiệp chính là nền tảng vững chắc để Vietcap phát triển bền vững, chủ động thích ứng với mọi thách thức của kỷ nguyên số. Xây dựng văn hóa ATTT là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự cam kết và nỗ lực của toàn thể Công ty. Điều này không chỉ giúp bảo vệ tài sản thông tin, bảo vệ doanh nghiệp, mang lại sự an tâm cho đối tác khách hàng mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trên tinh thần đó, Vietcap hướng đến một cách tiếp cận toàn diện, từ cam kết và hành động định hướng của Ban lãnh đạo đến việc xây dựng một môi trường làm việc đề cao ý thức ATTT, đồng thời đo lường hiệu quả thực thi thông qua các chỉ số cụ thể, xây dựng môi trường làm việc an toàn, tăng cường nhận thức và nâng cao ý thức tuân thủ trong toàn thể đội ngũ nhân sự, đảm bảo hiệu quả của các chính sách bảo mật.

NGUỒN NĂNG LỰC NỘI TẠI VỮNG MẠNH

VIETCAP: NỘI LỰC VỮNG VÀNG GIỮA THÁCH THỨC THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2024, hoạt động huy động vốn suy giảm mạnh khi 10 tháng đầu năm chỉ có 2.669 giao dịch góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị hơn 3,68 tỷ USD

↓ 10,4% về số lượng và
29% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh thị trường đầy thách thức, Vietcap đã giữ vững vị thế của một trong những công ty chứng khoán uy tín, khẳng định nội lực và vai trò tiên phong khi liên tiếp hoàn tất thành công các thương vụ quan trọng, gồm có:

02 thương vụ M&A

tiêu biểu trong ngành đồ uống và nông nghiệp, khẳng định năng lực dẫn dắt các giao dịch chiến lược.

01 thương vụ chuyển sàn

với giá trị niêm yết 11.145 tỷ đồng trong lĩnh vực điện lực, cho thấy năng lực tư vấn vững chắc.

02 thương vụ huy động vốn

với tổng giá trị hơn 7.000 tỷ đồng trong lĩnh vực bất động sản và chứng khoán, thể hiện khả năng kết nối vốn mạnh mẽ.

01 thương vụ tư vấn đăng ký giao dịch UPCoM

với tổng giá trị đăng ký hơn 10.000 tỷ đồng trong lĩnh vực thực phẩm, góp phần củng cố vị thế trên thị trường vốn.

Những kết quả này là minh chứng rõ nét cho nền tảng nội lực vững chắc mà Vietcap đã xây dựng qua nhiều năm, đồng thời tạo cơ sở tiền đề mạnh mẽ cho những bước tiến mới trong giai đoạn phát triển sắp tới. Với đội ngũ chuyên gia sở hữu năng lực chuyên môn sâu rộng và bề dày kinh nghiệm, am hiểu thị trường, Vietcap luôn chủ động đưa ra các giải pháp sáng tạo, đột phá và linh hoạt để phù hợp với bối cảnh biến động chung. Mạng lưới quan hệ đối tác rộng lớn và kết nối chặt chẽ trong và ngoài nước cũng là lợi thế để Vietcap tối ưu hóa cơ hội giao dịch. Liên tiếp những thương vụ thành công ngay cả trong giai đoạn thị trường trải qua thời kỳ suy thoái chính là minh chứng rõ ràng cho nội lực vững mạnh của Vietcap.

Trong bối cảnh nhiều cơ hội và thách thức đan xen, với những bước chuyển mình mạnh mẽ, Vietcap đã và đang tiếp tục khẳng định vị thế của một đơn vị tiên phong đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái tài chính và đầu tư của Việt Nam.



03

**CHỦ ĐỘNG
THÍCH ỨNG
KHÔNG NGỪNG
VƯƠN XA**



VỊ THẾ TÀI CHÍNH

Nghĩa vụ nợ vay

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước vay. Công ty không có nợ quá hạn trên một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Nợ ngắn hạn	6.873.307	9.099.275	12.573.864
Vay ngắn hạn	6.326.207	8.979.275	12.573.864
Trái phiếu công ty ngắn hạn	547.100	120.000	0
Nợ vay dài hạn	0	0	0
TỔNG	6.873.307	9.099.275	12.573.864

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản nợ

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Nợ phải trả ngắn hạn	7.487.465	9.465.772	13.038.471
Nợ phải trả dài hạn	259.818	418.133	609.348
TỔNG	7.747.283	9.883.905	13.647.819

Nguồn: Báo cáo tài chính

Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước khác

Công ty thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định hiện hành. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	331	135	59
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	21.280	7.571	35.885
Thuế thu nhập cá nhân	1.711	2.368	2.140
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	22.744	20.545	26.385
TỔNG	46.067	30.619	64.468

Nguồn: Báo cáo tài chính

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	01.01.2024	PHÁT SINH	ĐÃ THÁNH TOÁN	31.12.2024
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	135	615	(691)	59
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	7.571	178.606	(150.292)	35.885
Thuế thu nhập cá nhân	2.368	59.655	(59.884)	2.139
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	20.545	364.713	(358.874)	26.384

Nguồn: Báo cáo tài chính



Các khoản phải thu ngắn hạn

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Các khoản phải thu	91.374	848.568	393.384
Phí dịch vụ phải thu	28.334	31.213	31.373
Khác	0	0	0
Thanh toán trước	2.306	227.931	99.839
Dự phòng phải thu	(1.928)	(13.220)	(17.737)
TỔNG	120.085	1.094.491	506.859

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Các khoản phải trả ngắn hạn	614.158	366.497	464.606
Các khoản phải trả dài hạn	259.818	418.133	609.348
TỔNG	873.976	784.630	1.073.954

Nguồn: Báo cáo tài chính

Chỉ số an toàn tài chính

Theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15.8.2017, công ty chứng khoán phải duy trì tỉ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu 180%. Vietcap luôn duy trì tốt trên mức yêu cầu, đảm bảo an toàn tài chính của Công ty.

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2024
Rủi ro thị trường	1.021.198	1.237.473	1.579.889
Rủi ro thanh khoản	143.473	69.773	167.472
Rủi ro hoạt động	375.907	290.848	463.447
Tổng rủi ro	1.540.578	1.598.094	2.210.918
Vốn khả dụng	6.388.319	6.941.160	12.495.980
Tỷ lệ an toàn vốn	415%	434%	565%

Nguồn: Báo cáo tài chính

Một số chỉ số tài chính

1. Thanh khoản:

Hệ số thanh khoản hiện hành của Vietcap được duy trì ở mức lành mạnh ở mức 2,03x lần vào năm 2024, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn tốt.

2. Cơ cấu vốn:

Vietcap duy trì cơ cấu vốn lành mạnh với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp so với giới hạn quy định 500% áp dụng cho các công ty chứng khoán.

3. Khả năng sinh lời:

Biên lợi nhuận ròng cải thiện trong năm 2024, được thúc đẩy bởi triển vọng ngành thuận lợi hơn và thị phần mở rộng của VCI, qua đó giúp ROE và ROA năm 2024 tăng lên.

MỤC	ĐƠN VỊ	2022	2023	2024
Tỷ số thanh khoản				
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1,89	1,81	2,03
Cơ cấu vốn				
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	54,4%	57,3%	51,3%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	105,8%	123,4%	97,1%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	%	53,1%	112,8%	60,5%
Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản	%	20,7%	15,9%	17,1%
Tỷ suất sinh lời				
Biên lợi nhuận trước thuế	%	33,2%	22,8%	29,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	27,2%	19,7%	24,3%
ROE	%	13,3%	7,1%	9,0%
ROA	%	5,6%	3,1%	4,2%
EPS pha loãng đã điều chỉnh	VND	2.000	1.127	1.545
GTSS/CP	VND	14.915	16.849	18.026

Nguồn: Vietcap



QUẢN TRỊ RỦI RO & KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục cần phải được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty nhằm cân bằng giữa thách thức và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.

”



Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty. Mỗi trưởng phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị

rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm và đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26.02.2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ thống quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.

Quy trình quản trị rủi ro được khái quát như sau:



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:

- Sự giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng quản trị thông qua;
- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng giám đốc;
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm.

Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.



Môi trường kiểm soát của Công ty

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty. Do đó, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn đề cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ nhân sự của Công ty.

Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:

Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:

- Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
- Toàn bộ Ban Giám đốc và nhân sự cũng như các đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
- Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm chuẩn mực đạo đức.

Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:

- Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
- Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
- Xây dựng và duy trì bản mô tả công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
- Xác định rõ vai trò của Kiểm toán nội bộ.

Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc:

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị, và giám sát của Hội đồng quản trị.
- Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.

Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:

- Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên. Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi.
- Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về năng lực và kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
- Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.



Phân công, phân nhiệm và ủy quyền

Cơ cấu tổ chức của Công ty là kiểm soát tập trung với cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Giám đốc phụ trách, Trưởng/Phó phòng.

Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại hội sở và chi nhánh, trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.

Định hướng hoạt động quản trị rủi ro năm 2025

Đà tăng của thị trường chứng khoán trong năm 2023 vẫn tiếp diễn trong Q1.2024. Tính cả năm 2024, VN-Index tăng trưởng gần 12% với hầu hết mức tăng diễn ra trong quý 1. Các quý còn lại của năm diễn biến chưa thực sự tích cực, tương phản với mức tăng trưởng kinh tế vĩ mô cả năm ước tính lên đến 7%. Yếu tố tác động đến diễn biến này là làn sóng bán rông của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2024 với tổng giá trị bán rông của khối ngoại lên đến 90.000 tỷ đồng, gấp 4 lần năm 2023. Không chỉ riêng thị trường trong nước, làn sóng rút vốn diễn ra khắp các thị trường mới nổi về các thị trường phát triển, đặc biệt là thị trường Mỹ. Chỉ số S&P 500 tăng trưởng 27%, Bitcoin tăng 149%, vàng tăng 30% trong khi VN-Index chỉ tăng không đến ½ S&P 500 khiến kênh đầu tư vào thị trường cổ phiếu trong nước trở nên kém hấp dẫn. Năm 2024 cũng xảy ra sự cố nghiêm trọng khi một số công ty, trong đó có một công ty chứng khoán bị tin tặc tấn công mã hóa dữ liệu, khiến hệ thống của công ty này phải dừng giao dịch hơn một tuần lễ, đặt ra nhiều thách thức về quản trị rủi ro hoạt động, đặt biệt với các công ty

hoạt động trong lĩnh vực tài chính. Ngày 29.11.2024, Quốc hội chính thức thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, tăng cường công tác giám sát và xử lý nghiêm các hành vi gian lận, lừa đảo trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, bảo đảm hiệu quả phòng ngừa, xử lý vi phạm trên thị trường chứng khoán. Trước đó, ngày 18.09.2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được đặt lệnh mua cổ phiếu mà không cần đủ 100% tiền trình cụ thể áp dụng công bố thông tin bằng tiếng Anh. Đây là nút thắt quan trọng, đáp ứng các tiêu chuẩn nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi thứ cấp của FTSE Russell.

Hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2024 luôn được thực hiện thông suốt một phần do trong năm thị trường không có nhiều biến động mạnh. Song song, ngay từ đầu năm, Công ty đã ban hành chính sách rủi ro toàn

diện qua đó nhận diện rủi ro tồn tại, đo lường và đánh giá rủi ro, đề ra hạn mức rủi ro cho từng hoạt động kinh doanh, từng bộ phận nghiệp vụ. Trong kế hoạch quản trị rủi ro năm 2025, Công ty cũng đã ban hành chính sách rủi ro cho toàn bộ các hoạt động tương thích với tình hình mới. Bộ phận quản trị rủi ro tiếp tục rà soát, cập nhật hoặc xây dựng bổ sung các chính sách, quy trình mới phù hợp với quy định của luật pháp, chính sách Công ty trong từng thời kỳ, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động của các bộ phận quản lý và kinh doanh chủ yếu của Công ty, trong đó tăng cường kiểm soát những hoạt động có rủi ro cao. Ngoài ra, hoạt động quản trị rủi ro năm nay còn tập trung vào các sản phẩm mới như hoạt động non-prefunding. Các quy định của pháp luật hướng tới việc đáp ứng các tiêu chuẩn nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi thứ cấp, nhằm duy trì hoạt động hiệu quả, thông suốt, đồng thời đảm bảo các mức độ rủi ro được đo lường và giám sát trong hạn mức theo quy định của chính sách rủi ro đã ban hành từ đầu năm.



ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Trong suốt chặng đường 17 năm phát triển vừa qua, với tầm nhìn dài hạn và cam kết không ngừng đổi mới,

Vietcap hiểu rằng một doanh nghiệp bền vững không chỉ cần những sản phẩm, dịch vụ chất lượng vượt trội hay phong cách chuyên nghiệp tận tâm mà còn phải gắn liền cùng trách nhiệm đối với khách hàng, đối tác, cộng sự, cổ đông và cộng đồng. Đây chính là yếu tố cốt lõi, là kim chỉ nam trong chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi.

NHÂN LỰC KIẾN TẠO TẦM NHÌN



Đối với

KHÁCH HÀNG



- Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu.
- Nâng cao uy tín và trách nhiệm.
- Cam kết thực hiện trách nhiệm một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Cam kết tuyệt đối bảo mật thông tin khách hàng.

Đối với

CỔ ĐÔNG



- Cam kết tuân thủ các bộ luật, quy định, chính sách và tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh.
- Bảo đảm các khoản đầu tư của cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững.

Đối với

ĐỐI TÁC & CỘNG SỰ



- Đảm bảo tính chính trực và phong cách chuyên nghiệp.
- Cam kết không để xảy ra các mâu thuẫn lợi ích.
- Cam kết thực hiện những biện pháp xử lý sai phạm hợp lý (nếu có).

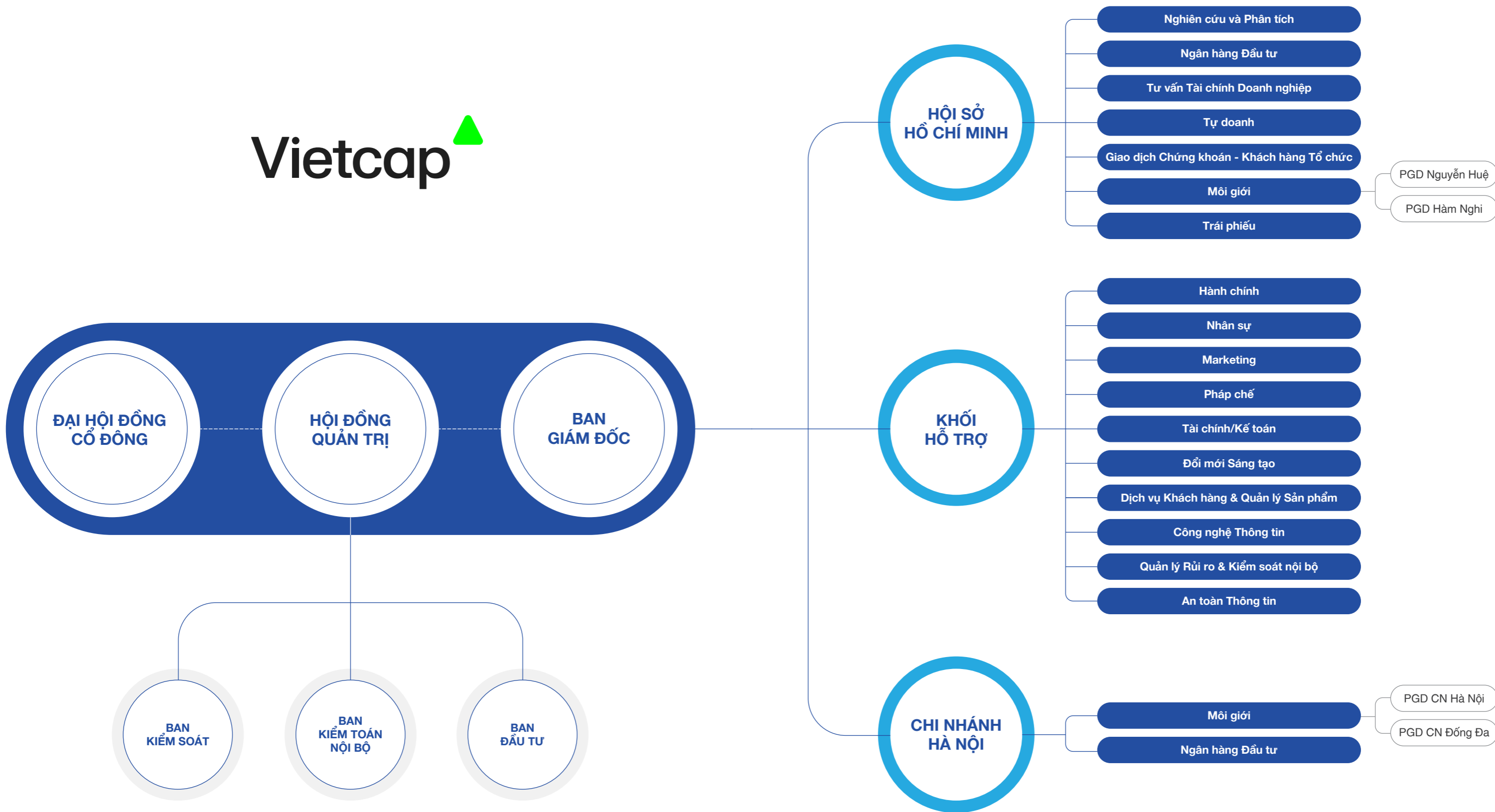
Đối với

CỘNG ĐỒNG



- Cam kết tuân thủ triệt để các điều luật về chống rửa tiền, tham nhũng và chống khủng bố trên toàn thế giới.
- Cam kết hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.
- Tích cực thực hiện các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Nguyễn Thanh Phương

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Phương là thành viên sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM), với gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ và ngân hàng đầu tư. Bà còn đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank) hơn 10 năm qua. Đồng thời, bà cũng là thành viên sáng lập của Phoenix Holdings, công ty chuyên đầu tư vào công nghệ tài chính, ngân hàng số, bất động sản, bán lẻ, F&B, truyền thông và thể thao. Với danh mục đầu tư đa dạng, bà Phương chịu trách nhiệm chính về việc xây dựng tầm nhìn, định hướng chiến lược kinh doanh, mô hình quản trị; đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành của các định chế tài chính và công ty nhằm mục tiêu trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam thuộc Tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ và Giám đốc Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Holdings Asset Management.

Ngoài những hoạt động đầu tư và kinh doanh, bà còn đam mê và nỗ lực để phát triển bộ môn bóng rổ tại Việt Nam. Bà là thành viên sáng lập và hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bóng rổ Việt Nam (VBA) - công ty tổ chức các giải bóng rổ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Bà đang giữ vai trò Chủ tịch tại Việt Nam của Tổ chức Live to Love International - tổ chức thiện nguyện quốc tế triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục, dịch vụ y tế và cải thiện môi trường sống tại các địa phương khó khăn. Bà còn là Thành viên Ban cố vấn của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam). Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Quốc tế tại Geneva - Thụy Sĩ.

Ông Tô Hải

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Hải được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc vào năm 2007, kể từ khi thành lập Công ty. Ông có kiến thức chuyên sâu và vững chắc trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, am hiểu về thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau nhiều năm hoạt động trên thị trường, ông Hải được biết đến là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng, tái cấu trúc tài chính.

Ông được cấp bằng Cử nhân Quản trị Công nghiệp của Đại học Kỹ thuật TP.HCM và bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Sydney, Úc. Ông Hải cũng được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Ông Đinh Quang Hoàn

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Hoàn tham gia Vietcap từ những ngày đầu thành lập. Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước khi gia nhập Vietcap, ông Hoàn giữ chức vụ Phó Trưởng phòng tư vấn của CTCP Chứng khoán Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM. Trước đó, ông Hoàn làm việc tại Công ty Kiểm toán Quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán.

Ông có bằng Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Ông có chứng chỉ Kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).

Bà Nguyễn Việt Hòa

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Hòa là thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CTCP Chứng khoán Vietcap từ tháng 4.2021. Bà Hòa hiện cũng là Tổng giám đốc CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành, Chủ tịch Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny, thành viên Hội đồng quản trị các công ty: CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành, CTCP Du lịch Bến Thành - Non Nước, CTCP Bến Thành Mũi Né.

Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông Nguyễn Lân Trung Anh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trung Anh là CEO của Phoenix Holdings, Công ty Văn phòng Gia đình (Family Office) tiên phong tại Việt Nam.

Tại Phoenix, ông Trung Anh trực tiếp lãnh đạo đầu tư, điều hành và quản lý các công ty trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm Công nghệ tài chính (Fintech) và Dịch vụ tài chính, Công nghệ AI, Năng lượng tái tạo, F&B, Bán lẻ, Truyền thông và Giải trí thể thao.

Ông cũng là thành viên Hội đồng quản trị của Viet Credit (Tài chính Tiêu dùng), Kredivo Vietnam (BNPL), Timo (Ngân hàng số), AI Hay (GenAI), and McDonald's Vietnam (F&B). Ông Trung Anh cũng thành công dẫn dắt đội ngũ đầu tư của Pheonix Holding trong việc tìm kiếm các quỹ đầu tư mới vào các công ty công nghệ tài chính. Gần đây nhất, ông cũng chính thức trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Vietcap.

Trước khi trở thành CEO của Phoenix, ông Trung Anh tham gia vào đội ngũ đầu tư của IDG Ventures Vietnam - quỹ đầu tư mạo hiểm đầu tiên tại Việt Nam với khoản đầu tư ban đầu là 100 triệu USD. Quỹ này đã thành công khi đầu tư vào kỳ lân đầu tiên của Việt Nam, VNG (Zalo/Baomoi/Zing).

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư VC&PE, sở hữu mạng lưới nhà đầu tư và doanh nhân mạnh mẽ, độc đáo tại Đông Nam Á đồng thời có thành tích xuất sắc trong việc huy động vốn cho các lĩnh vực Fintech, Bán lẻ và Internet. Ông Trung Anh cũng có tên trong danh sách Forbes 30 Under 30.



Ông Lê Ngọc Khánh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Khánh hiện là Phó Tổng giám đốc tại CTCP Café Katinat từ năm 2020. Trước đó, ông Khánh đã từng làm việc tại Công ty Kiểm toán KPMG - một trong bốn tên tuổi hàng đầu của ngành Kiểm toán toàn cầu. Với hơn 10 năm kinh nghiệm và hiểu biết sâu rộng trong ngành FMCG và Tài chính, ông Khánh đã đóng góp tích cực vào sự phát triển và thành công của các tổ chức mà ông tham gia.

Ông Khánh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp của trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Việt Nam.



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thanh Phương	18	100%	-
2	Ông Tô Hải	18	100%	-
3	Ông Nguyễn Lân Trung Anh	18	100%	-
4	Bà Nguyễn Việt Hòa	18	100%	-
5	Ông Đinh Quang Hoàn	15	83%	Bổ nhiệm từ ngày 02.4.2024
6	Ông Lê Ngọc Khánh	15	83%	Bổ nhiệm từ ngày 02.4.2024
7	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	3	16%	Miễn nhiệm từ ngày 02.4.2024
8	Ông Trần Quyết Thắng	3	16%	Miễn nhiệm từ ngày 02.4.2024
9	Ông Lê Phạm Ngọc Phương	3	16%	Miễn nhiệm từ ngày 02.4.2024

CÁC KHOẢN LƯƠNG, THƯỞNG, ESOP CHO NHÂN SỰ CHỦ CHỐT NĂM 2024

	Lương (ĐVT: Đồng)	ESOP (ĐVT: Cổ phiếu)
Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	19.702.580.000	-
Hội đồng quản trị độc lập (**)		
Ông Lê Ngọc Khánh	180.000.000	-
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	-
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	-
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	60.000.000	-
Ban Kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	-
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	-
Bà Mai Thị Thanh Trang	240.000.000	-
Ban Tổng giám đốc		
Ông Tô Hải	5.753.412.000	250.000
Ông Đinh Quang Hoàn	4.513.412.000	200.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	4.513.412.000	120.000
Ông Đoàn Minh Thiện	3.842.344.000	250.000

(**) Các thành viên HĐQT không độc lập không nhận thù lao.



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	25.1.2024	Nhận khoản vay hợp vốn do Ngân hàng SinoPac và Bank of Kaohsiung thu xếp	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	25.1.2024	Chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	07.3.2024	Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Hoàng Bảo	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	12.3.2024	Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	22.4.2024	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên, thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, thông qua danh sách người lao động được mua cổ phần và các nội dung khác liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	29.5.2024	Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 12.3.2024 về việc phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm	100%
7	006/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	18.6.2024	Điều chỉnh danh sách phát hành cổ phiếu cho CB-CNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap ngày 18.6.2024	100%
8	09/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	04.7.2024	Triển khai phương án Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	100%
9	10/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	17.7.2024	Đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
10	11/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	05.8.2024	V/v: Điều chỉnh một số nội dung tại NQ 09/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 04.7.2024	100%
11	12/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	05.8.2024	V/v: Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024	100%
12	13/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	12.8.2024	V/v: Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100%
13	14/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	12.8.2024	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100%
14	15/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	12.8.2024	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
15	16/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	22.8.2024	V/v: Điều chỉnh Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP & Nghị quyết 06/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	100%
16	17/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	11.9.2024	V/v: Phê duyệt hạn mức vay hợp vốn do Maybank thu xếp năm 2024	100%
17	18/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	26.9.2024	V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
18	19/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	26.9.2024	V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
19	20/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	08.10.2024	V/v: Đăng ký tăng vốn điều lệ	100%
20	21/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	08.11.2024	V/v: Điều chỉnh phân phối số lượng cổ phiếu chưa được đăng ký mua hết	100%
21	22/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	11.11.2024	V/v: Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
22	23/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP	03.12.2024	V/v: Đăng ký tăng vốn điều lệ	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà Mai Thị Thanh Trang

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán, hiện đang là Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán T&F.

Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán & Kiểm toán tại các công ty và tập đoàn lớn như Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Bà Bùi Thị Minh Nguyệt

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Giám đốc vận hành tại Phoenix Holdings Limited. Bà đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt.

Bà Nguyệt tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán.

Bà Trương Thị Huyền Trang

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Huyền Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM - chuyên ngành Tài chính - Kế Toán. Bà hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Bất động sản Bản Việt.

Bà Huyền Trang có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán ở các tổ chức.

Hoạt động Ban Kiểm soát năm 2024

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. BKS có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, BKS có nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NẾU CÓ)

BKS có các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Ban Kiểm soát năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	02	100%	-
2	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	02	100%	-
3	Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	02	100%	-

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Trong năm, PwC đã cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho Vietcap như sau:

- Soát xét bán niên và kiểm toán năm 2024: phí dịch vụ là 673.000.000 Đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu Đồng)(chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng) .
- Kiểm toán Báo cáo sử dụng nguồn vốn trái phiếu phát hành riêng lẻ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.06.2024: phí dịch vụ là 100.000.000 Đồng (Một trăm triệu Đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Kiểm toán Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2024: phí dịch vụ là 55.000.000 Đồng (Năm mươi lăm triệu Đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Kiểm toán Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty năm 2024: phí dịch vụ là 55.000.000 Đồng (Năm mươi lăm triệu Đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

Ngoài các dịch vụ nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán nào khác cho Vietcap.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



Ông Tô Hải
Tổng giám đốc

(Xem mục Hội đồng quản trị)



Ông Đinh Quang Hoàn
Phó Tổng giám đốc

(Xem mục Hội đồng quản trị)



Ông Nguyễn Quang Bảo
Phó Tổng giám đốc

Ông Bảo đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng thương mại và Chứng khoán. Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông đã tham gia tư vấn cho nhiều doanh nghiệp trong việc định giá, mua bán doanh nghiệp, tổ chức bán đấu giá. Ông cũng xây dựng và triển khai nhiều sản phẩm nghiệp vụ tại các công ty chứng khoán.

Trước khi làm việc tại Vietcap, ông đã từng giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh TP.HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó giám đốc Khối Dịch vụ của CTCP Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng.

Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tín dụng tại Học Viện Ngân hàng và Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng giám đốc

Ông Thiện có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán.

Ông Thiện có bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của trường Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông Nhan Tuấn
Giám đốc điều hành

Ông Nhan Tuấn có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap vào năm 2013, ông Tuấn đã có 7 năm làm việc tại JP Morgan Australia và Rodman & Renshaw USA.

Hiện ông đang lãnh đạo nhiều bộ phận kinh doanh của Vietcap, bao gồm: Giao dịch chứng khoán - Khách hàng Tổ chức, Môi giới khách hàng Cá nhân, Quản lý tài sản Cá nhân, và Trái phiếu Doanh nghiệp. Ông Tuấn tập trung xây dựng một mô hình kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, được dựa trên chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực nghiệp vụ hàng đầu, thông tin đáng tin cậy, hiệu suất công việc cao và sự tin tưởng của khách hàng, đối tác.

Ông Tuấn có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính tại Đại học Bang Colorado, Mỹ.



Bà Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Khối Môi giới khách hàng Cá nhân

Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Khối Môi giới trong nước và đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 đến 2007, bà đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Phụ trách Phòng Môi Giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - một trong những công ty chứng khoán lớn của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 đến 2005, bà là chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các công ty chứng khoán đem lại cho bà những kinh nghiệm quý báu, đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Bà đã tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng.

Bà Quỳnh tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP.HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và bằng Executive MBA, chương trình liên kết giữa Đại học Kinh tế TP.HCM và trường Quản lý, Đại học Quebec Montreal (ESG UQAM), Canada.



Bà Phạm Thị Thanh

Giám đốc Ngân hàng Đầu tư
Chi nhánh Hà Nội

Bà Thanh đã có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap, bà đã có thời gian làm việc tại Bộ Tài chính và sau đó là CTCP Chứng khoán Vincom với vai trò Giám đốc khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến. Bà đã tư vấn thành công nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, huy động vốn và niêm yết doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam.

Bà Thanh cũng là một trong những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá cho các tổng công ty lớn của Nhà nước.

Bà lấy bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Úc. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.

Ông Hoàng Nam

Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích

Ông Nam hiện là Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích tại Vietcap, nơi ông đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt và định hướng việc cung cấp những phân tích chuyên sâu về thị trường cũng như các cổ phiếu trong danh mục theo dõi của Vietcap.

Ông có 14 năm kinh nghiệm thực tiễn trong ngành, đặc biệt nổi bật với sự am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực tiêu dùng/bán lẻ, bất động sản, vận tải và năng lượng. Khả năng phân tích đa chiều cùng những góc nhìn độc đáo giúp ông đưa ra các nhận định thị trường sắc bén và chiến lược đầu tư hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Nam đã khẳng định năng lực của mình tại các công ty quản lý quỹ uy tín như Saigon Asset Management và PXP Asset Management. Kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức này đã trang bị cho ông nền tảng vững chắc về các chu kỳ kinh tế, góc nhìn cổ phiếu và ngành từ quan điểm của quỹ đầu tư cũng như khả năng phân tích rủi ro.

Ông Nam tốt nghiệp cử nhân Kinh doanh tại Đại học Royal Melbourne Institute of Technology (RMIT), Úc.

Bà Đoàn Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng

Bà Thảo hiện là Kế toán trưởng của Vietcap, quản lý và phát triển đội ngũ kế toán, hướng dẫn quy trình làm việc bài bản và tuân thủ, phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty.

Trước khi gia nhập Vietcap vào tháng 7.2024, bà Thảo có 15 năm kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau thuộc sở hữu trong và ngoài nước.

Bà Thảo có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán Đại học Kinh tế TP.HCM. Bà cũng là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (FCCA).

Ông Nguyễn Minh Quý

Giám đốc Đổi mới sáng tạo

Trải qua các vị trí từ chuyên viên đến quản lý Phòng Công nghệ thông tin trước khi tiếp quản dẫn dắt Phòng UI, với hơn 17 năm kinh nghiệm và hiểu biết sâu rộng trong ngành chứng khoán và các sản phẩm phục vụ hệ sinh thái, ông đã đóng góp tích cực vào sự phát triển và thành công của Vietcap tới nay.

Ông Quý tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ thông tin trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM, đồng thời đã tham gia hoàn tất khóa Master chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

Ông Trần Thế Luân

Phó giám đốc An toàn thông tin

Ông Luân có 16 năm kinh nghiệm tại Katalon Việt Nam (Giám đốc CNTT & An ninh thông tin), Ngân hàng CIMB Việt Nam (Giám đốc Cơ sở hạ tầng CNTT & Bảo mật thông tin), CMC TSSG (Giám đốc An ninh Thông tin), Jetstar Pacific Airlines (Trưởng phòng An ninh Thông tin) và MService JSC (MoMo E-Wallet), Viettel ICT, HDBank và Renesas Design Việt Nam.

Ông có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về An toàn thông tin, đặc biệt là tuân thủ bảo mật như: tuân thủ ISO 27001, tuân thủ SOC2 Type II, tuân thủ PCI-DSS và áp dụng thành công cho Ví điện tử MoMo, Ngân hàng CIMB, RadicalPay, Katalon, Jetstar Pacific Airlines.

Ông Luân tốt nghiệp Cử nhân Điện tử Viễn thông - Đại học Bách khoa TP.HCM.



04

**DUY TRÌ
TĂNG TRƯỞNG
TIỀN PHONG
MỞ LỐI**



TRIỂN VỌNG 2025: BỐI CẢNH VÀ XU HƯỚNG

Triển vọng vĩ mô Việt Nam



Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tích cực hơn trong năm 2025

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 7,2% và kỳ vọng tăng trưởng kinh tế năm 2025 được hỗ trợ bởi:

- 01** Chi ngân sách Nhà nước (NSNN) cho đầu tư phát triển tăng mạnh (+16,7% so với kế hoạch năm 2024 và +30% so với mục tiêu năm 2025 trước đó). Chính phủ cũng gia hạn chính sách giảm 2% thuế GTGT đến nửa đầu năm 2025 và giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong năm 2025.
- 02** Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng vào năm 2025 để hỗ trợ cho nền kinh tế trong năm 2025 và có thể tăng trần lãi suất tiền gửi (kỳ hạn đến 6 tháng) thêm 25 điểm cơ bản vào cuối năm 2025.
- 03** Thị trường bất động sản và xây dựng tiếp tục phục hồi: Lượng giao dịch trên thị trường được kỳ vọng sẽ gia tăng vào năm 2025, nhờ nhu cầu nhà ở bền vững, sự trở lại của nhà đầu tư vào phân khúc đất nền, nguồn cung sơ cấp tăng và niềm tin của người mua nhà được cải thiện.
- 04** Tiêu dùng trong nước cải thiện: Tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất và du lịch quốc tế sẽ thúc đẩy thu nhập hộ gia đình, từ đó cải thiện niềm tin và chi tiêu của người tiêu dùng.

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức

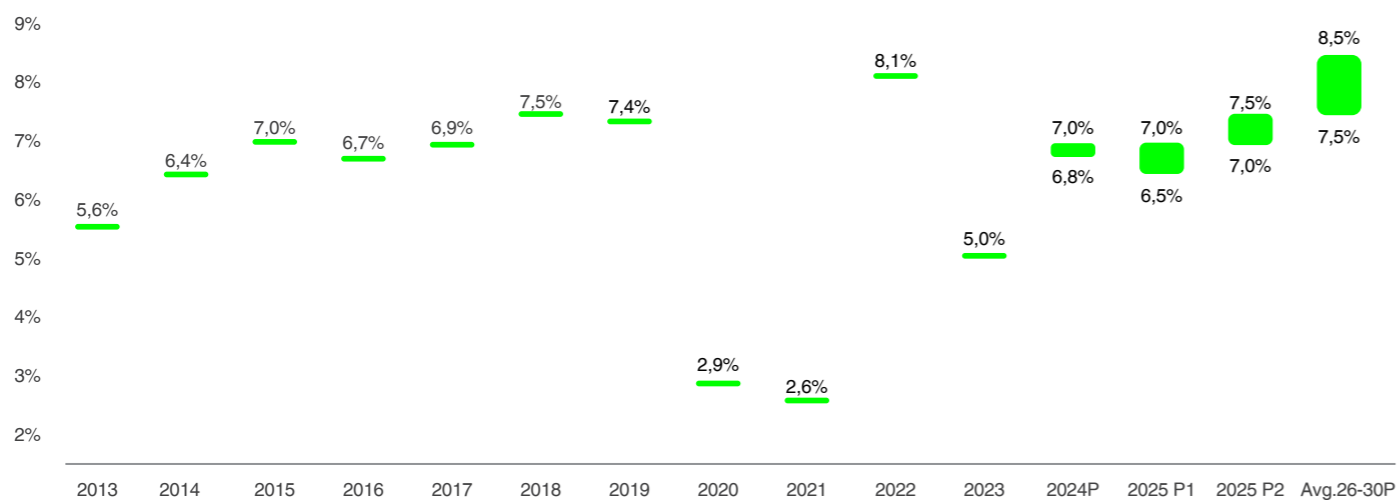
7,5% - 8,5%

cho giai đoạn 2026 - 2030

Trong khi Quốc hội phê duyệt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 ở mức 6,5% - 7,0%, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8% vào năm 2025 và phấn đấu tăng trưởng GDP ở mức hai chữ số trong điều kiện thuận lợi.

Ngoài ra, theo báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng trình bày tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã đặt ra các mục tiêu cao đối với một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính, trong đó tăng trưởng GDP bình quân được đặt ở mức 7,5% - 8,5% cho giai đoạn 2026 - 2030 (so với mức 6,5% - 7,0% cho giai đoạn 2021 - 2025) và GDP bình quân đầu người ở mức 7.400 - 7.600 USD vào năm 2030.

Tăng trưởng GDP và mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam đến năm 2030



Nguồn: Vietcap tổng hợp

Đầu tư công sẽ là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế trong trung hạn

Chính phủ đặt kế hoạch chi NSNN cho đầu tư và phát triển ở mức 790,7 nghìn tỷ đồng vào năm 2025, tăng 16,7% so với kế hoạch năm 2024. Đáng chú ý, mục tiêu này cao hơn 30% so với mục tiêu được trình bày trong kế hoạch Tài chính - Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2024 - 2026 của Chính phủ được trình lên Quốc hội vào tháng 10.2023.

Mức nợ công thấp mang lại dư địa thuận lợi cho các gói kích thích kinh tế trong trung hạn

Bộ Tài chính ước tính nợ công vào khoảng 36 - 37% GDP trong cả năm 2024 và 2025. Chúng tôi kỳ vọng chi tiêu tài khóa tăng mạnh sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025 trong khi mức nợ công thấp hơn đáng kể so với mức trần 60% theo quy định của Quốc hội, cho thấy dư địa thuận lợi cho các gói kích thích tài khóa trong trung hạn.

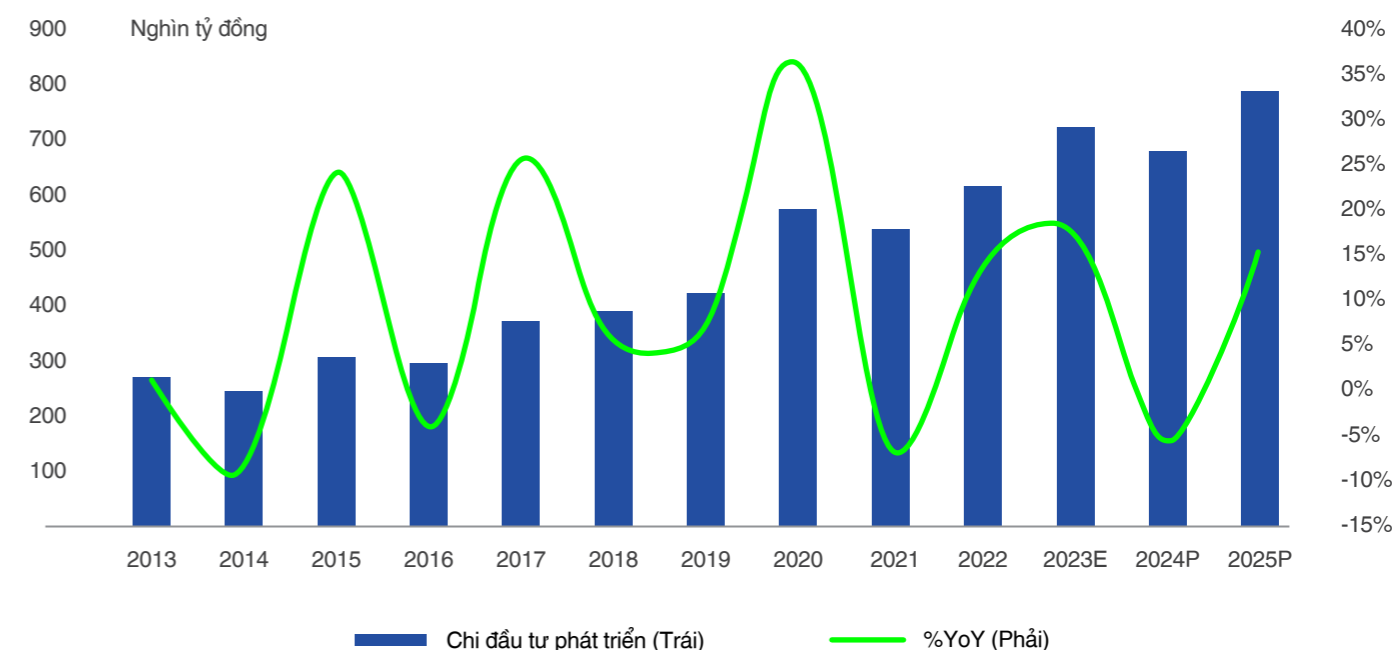
Đường sắt Cao tốc Bắc - Nam có thể đóng góp thêm 1,0 điểm % vào tăng trưởng GDP hàng năm

Trong dự thảo chiến lược phát triển kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 của Việt Nam, Chính phủ đặt ra kế hoạch phát triển nhiều dự án cơ sở hạ tầng lớn trên khắp cả nước, bao gồm Sân bay Quốc tế Long Thành, Đường sắt Cao tốc Bắc - Nam, Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Đường Vành đai 4 & 5 Hà Nội, Đường Vành đai 3 & 4 TP.HCM và Cảng Trung chuyển Quốc tế Cần Giờ.

Đáng chú ý, dự án Đường sắt Cao tốc Bắc - Nam đã được thông qua trong kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, với tổng vốn đầu tư khoảng 67 tỷ USD, ước tính sẽ đóng góp thêm 1,0 điểm % vào tăng trưởng GDP mỗi năm trong 12 năm.



Chi NSNN cho đầu tư và phát triển



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap tổng hợp

CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH VCI NĂM 2025

Ngân hàng đầu tư

Bước sang năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng vẫn sẽ được hỗ trợ bởi các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế tích cực, khung pháp lý dần được hoàn thiện, khả năng nâng hạng thị trường. Các yếu tố này sẽ tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tiềm năng tiếp cận dòng vốn mới của các doanh nghiệp và tạo điều kiện cho giai đoạn phát triển tiếp theo của các dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Chúng tôi nhận thấy sự gia tăng nhu cầu huy động vốn và mua bán sáp nhập trải dài các phân khúc doanh nghiệp tầm trung và doanh nghiệp lớn từ nửa cuối năm 2024 sang đầu năm 2025. Điều này tạo ra tiềm năng các danh mục tư vấn đa dạng cho thị trường ngân hàng đầu tư tại Việt Nam nói chung và Vietcap nói riêng trong các năm tới.

Cụ thể, từ năm 2024, mảng Ngân hàng đầu tư của Vietcap đang thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn gồm IPO, các giao dịch M&A, tái cấu trúc và thoái vốn cho danh mục các thương vụ, bao gồm đa dạng các ngành nghề như bán lẻ & tiêu dùng, giáo dục, công nghiệp, vận chuyển hàng hóa. Chúng tôi đang nỗ lực để hoàn tất một số thương vụ lớn và ghi nhận doanh thu trong năm 2025.

Đồng thời, chúng tôi cũng nỗ lực mở rộng tệp khách hàng bao gồm cả về chiều rộng (đặc biệt là các ngành nghề mới được Chính phủ đưa vào trọng tâm phát triển trong giai đoạn tới) và chiều sâu (mở rộng loại dịch vụ tư vấn cung cấp cho mỗi loại khách hàng).

Mảng môi giới

Thị trường chứng khoán 2025 được nhận định sẽ tạo ra nhiều cơ hội dung như thách thức đối với các công ty chứng khoán.

Cơ hội đến từ các yếu tố như: (1) Dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam vẫn ổn định; (2) Khả năng Việt Nam được FTSE nâng hạng lên Thị trường Mới Nổi. Thông tư 68 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 2.11.2024, về việc bãi bỏ yêu cầu ký quỹ trước giao dịch đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, là một bước tiến quan trọng cho thị trường Việt Nam. Thông tư này đã giải quyết một tiêu chí then chốt trong khung phân loại quốc gia cổ phiếu của FTSE, và chúng tôi kỳ vọng FTSE sẽ công bố việc nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới Nổi ngay trong tháng 9.2025.

Bên cạnh đó, một số các thách thức như mức độ cạnh tranh về thị phần môi giới ngày càng gay gắt, một số công ty chứng khoán đã và đang áp dụng chính sách miễn phí giao dịch, một số công ty chứng khoán nước ngoài có mức lãi suất cho vay ký quỹ thấp nhờ nguồn vốn chi phí thấp.

Trong bối cảnh đó, chúng tôi đặt mục tiêu đối với mảng môi giới:

Tiếp tục duy trì vị thế số 1 về thị phần môi giới tổ chức nước ngoài (30%), chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực để mang đến cho khách hàng tổ chức những dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và toàn diện nhất.

Tiếp tục giữ vững vị trí thứ 5 trong về thị phần môi giới tại HOSE trong năm 2025. Trong giai đoạn tới sẽ tập trung nhiều hơn vào phân khúc khách hàng cá nhân, thực hiện những sự chuyển biến đột phá xoay quanh hai trụ cột: (1) Xây dựng thương hiệu được tin tưởng nhất trong ngành chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục chú trọng phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, được mang đến khách hàng bởi một đội ngũ bán hàng mạnh.

Vietcap sẽ phát triển một hệ sinh thái sản phẩm tài chính đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng của khách hàng, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, sản phẩm phái sinh, sản phẩm tiền gửi và quản trị gia sản (wealth management); (2) Tập trung về chuyển đổi số (digital transformation). Trong việc đưa ra các quyết định, chúng tôi sẽ tận dụng phân tích dữ liệu lớn để tăng sự chính xác và hiệu quả. Về vận hành, Vietcap đặt mục tiêu sẽ tự động hóa và nâng cấp nhiều quy trình vận hành từ front office (khởi tiếp xúc trực tiếp với khách hàng) cho đến back office. Đối với hoạt động marketing, chúng tôi sẽ đẩy mạnh hoạt động trên các nền tảng số và xây dựng các cộng đồng trên mạng xã hội.



Mảng kinh doanh nguồn vốn

Trong năm 2024, Vietcap đã thành công huy động tăng vốn chủ sở hữu, cũng như mở rộng các khoản vay hợp vốn nước ngoài với chi phí vốn thấp.

Năm 2025, chúng tôi định hướng chủ yếu tận dụng nguồn vốn rẻ thông qua các khoản vay hợp vốn nước ngoài để phục vụ cho hoạt động cho vay margin. Cho vay margin là một trong những hoạt động quan trọng đối với một CTCK nhưng cũng là một hoạt động kinh doanh mang tính rủi ro cao hơn so với các hoạt động kinh doanh khác trong khi tỷ suất lợi nhuận mang lại không tương xứng. Vietcap xem hoạt động cho vay margin là một dịch vụ mang tính cộng thêm để thỏa mãn nhu cầu khách hàng chứ không lấy nó làm trọng tâm của mô hình kinh doanh.

Việc chúng tôi đầu tư thêm vốn cho hoạt động này xuất phát từ nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn duy trì cấu trúc doanh thu và lợi nhuận đa dạng, cân bằng, trải đều các mảng kinh doanh khác nhau như ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và cho vay margin để tối ưu hóa tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ đông (Return on Equity - ROE) đi kèm quản trị rủi ro thận trọng - vốn là mục tiêu của hầu hết các doanh nghiệp.



Mảng trái phiếu

Hoạt động phát hành sôi động nhất bắt đầu từ hai quý cuối năm 2024, phản ánh nhu cầu vốn tăng cao khi kinh tế dần hồi phục. Với đà tăng trưởng tích cực, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) được dự báo sẽ tiếp tục bứt phá mạnh mẽ.

Năm 2025, với những kỳ vọng từ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường vốn nói chung và thị trường TPDN nói riêng, Bộ phận Trái Phiếu của Vietcap sẽ tiếp tục đẩy mạnh cung cấp các giải pháp tư vấn thu xếp vốn toàn diện và tối ưu cho các doanh nghiệp, đặc biệt trong việc tiếp cận các nguồn vốn xanh thông qua đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đánh giá ESG và phát triển bền vững từ các quỹ đầu tư, định chế tài chính trong nước và quốc tế.

Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Dựa trên các yếu tố hỗ trợ đến từ thị trường chứng khoán như sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán, kết hợp với việc lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức thấp và định giá doanh nghiệp đã rơi vào vùng hấp dẫn trong dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực.

Bên cạnh đó, với kỳ vọng thực hiện được kế hoạch đã đề ra của các mảng kinh doanh nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đề xuất mục tiêu các chỉ tiêu tài chính cụ thể của Vietcap trong năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH 2025
Doanh thu hoạt động	3.695.525	4.325.000
Lợi nhuận trước thuế	1.089.337	1.420.000



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trở thành một trong những đơn vị tài chính với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư uy tín Việt Nam là tầm nhìn mục tiêu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap).

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi hiểu rằng, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và chính trực từ đội ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân sự của Công ty là những yếu tố nòng cốt góp phần tạo nên một doanh nghiệp vững mạnh.

Cùng với đó, sự tín nhiệm và ủng hộ từ các đối tác liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các khách hàng, cổ đông và nhân viên của Công ty cũng là những mắt xích quan trọng đóng góp vào thành công chung đưa Vietcap vươn cao, vươn xa trong hành trình phát triển bền vững.

Sứ mệnh của Vietcap là cung cấp những dịch vụ chất lượng tối ưu với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, bảo tin cho sự tăng trưởng vượt trội và bền vững mà chúng tôi đã và đang nỗ lực xây dựng mỗi ngày. Công ty luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ chất lượng và hoạt động kinh doanh tốt nhất vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI THỊ TRƯỜNG



- Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho cổ đông
- Cung cấp những sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách hàng
- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư
- Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế
- Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính.

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI XÃ HỘI



- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước
- Chiến lược “đầu tư xanh”
- Bảo vệ môi trường
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng.

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRONG DOANH NGHIỆP



- Tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động
- Chăm lo đời sống cho người lao động
- Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động.

Mô hình quản trị về phát triển bền vững

Nguyên tắc phát triển bền vững

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của Công ty liên quan đến phát triển bền vững.
- Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN TRỊ



- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững của Công ty.
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty.
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.

CÁC KHỐI VÀ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG



Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

NHÂN VIÊN



Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của Công ty.



01

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG



Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang đến cho khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với chi phí cạnh tranh.

02

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN



Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, với mức thù lao cạnh tranh, tạo cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực cá nhân.

03

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG



Đảm bảo khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại lợi nhuận vượt trội, bền vững.

04

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC



- Tìm kiếm mối quan hệ song phương cùng có lợi với các đối tác.
- Luôn tuân thủ quy tắc đạo đức hướng tới mối quan hệ bền vững giữa hai bên.

05

ĐỐI VỚI XÃ HỘI



- Hoạt động kinh doanh như một thành viên có trách nhiệm trong xã hội nói chung cũng như trong cộng đồng mà Công ty đang hoạt động.
- Thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.

Mục tiêu các hoạt động phát triển bền vững tại Vietcap

Vietcap đã và đang không ngừng đầu tư nghiên cứu triển khai nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy tối đa cơ hội tăng trưởng tại thị trường chứng khoán trong nước cũng như đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội mới.



Thông qua đó, Vietcap đã có những đóng góp đáng kể trên các phương diện sau:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành Tài chính Chứng khoán.
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam.
- Hỗ trợ tăng trưởng của các mảng kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh.
- Thúc đẩy các cơ hội phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ.
- Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 thể hiện định hướng phát triển bền vững và cái nhìn tổng quan về một năm hoạt động tích cực và hiệu quả của Vietcap, đồng thời rà soát những hạn chế cần khắc phục và hoạch định kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững Vietcap 2024 được xem như một tài liệu bổ sung, một phần không thể thiếu và có sự gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2024, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu của Vietcap trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm trụ sở chính và tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch của Vietcap trên cả nước.

Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển bền vững Vietcap, vui lòng liên hệ:

Vietcap thực hiện báo cáo này dựa trên Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Các vấn đề báo cáo được chi tiết hóa theo hệ thống tiêu chuẩn công bố thông tin G4. Vietcap lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi cho báo cáo năm 2024, tập trung vào các lĩnh vực: hiệu quả hoạt động kinh tế, việc làm, giáo dục và đào tạo, thông tin nhân hàng sản phẩm và dịch vụ, cộng đồng địa phương.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Báo cáo Phát triển bền vững - Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, bao gồm các thành viên đến từ phòng Truyền thông, phòng Kế toán, phòng Nhân sự và Thư ký HĐQT. Đây là những bộ phận chịu trách nhiệm về phần lớn các số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Vietcap, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định và quy trình về kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

- Email info@vietcap.com.vn
- Địa chỉ **Tháp Tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.**

Gắn kết các bên liên quan với Mục tiêu phát triển bền vững

Vietcap xác định mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng trong và ngoài Công ty, bao gồm nhân viên, cổ đông, khách hàng/nhà đầu tư và cộng đồng xã hội.

Để đảm bảo phát triển toàn diện, cân đối và bền vững trong các mối liên kết tổng thể, Vietcap trực tiếp thực hiện và tổ chức các hoạt động tương tác gắn kết với các bên liên quan:



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

Đóng góp ngân sách nhà nước

“Trên cương vị một doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động vượt trội với nhiều thành tích tiêu biểu, Vietcap luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và khoản nộp ngân sách Nhà nước với mức đóng góp tăng dần qua các năm.”

Trong suốt năm 2024, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn phục hồi sau đại dịch, mặc dù đạt được một số những kết quả khả quan song vẫn không tránh khỏi những bất lợi dưới sự tác động đa chiều của nền kinh tế thế giới. Nhờ vào đường lối chiến lược với tầm nhìn sâu rộng mà Vietcap đã và đang vững vàng vượt qua thách thức, tiếp tục duy trì hiệu quả quản lý nguồn vốn của Công ty và các nhà đầu tư, bảo đảm an toàn với hiệu suất sinh lời cao, đóng góp đều đặn vào ngân sách Nhà nước.

Riêng trong năm 2024, Công ty đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước:

569.740.510.215 TỶ ĐỒNG

Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thị trường

Ý thức được vai trò trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, nhà phát hành cùng các cơ quan quản lý thị trường cũng như với thị trường chứng khoán trong việc thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế nói chung, ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về chứng khoán và các quy định có liên quan, Vietcap luôn nỗ lực đóng góp ý kiến để xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường chứng khoán, nâng cao tính thực tiễn trong hoạt động đầu tư chứng khoán, đồng thời góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, an toàn, phát triển bền vững.

Trong những năm qua, bộ phận Công nghệ thông tin không ngừng nâng cấp hạ tầng hệ thống và phần mềm giao dịch lõi, cải thiện đáng kể tốc độ hệ thống, đảm bảo chất lượng giao dịch, củng cố sự tin nhiệm đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tiếp tục xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, sao lưu dữ liệu và dự phòng rủi ro về hệ thống cũng như các vấn đề về thiên tai, thảm họa.



Quản lý tài sản của nhà đầu tư An toàn, minh bạch

Trên tinh thần “Lấy khách hàng làm trọng tâm trên hành trình phát triển bền vững”, chúng tôi không chỉ mong muốn mang lại nguồn tài chính ổn định mà còn bảo vệ các nhà đầu tư khỏi những rủi ro về tài sản.

Với các quy trình rõ ràng minh bạch từ đầu tư, quản trị rủi ro đến kiểm soát nội bộ, Vietcap luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin và sự tăng trưởng minh bạch về giá trị tài sản lâu dài cho nhà đầu tư.

AN TÂM NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

Hành trình 17 năm xây dựng và phát triển với nhiều dấu ấn đáng tự hào đã giúp Vietcap ý thức sâu sắc về sự phát triển của tổ chức luôn phải song hành với những giá trị bền vững cố gắng cho cộng đồng trên mọi phương diện. Ngay từ những ngày đặt nền móng đầu tiên, Vietcap đã luôn kiên trì theo đuổi phương châm “Tất cả vì quyền lợi cổ đông”. Có thể nói, trong bối cảnh thị trường đang nhiều thử thách và biến động khó lường, gây ảnh hưởng đáng kể tới mọi khía cạnh đời sống và kinh tế, việc duy trì bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên đã tạo ra sự đột phá về sức mạnh nội tại, giúp Vietcap vững bước trên hành trình phía trước.

Trên tinh thần đó, chúng tôi luôn tâm huyết với mục tiêu đảm bảo sự ổn định, minh bạch, công bằng và an toàn cho mọi đối tượng đầu tư trong suốt quá trình đồng hành cùng Vietcap. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, chúng tôi càng ý thức sâu sắc rằng việc quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư - những người dẫn dắt thị trường được đảm bảo vững chắc sẽ góp phần quan trọng kiến tạo nên một thị trường chứng khoán “khỏe mạnh” và phát triển bền vững.

Tại Vietcap, các chính sách bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn là yếu tố được đặt lên hàng đầu. Tính đến ngày 31.12.2024, Vietcap có 17.039 cổ đông, trong đó 150 cổ đông là tổ chức, 16.889 cổ đông là cá nhân. Là một thành viên của Vietcap, các Quý Cổ đông sẽ nhận được những đặc quyền như: tham dự và đóng góp ý kiến trong các Đại hội cổ đông; nhận cổ tức với mức chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đặc quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; linh hoạt chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty... Theo đó các quy định cụ thể của pháp luật Nhà nước và điều lệ của Công ty được thực hiện nghiêm túc, rõ ràng, minh bạch. Chúng tôi đảm bảo việc đối xử bình đẳng với mọi cổ đông, không có ưu đãi đặc biệt cho bất kỳ đối tượng nào. Các quyết định do Hội đồng quản trị đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết công khai.



Nhằm đáp ứng nhu cầu liên tục cập nhật, nắm bắt thông tin thị trường một cách kịp thời và chính xác để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư của các cổ đông, Vietcap tự hào tiên phong trong việc nghiên cứu ứng dụng và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ 4.0, liên tục đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông qua hệ thống website, email, ứng dụng di động... trên cơ sở an toàn bảo mật, thân thiện và tiện dụng với mọi đối tượng sử dụng.

Xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, đây cũng chính là động lực để Vietcap hướng đến việc cung cấp thông tin cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên bằng cả hai ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh trên kênh truyền thông chính thống như website, góp phần đảm bảo việc cập nhật thông tin nhanh chóng và đầy đủ cho cộng đồng đầu tư trong nước và quốc tế, góp phần nâng tầm chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế và không ngừng mở rộng thị trường.



Đặc biệt, Vietcap chú trọng duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định theo hướng cân bằng về lợi ích và lợi nhuận qua các năm, đáp ứng hiệu quả nhu cầu đầu tư sinh lời từ nguồn vốn của cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty theo hướng bền vững. Đây được xem là một trong những tiêu chí tiên quyết và cốt lõi cho các nhà đầu tư khi lựa chọn một cổ phiếu uy tín và tiềm năng cho mục tiêu đầu tư dài hạn.



CỔ TỨC ĐỢT 1.2024

400 ĐỒNG

(Ngày chi trả 30.8.2024)

PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ

143,6 TRIỆU CỔ PHIẾU MỚI

với giá phát hành là **28.000 ĐỒNG**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.944 TỶ ĐỒNG

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

718,1 TRIỆU CỔ PHIẾU





(Tính đến tháng 12.2024)

Hệ thống Quản trị rủi ro

Vietcap đã và đang không ngừng nỗ lực, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất.

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập với khả năng xác định, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả, đặc biệt với các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo

-  Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát; công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Ban điều hành.
-  Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.
-  Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.
-  Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng phòng/ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao tinh thần trách nhiệm và đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống.

Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty. Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng và trình bày một cách rõ ràng, cụ thể, chi tiết về các quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo mọi bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững và hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng/ban mình cũng như trách nhiệm của bản thân trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Tối ưu hóa trải nghiệm, nâng tầm giá trị bền vững

Với chúng tôi, ưu tiên đổi mới trước hết không nằm ngoài mục tiêu làm hài lòng và bảo vệ quyền lợi của Quý Nhà đầu tư, tiếp theo là đảm bảo lợi ích chung của thị trường chứng khoán. Chúng tôi hiểu rằng, những nỗ lực của mình sẽ có đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của thị trường.

Việc liên tục cải tiến các quy cách hướng dẫn, cập nhật ứng dụng giao dịch, trau dồi cách thức tiếp cận khách hàng trên mọi phương diện thông qua hàng loạt các chương trình cùng các đối tác công nghệ lớn như: VPBank, Techcombank, BVBank, MSB đã mang lại hiệu quả vượt trội và thành công thực tiễn.

Chúng tôi tin rằng, việc không ngừng mang tới những giá trị thiết thực cho khách hàng chính là động lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Vietcap đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào phát triển hạ tầng công nghệ, không ngừng xây dựng những ứng dụng kỹ thuật số để phục vụ tối đa cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, thực hiện giao dịch nhanh chóng của các nhà đầu tư.



Hoạt động nội bộ



THỂ THAO CÙNG VIETCAP: KHOẺ ĐỂ BỨT PHÁ



Một tập thể vững mạnh không chỉ được xây dựng bằng trí tuệ mà còn cần một nền tảng thể chất tốt. Chính vì thế, các hoạt động thể thao luôn được khuyến khích nhằm tạo điều kiện để mỗi Vietcaptain vừa rèn luyện sức khỏe, vừa tăng cường tinh thần gắn kết.

Nhằm thúc đẩy văn hóa thể thao trong doanh nghiệp, Vietcap luôn tích cực đầu tư cho đội ngũ nhân sự tham gia vào các câu lạc bộ thể thao nội bộ như bóng đá, cầu lông, chạy bộ... Với lịch sinh hoạt định kỳ hàng tuần, đây không chỉ là cơ hội để rèn luyện thể lực mà còn là những giây phút thư giãn, tái tạo năng lượng để duy trì một lối sống tích cực.

Bên cạnh đó, Vietcap cũng khuyến khích các câu lạc bộ tham gia giao lưu, tranh tài cùng các đội nhóm bên ngoài, mang đến cơ hội thử thách bản thân và khẳng định tinh thần thể thao Vietcap. Mỗi trận đấu, mỗi chặng đường đều là sự thể hiện ý chí, quyết tâm và tinh thần đồng đội, tạo nên một tập thể mạnh mẽ, sẵn sàng bứt phá trên mọi hành trình phía trước.

Tại Vietcap, các hoạt động nội bộ luôn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp gắn kết và năng động. Nếu như những năm trước, các chương trình như tiệc Tất niên, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ, chúc mừng sinh nhật nhân viên... đã trở thành những sự kiện quen thuộc, thì năm nay, Vietcap tiếp tục mang đến nhiều chương trình mới mẻ hơn, tất cả đều hướng đến một mục tiêu chung:

"Gắn kết cùng phát triển"

Từ những chuyến đi xa đầy trải nghiệm, trang trí không gian làm việc tràn đầy năng lượng trong mùa Giáng sinh đến đêm tiệc tất niên rực rỡ, mỗi hoạt động đều là sợi dây kết nối, giúp từng Vietcaptain thêm hiểu nhau để cùng đồng hành và tạo nên một tập thể vững mạnh.

Hoạt động gắn kết nội bộ



Tiệc Tất Niên 2024 Symphony of Success



Khép lại một năm đầy dấu ấn, Year-End Concert: "Symphony of Success" là sự kiện đặc biệt đánh dấu chặng đường 17 năm phát triển của Vietcap. Không chỉ là một đêm tiệc tất niên thông thường, chương trình đã mang đến một bản giao hưởng đầy cảm xúc - nơi vinh danh mọi nỗ lực cống hiến để cùng nhau hướng về tương lai.

Mỗi Vietcaptain chính là một nốt nhạc trong bản hòa ca thành công, cùng nhau tạo nên những bước tiến mạnh mẽ hơn. Đêm tiệc là lời tri ân dành cho tất cả những cống hiến bền bỉ và là động lực để Vietcap tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới.



Mừng Giáng Sinh - Gắn Kết Yêu Thương

Sau những chuyến đi xa, không gian văn phòng Vietcap lại tràn ngập không khí lễ hội với chương trình "Mừng Giáng Sinh - Gắn Kết Yêu Thương". Trong lần đầu tiên tổ chức, chương trình đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các Vietcaptains, khiến văn phòng trở thành một không gian tràn đầy sắc màu và năng lượng tích cực.

Không chỉ là hoạt động trang trí, chương trình còn là dịp để mọi người cùng nhau sáng tạo, sẻ chia niềm vui và tận hưởng những khoảnh khắc đáng nhớ. Tinh thần "Vietcap - We Are One" không chỉ hiện diện ở những góc làm việc được chăm chút tỉ mỉ mà còn ở sự đoàn kết gắn bó giữa các đồng nghiệp.



Quảng Bình Awayday Gắn Kết Bền Vững, Tiếp Nối Thành Công

Với một tinh thần tràn đầy hứng khởi, Vietcap Awayday 2024 đã đưa các Vietcaptains đến Quảng Bình - vùng đất của thiên nhiên hùng vĩ và văn hóa đặc sắc. Hơn cả một chuyến đi, đây còn là cơ hội để từng thành viên xích lại gần nhau, cùng nhau trải nghiệm, chinh phục thử thách và thắt chặt tình đồng đội.

Từ việc khám phá những hang động kỳ vĩ, tận hưởng thiên nhiên trong lành cho đến những khoảnh khắc sẻ chia bên đồng đội, mỗi trải nghiệm đều góp phần tạo nên một tập thể gắn kết và mạnh mẽ. Những dấu ấn tại Quảng Bình sẽ là động lực để Vietcap tiếp tục bứt phá, hướng tới những thành công trong tương lai.

Hoạt động vì cộng đồng: kết nối trái tim, chấp cánh ước mơ

CHUYẾN XE MÙA XUÂN ĐƯA CÔNG NHÂN VỀ QUÊ ĂN TẾT

Với cam kết chia sẻ và đồng hành cùng cộng đồng, Vietcap tự hào tiếp tục hỗ trợ chương trình “Chuyến xe mùa xuân - Đưa công nhân về quê đón Tết Ất Tỵ 2025” do Thành đoàn TP.HCM và Liên đoàn Lao động tổ chức. Đây không chỉ là một sự kiện ý nghĩa mà còn là hành động thiết thực góp phần giúp những người lao động xa quê trở về với gia đình, sum vầy đón Tết trong không khí đoàn viên, yêu thương.

Chương trình năm nay đã tạo điều kiện cho 2.000 công nhân có hoàn cảnh khó khăn đang làm việc ở TP.HCM được về quê đón Tết tại hơn 14 tỉnh thành ở Việt Nam. Đây là món quà tinh thần đầy ý nghĩa, mang lại niềm vui và sự ấm áp trong mùa lễ hội.

Theo đó, Vietcap vinh dự được đóng góp một phần công sức vào sự thành công của chương trình, cùng chung tay mang lại những khoảnh khắc hạnh phúc cho cộng đồng trong dịp Tết truyền thống này.



2.000 CÔNG NHÂN
được tạo điều kiện về quê đón Tết

NỐI VÒNG TAY THƯƠNG

Tiếp nối những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, Vietcap vui mừng hợp tác cùng Hội đồng Đội Trung ương, Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Thiếu nhi Việt Nam và Công ty Cổ phần Sữa quốc tế (IDP) để tổ chức chương trình "Nối vòng tay thương". Chương trình nhằm gặp gỡ và trao tặng quà cho các em thiếu nhi mồ côi do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, mang đến cho các em một mùa xuân ấm áp và đầy yêu thương. Đây là hoạt động đã được thực hiện liên tục từ năm 2021 đến nay.

Trong năm 2024, Vietcap cùng các đối tác đồng hành đã tiếp tục trao tặng gói bảo trợ dài hạn cho 899 em nhỏ hiện đang được hỗ trợ từ chương trình "Nối vòng tay thương", với tổng số tiền bảo trợ

lên tới 21,8 tỷ đồng. Khoản đóng góp này không chỉ giúp các em cải thiện điều kiện sống mà còn góp phần tạo cơ hội cho các em được tiếp tục học tập và phát triển toàn diện.

Thông qua những hoạt động ý nghĩa như "Nối vòng tay thương", Vietcap mong muốn lan tỏa tình yêu thương, sự sẻ chia và xây dựng một cộng đồng ngày càng nhân văn và đoàn kết.

Tổng số tiền bảo trợ lên tới
21,8 TỶ ĐỒNG



TRAO YÊU THƯƠNG, VUN ĐẮP TƯƠNG LAI



Với mong muốn mang đến một mùa Tết Ất Tỵ ấm áp và tràn đầy yêu thương cho mọi nhà, Vietcap đã phối hợp với Thành đoàn TP.HCM tổ chức chương trình "Tết ấm áp". Chương trình hướng đến hỗ trợ, chăm lo cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách, người cao tuổi neo đơn cùng các hộ gia đình và các đối tượng khó khăn khác trong cộng đồng.

Thông qua chương trình, Vietcap đã trao gửi những phần quà ý nghĩa đến các hộ gia đình và cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi phần quà tuy nhỏ bé nhưng chứa đựng sự quan tâm, chia sẻ động viên từ Vietcap. Với tinh thần phát triển và mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng, Vietcap mong muốn được đồng hành cùng các gia đình vượt qua khó khăn để có một mùa Tết ấm áp sum vầy.

GIEO MẦM TƯƠNG LAI TẠI TỈNH BẮC KẠN

Trong năm qua, Vietcap đã thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội khi đồng hành cùng tỉnh Bắc Kạn trong công cuộc xây dựng và phát triển cộng đồng. Chương trình tài trợ xây dựng trường Mầm non, Tiểu học Khuổi Luông, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là minh chứng rõ nét cho tinh thần tương thân tương ái của Vietcap.

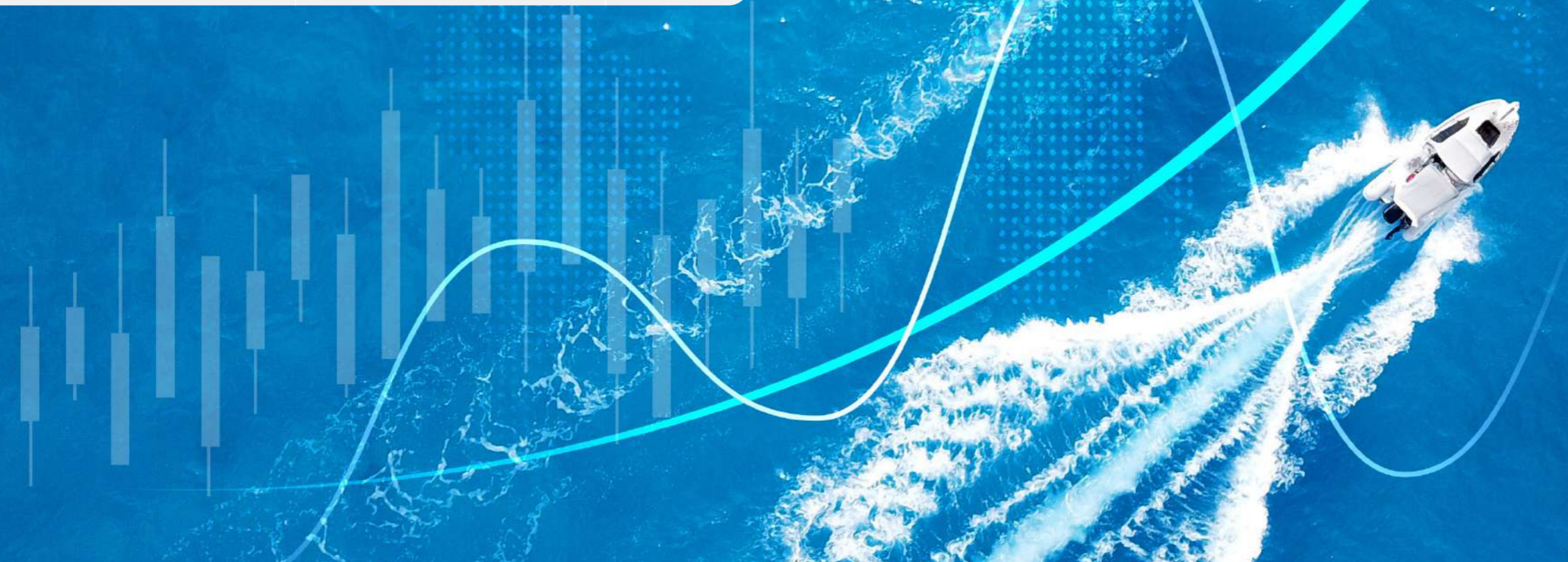
Thông qua sự hỗ trợ này, Vietcap mong muốn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại các vùng miền còn nhiều khó khăn, giúp trẻ em tại đây có môi trường học tập tốt hơn, từ đó mở ra cơ hội phát triển cho thế hệ trẻ tương lai. Đây là một phần trong chiến lược phát triển cộng đồng của Vietcap, nhằm lan tỏa những giá trị nhân văn và chung tay xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.



THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm các bên liên quan với Doanh nghiệp	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	110
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-26	Phương pháp tiếp nhận đối với sự tham gia của các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	113
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tổng quan về báo cáo	
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2024 (thực hiện báo cáo cho năm 2024)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tổng quan về báo cáo	
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức - Báo cáo thường niên	80
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Ứng xử với các bên liên quan	

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị rủi ro - Báo cáo thường niên Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	70
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao và các khoản lợi ích của HDQT & BKS - Báo cáo thường niên	86



CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
Các ảnh hưởng kinh tế trực tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	



GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
MỤC TIÊU XÃ HỘI			
Cách đối xử với người lao động và việc làm bền vững			
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	43
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	48
Giáo dục đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo mỗi năm cho người lao động	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	43
Cộng đồng địa phương			
G4-LA13	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động của các chương trình phát triển đã thực hiện	Hành động vì cộng đồng	
Trách nhiệm đối với sản phẩm			
G4-S01	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng	Hành động vì khách hàng	

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR)

Trong năm 2024, Vietcap tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách thường xuyên, đầy đủ và chính xác. Đi kèm với các Báo cáo tài chính hằng quý, Vietcap luôn phát hành các Báo cáo hoạt động kinh doanh hằng quý, trong đó nêu chi tiết tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của từng bộ phận cũng như những sự kiện doanh nghiệp đáng chú ý trong quý. Vietcap cũng tổ chức các buổi tọa đàm trực tuyến hằng quý cho các chuyên viên phân tích và nhà đầu tư để cập nhật hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư luôn chủ động tiếp nhận yêu cầu thông tin từ Quý Nhà đầu tư cả trong và ngoài nước về chiến lược tổng thể cũng như tình hình tài chính của Vietcap và nhanh chóng chuyển đến các bộ phận liên quan để giải đáp. Thông qua các kênh thông tin trên, ban quản trị Vietcap đã làm việc sâu sát với các nhà đầu tư có quan tâm đến cổ phiếu VCI qua hình thức họp theo nhóm hoặc họp 1:1.

Ngoài ra, năm 2024 đánh dấu lần tăng vốn từ phát hành mới đầu tiên của Vietcap kể từ khi Công ty niêm yết vào năm 2017. Tháng 11.2024, Vietcap đã hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ 143,6 triệu cổ phiếu mới (tương đương 25% cổ phiếu lưu hành trước đợt phát hành riêng lẻ) cho tổng cộng 64 tổ chức tài chính và nhà đầu tư cá nhân cả trong và ngoài nước. Để góp phần thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ trên, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Vietcap đã đồng hành cùng với các nhà đầu tư tiềm năng nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về triển vọng thị trường, kế hoạch kinh doanh của Vietcap và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành.

MINH BẠCH VỮNG CHẮC



Thông tin cổ phiếu

Tại Đại hội cổ đông thường niên của Vietcap được tổ chức vào tháng 3.2024, Hội đồng quản trị của Vietcap đánh giá nền kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam dự kiến vẫn còn nhiều biến số và sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, đồng thời VN-Index được dự báo dao động quanh 1.300 điểm vào cuối năm 2024. Dựa trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo của Công ty đã nhìn nhận những cơ hội cũng như thách thức trong năm để đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 700 tỷ đồng (tương ứng với mức tăng 23% so với thực hiện năm 2023).

Trước những biến động của thị trường cùng với nỗ lực của toàn thể đội ngũ nhân sự, Vietcap đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế đạt 1.089 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 91% so với năm 2023, hoàn thành 156% kế hoạch năm 2024 của Vietcap là 700 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá cổ phiếu của Vietcap vẫn duy trì đà đi ngang cho cả năm 2024 sau mức tăng mạnh 76% trong năm 2023. Cụ thể, cổ phiếu Vietcap đạt mức 33.200 đồng vào cuối năm 2024 so với mức 32.590 đồng vào đầu năm 2024.

Ngoài ra, trong tháng 6.2024, Vietcap đã phát hành 4.400.000 cổ phiếu ESOP (tương đương 1,0% tổng số cổ phiếu lưu hành trước đợt phát hành ESOP). Tổng số cổ phiếu lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 6.2024 là 441,9 triệu cổ phiếu. Tháng 8.2024, Vietcap đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt tạm ứng đợt 1 năm 2024 là 400 đồng/cổ phiếu. Tháng 11.2024, Vietcap đã hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ 143,6 triệu cổ phiếu mới (tương đương 25% cổ phiếu lưu hành trước đợt phát hành riêng lẻ) với giá phát hành là 28.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2024 là 718,1 triệu cổ phiếu.

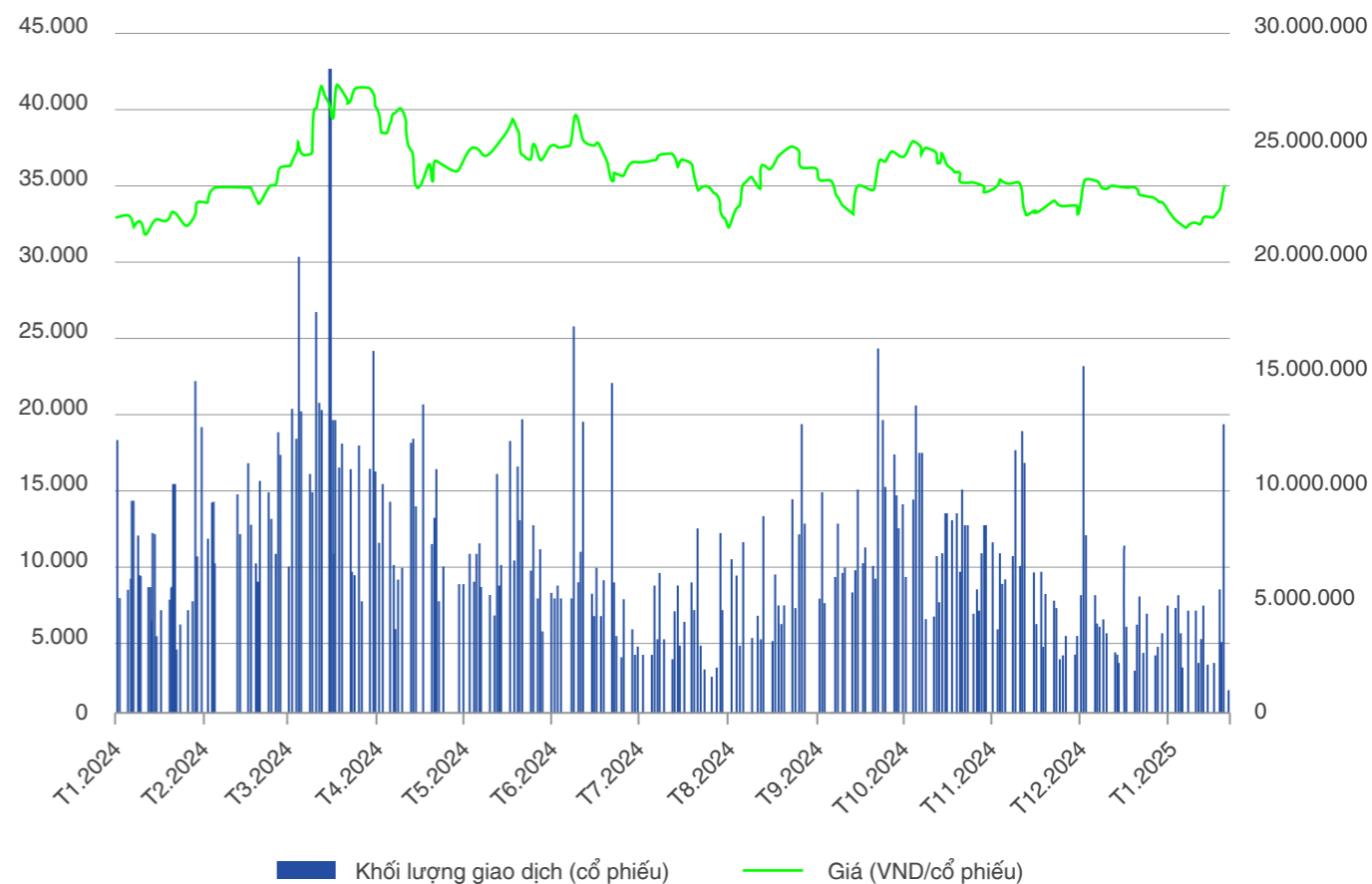
Lợi nhuận trước thuế

1.089 TỶ ĐỒNG

trong năm 2024, tăng **91%** so với năm 2023

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

718,1 TRIỆU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

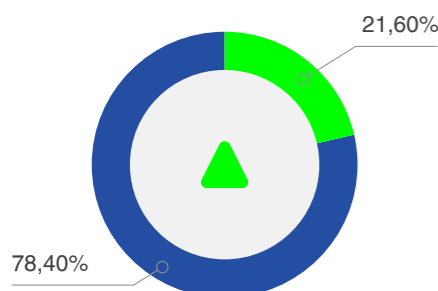
Danh sách cổ đông chốt ngày 31.12.2024 và Danh sách phát hành ESOP 2024 cho CBNV

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	718.099.480	7.180.994.800.000	100%
1. Cổ đông nội bộ			
HĐQT, BGĐ, BKS, KTT	155.143.833	1.551.438.330.000	21,60%
2. Cổ đông khác			
Cá nhân, tổ chức	562.955.647	5.629.556.470.000	78,40%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	718.099.480	7.180.994.800.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	128.889.403	1.288.894.030.000	17,95%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	284.754.680	2.847.546.800.000	39,65%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	304.455.397	3.044.553.970.000	42,40%

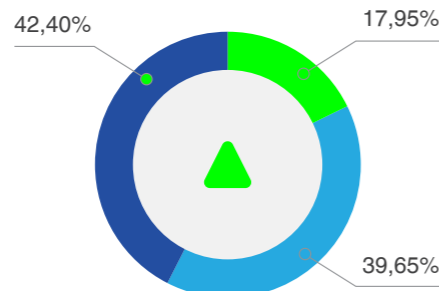
Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	718.099.480	7.180.994.800.000	100%
Cổ đông nước ngoài	183.894.239	1.838.942.390.000	25,61%
Cổ đông trong nước	534.205.241	5.342.052.410.000	74,39%

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo cổ phần (%)



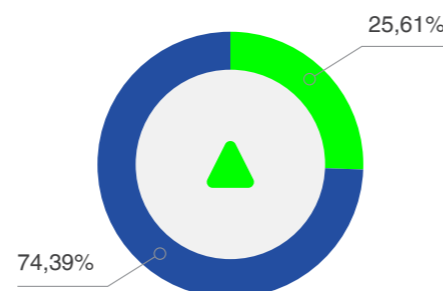
Cổ đông nội bộ
Cổ đông khác

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo sở hữu (%)



Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%
Cổ đông sở hữu dưới 1%

Biểu đồ cơ cấu cổ đông trong và ngoài nước (%)



Cổ đông nước ngoài
Cổ đông trong nước

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cá nhân/ tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu đã được lưu ký	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tô Hải	128.889.403	21.429.200	17,95%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Danh sách cổ đông chốt ngày 31.12.2024

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng Quản trị				
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	22.815.000	3,18%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	128.889.403	17,95%
3	Lê Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	0	0,00%
4	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT	0	0,00%
5	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	0	0,00%
Ban Tổng giám đốc				
1	Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT - Phó TGD	390.174	0,05%
2	Nguyễn Quang Bảo	Phó TGD	2.184.156	0,30%
3	Đoàn Minh Thiện	Phó TGD	819.000	0,11%
Ban Kiểm soát				
1	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	0	0,00%
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	0	0,00%
Phụ trách quản trị Công ty				
1	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	46.100	0,01%
TỔNG CỘNG			155.143.833	21,60%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin về doanh nghiệp	130
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	131
Báo cáo kiểm toán độc lập	132
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 - CTCK)	134
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 - CTCK)	138
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b - CTCK)	140
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 - CTCK)	143
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - CTCK)	144

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 89/GPĐC-UBCK được cấp ngày 3 tháng 12 năm 2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0305299779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 6 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất lần thứ 26 ngày 6 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2024)
Ông Lê Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 2 tháng 4 năm 2024)
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2024)
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco
Số 2, Đường Hải Triều, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 134 đến trang 210. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 134 đến trang 210.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực cùng các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Hoàng

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16322
Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
	Tài sản			
100	Tài sản ngắn hạn		26.491.835.561.026	17.174.448.616.966
110	Tài sản tài chính		26.323.154.756.009	16.979.554.557.451
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	4.743.771.932.745	787.897.819.240
111.1	Tiền		4.743.771.932.745	537.897.819.240
111.2	Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000.000
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2(a)	846.252.317.226	122.137.632.000
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(b)	598.000.000.000	380.900.000.000
114	Các khoản cho vay	3.3	11.221.685.642.375	7.992.468.349.969
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	3.2(c)	8.408.756.441.185	6.603.829.152.415
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
117	Các khoản phải thu		393.384.095.757	848.567.540.009
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	3.4	307.297.301.000	745.348.455.200
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		86.086.794.757	103.219.084.809
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.4	86.086.794.757	103.219.084.809
118	Trả trước cho người bán	3.5	99.838.840.101	227.931.442.538
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	31.372.562.207	31.212.896.867
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(17.737.250.000)	(13.220.450.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		168.680.805.017	194.894.059.515
131	Tạm ứng		117.700.000	83.004.284
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		86.057.176	337.024.993
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	33.102.186.641	45.268.845.138
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	1.948.000.000
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.8(a)	135.374.861.200	147.257.185.100
200	Tài sản dài hạn		100.288.918.214	80.686.039.559
220	Tài sản cố định		37.268.698.440	23.425.609.453
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	30.600.963.623	15.725.808.810
222	Nguyên giá		103.721.944.662	82.737.795.390
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.120.981.039)	(67.011.986.580)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	6.667.734.817	7.699.800.643
228	Nguyên giá		58.945.419.132	58.334.874.042
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.277.684.315)	(50.635.073.399)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	12.357.528.942	5.649.600.000
250	Tài sản dài hạn khác		50.662.690.832	51.610.830.106
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		8.079.867.064	8.571.243.684
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	6.238.956.911	7.943.878.800
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8(b)	26.170.889.959	24.941.477.252
255	Tài sản dài hạn khác	3.8(c)	10.172.976.898	10.154.230.370
270	Tổng tài sản		26.592.124.479.240	17.255.134.656.525

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

Mẫu số B01 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
300	Nợ phải trả		13.647.819.031.379	9.883.905.148.184
310	Nợ phải trả ngắn hạn		13.038.470.981.365	9.465.772.066.243
311	Vay ngắn hạn		12.573.864.000.000	8.979.275.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.10	12.573.864.000.000	8.979.275.000.000
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.10	-	120.000.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	16.570.221.183	13.208.881.699
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.12	41.321.989.000	159.638.295.047
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.13	2.743.133.560	378.319.774
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14	64.468.163.305	30.619.096.071
323	Phải trả người lao động		185.772.838.870	99.745.355.410
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	75.873.258.014	47.274.665.672
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.16	77.857.377.433	15.632.452.570
340	Nợ phải trả dài hạn		609.348.050.014	418.133.081.941
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.17	609.348.050.014	418.133.081.941
	Tổng cộng nợ phải trả		13.647.819.031.379	9.883.905.148.184
400	Vốn chủ sở hữu		12.944.305.447.861	7.371.229.508.341
410	Vốn chủ sở hữu		12.944.305.447.861	7.371.229.508.341
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		9.775.134.800.000	4.388.500.198.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	7.180.994.800.000	4.375.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.180.994.800.000	4.375.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		2.594.140.000.000	13.500.198.000
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.19	2.372.439.624.636	1.607.735.798.409
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	67.496.330.852
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	796.731.023.225	1.307.497.181.080
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		798.326.170.747	1.307.134.594.788
417.2	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		(1.595.147.522)	362.586.292
	Tổng cộng vốn chủ sở hữu		12.944.305.447.861	7.371.229.508.341
440	Tổng nguồn vốn		26.592.124.479.240	17.255.134.656.525

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024	31.12.2023
A	Tài sản của công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (Theo giá trị VND)	4.1	25.145.170.448	25.145.170.448
005	Ngoại tệ các loại (Theo nguyên tệ)	4.2		
	Đô la Mỹ		458.651	915.930
	Bảng Anh		120.926	73.956
	Euro		19.672	19.661
006	Cổ phiếu đang lưu hành (Theo số lượng)	4.3	718.099.480	437.500.000
			Theo mệnh giá (VND)	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) của công ty chứng khoán	4.4	1.278.925.390.000	1.489.211.450.000
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	4.5	12.367.880.000	69.934.540.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	4.6	192.928.560.000	193.195.440.000
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.7	84.950.000	62.192.600
B	Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng			
			Theo mệnh giá (VND)	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		41.689.478.650.000	32.848.306.610.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		34.045.257.190.000	26.054.867.650.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.945.527.110.000	1.865.783.300.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		5.356.225.630.000	4.533.401.990.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		25.817.470.000	19.016.180.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		316.651.250.000	375.237.490.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		1.816.623.610.000	330.084.640.000

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

Mẫu số B01 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày	
		31.12.2024	31.12.2023
B	Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng (tiếp theo)		
		Theo giá trị (VND)	
026	Tiền gửi của khách hàng	1.879.526.231.240	2.772.739.733.406
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.527.458.244.690	1.824.604.521.626
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	617.988.611.107	389.722.524.982
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	352.067.986.550	948.135.211.780
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	297.372.640.550	928.422.658.780
029.2	Tiền gửi tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	54.695.346.000	19.712.553.000
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.527.458.244.690	1.824.604.521.626
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	803.645.546.532	1.202.561.198.633
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	723.812.698.158	622.043.322.993
032	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	832.426.956.680	-



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Doanh thu hoạt động				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		1.778.614.820.544	943.098.378.624
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	1.759.391.703.072	856.242.542.821
01.2	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2(a)	3.852.617.324	303.727.732
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	18.755.182.732	95.800.494.711
01.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2(b)	(3.384.682.584)	(9.248.386.640)
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")		23.141.018.313	78.126.606.229
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		872.949.658.195	688.950.403.598
04	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	5.3	225.002.928.869	174.362.031.840
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		729.603.724.265	535.380.417.043
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		16.831.875.807	12.789.147.936
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.317.089.984	12.037.768.532
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		33.757.198.182	26.551.350.000
11	Thu nhập hoạt động khác		1.307.021.311	1.164.439.595
20	Tổng doanh thu hoạt động		3.695.525.335.470	2.472.460.543.397
Chi phí hoạt động				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		(991.675.484.693)	(496.357.513.119)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(987.732.073.189)	(494.191.661.413)
21.2	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2(a)	(2.915.102.004)	(1.627.121.206)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(1.028.309.500)	(538.730.500)
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(49.882.802.761)	(40.216.162.257)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(595.764.284.896)	(437.073.497.170)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.209.578.797)	(17.353.982.525)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(62.869.871.382)	(72.595.946.454)
40	Tổng chi phí hoạt động		(1.717.402.022.529)	(1.063.597.101.525)
Doanh thu hoạt động tài chính				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		21.132.100.000	17.099.000.000
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		14.501.410.218	6.597.152.009
44	Doanh thu khác về đầu tư		14.999.695.639	-
50	Tổng doanh thu hoạt động tài chính		50.633.205.857	23.696.152.009

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

Mẫu số B02 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí tài chính				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(14.645.503.769)	(131.085.812.227)
52	Chi phí lãi vay		(764.124.674.808)	(562.553.033.255)
55	Chi phí tài chính khác		(18.733.784.327)	(46.522.320.559)
60	Tổng chi phí tài chính	5.4	(797.503.962.904)	(740.161.166.041)
62	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	5.5	(144.700.754.963)	(122.388.199.025)
70	Kết quả hoạt động		1.086.551.800.931	570.010.228.815
Thu nhập khác và chi phí khác				
71	Thu nhập khác		3.094.145.678	132.390.105
72	Chi phí khác		(308.841.703)	(3.978.786)
80	Tổng kết quả hoạt động khác		2.785.303.975	128.411.319
90	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.089.337.104.906	570.138.640.134
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.091.784.272.170	580.710.420.248
92	Lỗ chưa thực hiện		(2.447.167.264)	(10.571.780.114)
100	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	5.6	(178.644.991.613)	(78.233.980.740)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(178.605.980.097)	(64.320.454.739)
100.2	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(39.011.516)	(13.913.526.001)
200	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		910.692.113.293	491.904.659.394
300	Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN		764.703.826.227	577.605.439.833
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	3.19	764.703.826.227	577.605.439.833
400	Tổng thu nhập toàn diện		764.703.826.227	577.605.439.833
500	thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.7(a)	1.540	867
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	5.7(b)	1.540	867


 Nguyễn Thị Lành
 Người lập


 Đoàn Trần Phương Thảo
 Kế toán trưởng



Tô Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.089.337.104.906	570.138.640.134
02	Điều chỉnh cho các khoản:		693.305.874.689	480.305.547.717
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		10.751.194.638	9.679.599.271
04	Các khoản dự phòng		4.516.800.000	11.292.000.000
06	Chi phí lãi vay	5.4	764.124.674.808	562.553.033.255
08	Dự thu tiền lãi	3.4	(86.086.794.757)	(103.219.084.809)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ		2.915.102.004	1.627.121.206
11	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại phải trả chứng quyền	5.2	2.915.102.004	1.627.121.206
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		(467.934.740)	(303.727.732)
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch giảm về đánh giá lại phải trả chứng quyền	5.2	(467.934.740)	(303.727.732)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(5.169.139.240.487)	(5.407.321.967.895)
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(723.177.169.906)	541.796.870.842
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(217.100.000.000)	504.988.640.000
33	Tăng các khoản cho vay		(3.229.217.292.406)	(2.713.189.113.284)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(849.047.505.986)	(2.147.813.337.174)
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		438.051.154.200	(713.459.013.200)
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		103.219.084.809	59.484.897.025
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(159.665.340)	(2.879.329.746)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		12.079.849.473	(103.901.145.772)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(10.533.997.645)	4.324.296.126
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		13.871.580.386	(35.534.267.838)
43	Thuế TNDN đã nộp	3.14	(150.292.016.782)	(78.029.953.342)
44	Lãi vay đã trả		(724.992.084.821)	(629.849.978.677)
45	Tăng/(giảm) phải trả người bán		9.776.296.390	(82.007.683.751)
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		5.535.103.919	(1.738.735.926)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		86.027.483.460	(12.410.667.293)
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		65.609.975.849	3.923.102.445
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.439.376.620	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.229.412.707)	(1.026.548.330)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.384.049.093.628)	(4.355.554.386.570)

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

Mẫu số B03b - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(31.302.212.567)	(7.898.483.136)
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.302.212.567)	(7.898.483.136)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1(iv),(vi)	4.074.440.000.000	24.001.188.000
73	Tiền vay gốc	6.1	28.212.221.000.000	20.322.010.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	6.2	(24.737.632.000.000)	(18.096.042.142.857)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	3.16	(177.803.580.300)	(522.119.971.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.371.225.419.700	1.727.849.074.143
90	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		3.955.874.113.505	(2.635.603.795.563)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	787.897.819.240	3.423.501.614.803
101.1	Tiền		537.897.819.240	2.313.501.614.803
101.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	1.110.000.000.000
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	4.743.771.932.745	787.897.819.240
103.1	Tiền		4.743.771.932.745	537.897.819.240
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000.000

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 6.

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03b - CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mẫu số B04 - CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	313.150.903.167.601	224.803.526.247.710
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(338.605.010.237.709)	(253.901.091.021.099)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	25.182.264.017.294	29.627.666.835.877
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	228.266.086.125	44.554.554.216
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(17.209.578.797)	(17.353.982.525)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm	(60.786.545.486)	557.302.634.179
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	2.772.739.733.406	2.215.437.099.227
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	2.772.739.733.406	2.215.437.099.227
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.824.604.521.626	1.630.139.522.487
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	948.135.211.780	585.297.576.740
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	2.711.953.187.920	2.772.739.733.406
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	2.711.953.187.920	2.772.739.733.406
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.527.458.244.690	1.824.604.521.626
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (bao gồm phải trả tổ chức phát hành chứng khoán)	1.184.494.943.230	948.135.211.780



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Tại ngày	
	1.1.2023	1.1.2024	TĂNG	GIẢM	31.12.2023	31.12.2024
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.364.499.010.000	4.368.500.198.000	24.001.188.000	-	4.368.500.198.000	9.775.134.800.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4.354.999.010.000	4.375.000.000.000	20.000.990.000	-	4.375.000.000.000	7.180.994.800.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	9.500.000.000	13.500.198.000	4.000.198.000	-	13.500.198.000	2.594.140.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	67.496.330.852	67.496.330.852	-	-	67.496.330.852	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	233.096.330.852	-	-	(233.096.330.852)	-	-
4. Chính sách đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	1.030.130.368.576	1.607.735.798.409	577.605.429.833	-	1.607.735.798.409	2.372.439.624.636
5. Lợi nhuận chưa phân phối	800.246.141.334	1.307.497.181.080	733.458.414.337	(226.207.374.591)	1.307.497.181.080	796.731.023.225
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	791.426.130.951	1.307.134.594.788	733.458.414.337	(217.749.950.500)	1.307.134.594.788	796.326.170.747
5.2 Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	8.820.010.383	362.596.292	-	(8.457.424.091)	362.596.292	(1.595.147.522)
Tổng cộng	6.495.468.171.614	7.371.229.508.341	1.335.065.042.170	(459.303.705.443)	7.371.229.508.341	12.944.305.447.861




Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Các thuyết minh từ trang 144 đến trang 210 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

1 Thông tin chung về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 89/GPĐC-UBCK được cấp ngày 3 tháng 12 năm 2024.

Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap” theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK được cấp ngày 12 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2017 với mã giao dịch cổ phiếu là VCI.

TRỤ SỞ CHÍNH VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@vietcap.com.vn | Điện thoại: (+84) 28 3914 3588

ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG

Điều lệ hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 11 tháng 11 năm 2024.

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 389 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 382 nhân viên).

QUY MÔ VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (“ngày báo cáo”)	VND
Vốn điều lệ của Công ty	7.180.994.800.000
Tổng vốn chủ sở hữu	12.944.305.447.861
Tổng tài sản	26.592.124.479.240

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Hoạt động chính của Công ty không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư phải phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và đảm bảo tuân thủ với pháp luật chứng khoán hiện hành.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 chi nhánh và 3 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2 Các chính sách kế toán chủ yếu

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.3);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh 2.9 và Thuyết minh 3.4).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

2.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của công ty chứng khoán, tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 - Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (ví dụ không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm tài chính liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

(i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc

(ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh nhưng chưa đến hạn thanh toán, và sẽ được thu hồi vào ngày thanh toán bù trừ của giao dịch bán đó. Theo Quyết định 109/QĐ-VSD của VSDC, từ ngày 29 tháng 8 năm 2022, thời gian thanh toán bù trừ là trước 12h ngày làm việc thứ hai liền kế sau ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại thời điểm báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Lỗi suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào thu nhập/(lỗ) toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch - là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại phương pháp nội bộ của Công ty. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch và giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)

(v) Chứng chỉ quỹ mở/ quỹ hoán đổi danh mục (“ETF”)

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ kế toán gần nhất tính đến ngày định giá.

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo gần nhất.

(vii) Chứng chỉ tiền gửi

Được định giá bằng giá mua chứng chỉ tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến ngày lập báo cáo.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thu hồi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CDKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu ‘Tài sản ngắn hạn khác’ trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu ‘Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL’.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu ‘Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định’.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu ‘Tài sản dài hạn khác’ trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu ‘Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán’.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu ‘Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư’ và ‘Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC’.

2.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cầm cố, thế chấp trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản cầm cố, thế chấp để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận cầm cố, thế chấp sẽ được sử dụng tài sản cầm cố, thế chấp để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng cầm cố, thế chấp kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi cầm cố, thế chấp được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Phương tiện vận chuyển	16,67%/năm
Thiết bị văn phòng	33,33%/năm
Phần mềm vi tính	33,33%/năm - 50%/năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ mục đích kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.16 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa, dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.18 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.19 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành. Phụ trội/(chiết khấu) trái phiếu được xác định tại thời điểm phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hoặc vốn hóa trong suốt thời hạn của trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.

Số dư trái phiếu phát hành được trình bày trên cơ sở thuần (mệnh giá cộng phụ trội hoặc trừ chiết khấu chưa phân bổ hết tại ngày báo cáo).

Số dư trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu.

2.20 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm tài chính, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoại báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm tài chính. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính AFS.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.21 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty có trách nhiệm giữ lại số tiền thuế chuyển nhượng chứng khoán và thuế trên đầu tư vốn để kê khai và nộp thuế thay cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.22 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí của năm tài chính.

2.23 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.24 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý sau khi trừ đi thuế TNDN hoãn lại.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.25 Phân phối lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức phù hợp với nội dung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và các công ty con và quy định pháp luật hiện hành.

2.26 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.27 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành chứng khoán, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL, lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

2 Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

2.27 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.28 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí tài chính;
- Chi phí khác.

2.29 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm tài chính, chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.30 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chi phí đi vay hợp vốn và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Đối với các khoản vay hợp vốn có gốc ngoại tệ, Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước, và do đó không đánh giá lại các khoản vay này theo tỷ giá cuối kỳ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng phái sinh tỷ giá này được trích trước hằng tháng vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động, và là một phần của chi phí đi vay hợp vốn.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đi vay hợp vốn (ngoại trừ lãi vay) mà Công ty phải thanh toán cho tổ chức cho vay tại thời điểm khoản vay được khởi tạo được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí đi vay hợp vốn thuộc chi phí tài chính tương ứng với thời hạn của khoản vay.

2.31 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.32 Thuế TNDN hiện hành và thuế tndn hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.33 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.34 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

2.35 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	1.142.836.137	476.310.684
Tiền gửi ngân hàng	4.742.629.096.608	537.421.508.556
	4.743.771.932.745	537.897.819.240
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	-	250.000.000.000
	4.743.771.932.745	787.897.819.240

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết chờ hoán đổi cho quỹ ETF	201.157.282.172	2.734.235.336	(6.624.523.008)	197.266.994.500
Chứng chỉ quỹ ETF	18.507.200.729	1.920.220.825	(23.867.554)	20.403.554.000
Trái phiếu không niêm yết (*)	628.581.768.726	-	-	628.581.768.726
Tổng cộng	848.246.251.627	4.654.456.161	(6.648.390.562)	846.252.317.226

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	111.818.193.703	444.883.907	(3.614.830.610)	108.648.247.000
Chứng chỉ quỹ ETF	13.250.888.018	356.954.930	(118.457.948)	13.489.385.000
Tổng cộng	125.069.081.721	801.838.837	(3.733.288.558)	122.137.632.000

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

(*) Chi tiết trái phiếu không niêm yết tại ngày báo cáo như sau:

Trái phiếu không niêm yết	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Đặc điểm chính	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BVC12401)	307.514.703.072	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	28.06.2024	28.06.2031	7,68%	1.000.000.000
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI112402)	145.894.887.139	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo	17.10.2024	17.10.2027	11%	100.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (BCM12406)	72.685.826.625	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo	14.08.2024	14.08.2027	10,2%	100.000.000
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH12202)	69.656.389.552	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	23.08.2022	23.08.2025	12%	1.000.000.000
CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (SBT12401)	17.692.323.784	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo	29.01.2024	29.01.2027	11%	100.000.000
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI112403)	13.109.698.680	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo	25.10.2024	25.10.2027	11%	100.000.000
CTCP Tập Đoàn PC1 (PC112201)	2.027.939.874	Có chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo	31.03.2022	31.03.2027	10%	100.000.000
Tổng cộng	628.581.768.726					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	501.000.000.000	-	310.000.000.000	-
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	97.000.000.000	-	66.500.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	4.400.000.000	-
Tổng cộng	598.000.000.000	-	380.900.000.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày báo cáo như sau:

Tổ chức phát hành/đối tác	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Mệnh giá VND	Lãi suất/năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)			501.000.000.000	
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	25.11.2024	05.12.2025	251.000.000.000	5,8%
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	17.10.2024	27.10.2025	250.000.000.000	5,8%
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)			97.000.000.000	
Ngân hàng trong nước	25.12.2024	15.07.2025	97.000.000.000	4,8%

(*) Khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.9 và 3.10).

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành, có thời gian đáo hạn trên 3 tháng. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết, theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tại ngày 31.12.2024	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	4.287.085.613.065	2.738.944.403.272	(6.788.849.885)	7.019.241.166.452
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	658.451.739.733	187.600.000.000	-	846.051.739.733
<i>Phản ánh theo giá gốc (*)</i>	<i>250.211.739.733</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>250.211.739.733</i>
<i>Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)</i>	<i>408.240.000.000</i>	<i>187.600.000.000</i>	<i>-</i>	<i>595.840.000.000</i>
Trái phiếu niêm yết	497.669.557.592	47.659.977.408	(1.866.000.000)	543.463.535.000
Tổng cộng	5.443.206.910.390	2.974.204.380.680	(8.654.849.885)	8.408.756.441.185

Tại ngày 31.12.2023	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	3.920.371.868.215	1.894.005.062.783	(71.764.223.096)	5.742.612.707.902
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	8.376.960.476	130.263.143	(301.354.819)	8.205.868.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	665.410.575.713	187.600.000.000	-	853.010.575.713
<i>Phản ánh theo giá gốc (*)</i>	<i>257.170.575.713</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>257.170.575.713</i>
<i>Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)</i>	<i>408.240.000.000</i>	<i>187.600.000.000</i>	<i>-</i>	<i>595.840.000.000</i>
Tổng cộng	4.594.159.404.404	2.081.735.325.926	(72.065.577.915)	6.603.829.152.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	4.287.085.613.065	7.019.241.166.452	3.920.371.868.215	5.742.612.707.902
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF (IDP)	440.985.822.375	2.117.616.129.500	440.985.822.375	2.166.246.145.000
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	884.445.408.198	1.183.755.100.000	944.389.587.724	1.019.022.849.800
CTCP Nước Thủ Dầu Một (TDM)	648.366.528.709	772.398.000.000	175.520.083.709	180.386.675.000
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	519.116.897.233	695.359.587.500	172.031.976.677	174.563.151.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	151.993.351.446	167.537.070.000	112.073.429.707	109.167.110.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	12.429.299.665	12.334.140.000	238.561.756.602	246.635.899.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	-	-	282.606.909.165	236.322.065.000
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	222.485.963.573	234.066.200.000
Cổ phiếu khác	1.629.748.305.439	2.070.241.139.452	1.331.716.338.683	1.376.202.612.452
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	8.376.960.476	8.205.868.800
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	-	-	3.257.526.323	3.305.455.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	-	-	569.268.807	476.035.000
Cổ phiếu khác	-	-	4.550.165.346	4.424.378.200
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	658.451.739.733	846.051.739.733	665.410.575.713	853.010.575.713
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) (**)	408.240.000.000	595.840.000.000	408.240.000.000	595.840.000.000
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (*)	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000
Cổ phiếu khác (*)	88.917.369.733	88.917.369.733	95.876.205.713	95.876.205.713
Trái phiếu niêm yết (***)	497.669.557.592	543.463.535.000	-	-
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI424002)	485.550.557.592	533.210.535.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDB124006)	12.119.000.000	10.253.000.000	10.253.000.000	-
Tổng cộng	5.443.206.910.390	8.408.756.441.185	4.594.159.404.404	6.603.829.152.415

(*) Các công cụ vốn này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.

(**) Khoản đầu tư vào cổ phiếu NAPAS được định giá theo mô hình định giá nội bộ của Công ty theo phương pháp hệ số thị trường. Giá trị hợp lý được xác định là giá trị trung bình đơn thuần của hai kết quả ước tính theo phương pháp hệ số thu nhập (PE) và phương pháp hệ số sổ sách (PB). Giá trị hợp lý được xác định tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý đánh giá lại không có khác biệt đáng kể so với giá trị hợp lý đang được ghi nhận của khoản đầu tư này.

(***) Chi tiết trái phiếu niêm yết tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Đặc điểm chính	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Trái phiếu niêm yết						
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI424002)	485.550.557.592	Có chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	25.1.2024	25.1.2034	10%	100.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDB124006)	12.119.000.000	Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	27.3.2024	27.3.2031	Lãi suất tham chiếu + 2,8%	100.000

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của một số cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày ở Thuyết minh 3.9.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(a) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	11.105.535.515.939	(2.169.825.587)	7.612.101.283.117	(2.169.825.587)
Ứng trước tiền bán chứng khoán	116.150.126.436	-	380.367.066.852	-
	11.221.685.642.375	(2.169.825.587)	7.992.468.349.969	(2.169.825.587)

(*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34.081.516.355.770 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 22.924.532.921.010 Đồng).

(b) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Biến động số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.169.825.587	-	-	2.169.825.587

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND
Phải thu bán các tài sản tài chính				
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	307.297.301.000	-	745.348.455.200	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính				
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	86.086.794.757	-	103.219.084.809	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	31.372.562.207	17.737.250.000	31.212.896.867	13.220.450.000
	424.756.657.964	17.737.250.000	879.780.436.876	13.220.450.000

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi			Dự phòng		
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu phí dịch vụ cung cấp						
Khách hàng cá nhân	22.584.000.000	22.584.000.000	11.292.000.000	4.516.800.000	-	15.808.800.000
Công ty TNHH Besra Việt Nam	582.450.000	582.450.000	582.450.000	-	-	582.450.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000	462.000.000	-	-	462.000.000
Các khách hàng doanh nghiệp khác	884.000.000	884.000.000	884.000.000	-	-	884.000.000
Tổng cộng	24.512.450.000	24.512.450.000	13.220.450.000	4.516.800.000	-	17.737.250.000

3.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	92.900.000.000	225.192.100.000
Khác	6.938.840.101	2.739.342.538
	99.838.840.101	227.931.442.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2024	12.657.406.382	70.080.389.008	82.737.795.390
Mua trong năm	-	23.211.148.181	23.211.148.181
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	-	598.691.000	598.691.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.825.689.909)	(2.825.689.909)
Tại ngày 31.12.2024	12.657.406.382	91.064.538.280	103.721.944.662
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2024	5.618.751.949	61.393.234.631	67.011.986.580
Khấu hao trong năm	1.753.580.820	7.181.103.548	8.934.684.368
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.825.689.909)	(2.825.689.909)
Tại ngày 31.12.2024	7.372.332.769	65.748.648.270	73.120.981.039
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2024	7.038.654.433	8.687.154.377	15.725.808.810
Tại ngày 31.12.2024	5.285.073.613	25.315.890.010	30.600.963.623

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 54.739 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 53.721 triệu Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2024	58.334.874.042
Mua trong năm	184.444.444
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	600.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(173.899.354)
Tại ngày 31.12.2024	58.945.419.132
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2024	50.635.073.399
Khấu hao trong năm	1.816.510.270
Thanh lý, nhượng bán	(173.899.354)
Tại ngày 31.12.2024	52.277.684.315
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2024	7.699.800.643
Tại ngày 31.12.2024	6.667.734.817

Các cam kết về việc mua TSCĐ vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 49.808 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49.981 triệu Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

(c) Xây dựng cơ bản dở dang

Biến động Xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	5.649.600.000	7.359.767.000
Tăng trong năm	11.528.668.942	4.755.474.089
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.6(a))	(598.691.000)	-
Kết chuyển vào TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.6(b))	(600.000.000)	(4.617.120.000)
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(3.622.049.000)	(1.848.521.089)
Số dư cuối năm	12.357.528.942	5.649.600.000

3.7 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí vay hợp vốn	23.534.898.001	39.680.599.856
Chi phí công nghệ thông tin	9.318.823.250	5.418.348.407
Chi phí thuê văn phòng	248.465.390	169.896.875
Số dư cuối năm	33.102.186.641	45.268.845.138

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	6.238.956.911	7.943.878.800

3.8 Tài sản khác

Mẫu số B09 - CTCK

(a) Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh (*)	135.374.861.200	147.257.185.100

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo quy định của VSDC.

(b) Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo quy định của VSDC, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại VSDC và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán áp dụng đối với Công ty là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	24.941.477.252	23.914.928.922
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.229.412.707	1.026.548.330
Số dư cuối năm	26.170.889.959	24.941.477.252

(c) Tài sản dài hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền nộp Quỹ bù trừ (*)	10.172.976.898	10.154.230.370

(*) Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo quy định hiện hành, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

3.9 Tài sản đã cầm cố, thế chấp, ký quỹ

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng (Thuyết minh 3.1)	-	100.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 3.2(b))	598.000.000.000	376.500.000.000
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		
Trong danh mục AFS (Thuyết minh 3.2(c))	1.747.198.000.000	3.734.210.000.000
Số dư cuối năm	2.345.198.000.000	4.210.710.000.000

Các tài sản trên đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 3.10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.10 Các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành ngắn hạn

Biến động các khoản vay và trái phiếu phát hành trong năm tài chính như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước (i)	5,0 - 7,5	3.400.000.000.000	20.955.000.000.000	(17.590.000.000.000)	6.765.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (ii)	Lãi suất tham chiếu + biên độ	5.029.275.000.000	4.535.777.000.000	(5.537.632.000.000)	4.027.420.000.000
Vay công ty cổ phần trong nước (iii)	6,8 - 7,5	400.000.000.000	2.031.444.000.000	(1.100.000.000.000)	1.331.444.000.000
Vay công ty tài chính trong nước (iii)	3,5 - 6,5	150.000.000.000	690.000.000.000	(390.000.000.000)	450.000.000.000
Tổng vay ngắn hạn		8.979.275.000.000	28.212.221.000.000	(24.617.632.000.000)	12.573.864.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		120.000.000.000	-	(120.000.000.000)	-
Tổng		9.099.275.000.000	28.212.221.000.000	(24.737.632.000.000)	12.573.864.000.000

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.10 Các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành ngắn hạn (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Nợ vay gốc được hoàn trả một lần tại thời điểm đáo hạn của khoản vay.

(i) Vay ngân hàng trong nước bao gồm 1.400.000.000.000 Đồng là các khoản vay có tài sản đảm bảo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 650.000.000.000 Đồng).

(ii) Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm kỳ hạn ("SOFR") do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc quản lý lãi suất đó) quản lý trong thời gian có liên quan do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc công bố lãi suất đó) công bố.

Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 100% dư nợ và lãi đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn với các ngân hàng thương mại trong nước. Các hợp đồng này đáo hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của các khoản vay.

(iii) Bao gồm các khoản vay tín chấp với các công ty tài chính trong nước và công ty cổ phần trong nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản vay hoặc trái phiếu phát hành nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	78.800.000	1.230.557.000
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	12.365.796.822	9.611.578.179
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	1.278.727.753	762.514.615
Phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	2.846.896.608	1.604.231.905
	16.570.221.183	13.208.881.699

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả mua chứng khoán qua các sở giao dịch	41.092.870.000	157.893.955.000
Phải trả mua chứng quyền có bảo đảm	-	6.235.000
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	229.119.000	1.738.105.047
	41.321.989.000	159.638.295.047

Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư này chủ yếu bao gồm tiền ứng trước cho các dịch vụ cung cấp.

3.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Thuế TNDN - hiện hành	35.884.665.831	7.570.702.516
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	26.384.786.101	20.545.020.370
Thuế thu nhập cá nhân	2.139.505.020	2.368.285.570
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	59.206.353	135.087.615
	64.468.163.305	30.619.096.071

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế TNDN - hiện hành	7.570.702.516	178.605.980.097	(150.292.016.782)	35.884.665.831
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	20.545.020.370	364.713.301.485	(358.873.535.754)	26.384.786.101
Thuế thu nhập cá nhân	2.368.285.570	59.654.967.130	(59.883.747.680)	2.139.505.020
Thuế GTGT	135.087.615	615.328.737	(691.209.999)	59.206.353
	30.619.096.071	603.589.577.449	(569.740.510.215)	64.468.163.305

3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lãi vay	74.924.495.936	36.082.868.555
Chi phí phải trả khác	948.762.078	11.191.797.117
	75.873.258.014	47.274.665.672

3.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (i) (Thuyết minh 8(b))	8.168.624.110	8.168.624.110
Đặt cọc đảm bảo nghĩa vụ theo hợp đồng (ii)	66.386.645.820	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (iii)	1.725.373.040	2.768.953.340
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.576.734.463	4.694.875.120
	77.857.377.433	15.632.452.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017 để sử dụng cho các hoạt động từ thiện xã hội.
- (ii) Thể hiện khoản tiền Công ty đã nhận đặt cọc từ khách hàng đăng ký mua chứng khoán và được xác định dựa trên số lượng chứng khoán đăng ký mua. Khoản này đã được Công ty hoàn trả cho khách hàng vào ngày 7 tháng 1 năm 2025.
- (iii) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm (*)	2.768.953.340	307.138.973.840
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	176.760.000.000	217.749.950.500
Trong đó:		
Cổ tức đợt 1 năm 2024 (Thuyết minh 7.1(vii))	176.760.000.000	-
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (Thuyết minh 7.1(ii))	-	217.749.950.500
Cổ tức đã trả	(177.803.580.300)	(522.119.971.000)
Số dư cuối năm (*)	1.725.373.040	2.768.953.340

(*) Số dư cổ tức chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài khoản (*), Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	832.751.998	2.565.790.666
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(610.180.802.012)	(420.698.872.607)
Tổng cộng	(609.348.050.014)	(418.133.081.941)

Biến động góp về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	(418.133.081.941)	(259.818.195.982)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.6)	(39.011.516)	(13.913.526.001)
Ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	(191.175.956.557)	(144.401.359.958)
Số dư cuối năm	(609.348.050.014)	(418.133.081.941)

- (i) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	-	7.727.678.024
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	1.993.934.401	2.931.449.721
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 3.3)	2.169.825.587	2.169.825.587
	4.163.759.988	12.828.953.332
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	832.751.998	2.565.790.666

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

- (ii) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Dự thu lãi cho vay	81.377.661.058	90.439.932.443
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	3.976.818.207	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.19)	2.965.549.530.795	2.009.669.748.011
Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	-	3.384.682.584
	3.050.904.010.060	2.103.494.363.038
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	610.180.802.012	420.698.872.607

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2024 là 20% (năm 2023: 20%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký	718.099.480	437.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	718.099.480	437.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	718.099.480	437.500.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông%	%	Cổ phiếu phổ thông%	%
Ông Tô Hải	128.889.403	17,95	98.895.695	22,61
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	12.530.351	1,74	22.838.732	5,22
Các cổ đông khác	576.679.726	80,31	315.765.573	72,17
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	718.099.480	100,00	437.500.000	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Số lượng tại ngày đầu năm	437.500.000	435.499.901
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	280.599.480	2.000.099
Số lượng tại ngày cuối năm	718.099.480	437.500.000

Mẫu số B09 - CTCK

3.19 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(c))	2.965.549.530.795	2.009.669.748.011
Điều chỉnh: Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(593.109.906.159)	(401.933.949.602)
Tổng cộng	2.372.439.624.636	1.607.735.798.409

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	1.607.735.798.409	1.030.130.358.576
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	764.703.826.227	577.605.439.833
Số dư cuối năm	2.372.439.624.636	1.607.735.798.409

3.20 Lợi nhuận chưa phân phối

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2024 VND	Thu nhập (lỗ) trong năm VND	Chia cổ tức (Thuyết minh 7.1 (vii)) VND	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu VND	Số dư tại ngày 31.12.2024 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.307.134.594.788	912.649.847.107	(176.760.000.000)	(1.244.698.271.148)	798.326.170.747
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	362.586.292	(1.957.733.814)	-	-	(1.595.147.522)
Lợi nhuận chưa phân phối	1.307.497.181.080	910.692.113.293	(176.760.000.000)	(1.244.698.271.148)	796.731.023.225

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính trước như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2023 VND	Thu nhập (lỗ) trong năm VND	Chia cổ tức (Thuyết minh 7.1 (ii)) VND	Hoàn nhập các quỹ (Thuyết minh 7.1 (iii)) VND	Số dư tại ngày 31.12.2023 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	791.426.130.951	500.362.083.485	(217.749.950.500)	233.096.330.852	1.307.134.594.788
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.820.010.383	(8.457.424.091)	-	-	362.586.292
Lợi nhuận chưa phân phối	800.246.141.334	491.904.659.394	(217.749.950.500)	233.096.330.852	1.307.497.181.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

4 Thông tin bổ sung các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

4.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	25.145.170.448	25.145.170.448

Nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến số dư cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ trong năm 2011 mà Công ty không thu hồi được đầy đủ do giá trị của tài sản đảm bảo giảm thấp hơn dư nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được trước khi xóa sổ các số dư khó đòi này theo Nghị quyết số 09/2015/QĐ-HTQT.VCSC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

4.2 Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các số dư ngoại tệ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Theo nguyên tệ		
Đô la Mỹ	458.651	915.930
Bảng Anh	120.926	73.956
Euro	19.672	19.661
Quy ra VND		
Đô la Mỹ	11.045.962.865	22.431.973.951
Bảng Anh	3.724.041.038	2.247.595.235
Euro	488.254.713	488.837.680
	15.258.258.616	25.168.406.866

4.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	280.599.480	2.000.099
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	437.500.000	435.499.901
	718.099.480	437.500.000

4.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	81.495.800	67.349.660
Hạn chế chuyển nhượng	4.400.000	-
Giao dịch cầm cố	33.100.000	55.200.000
Phong tỏa, tạm giữ	44.557	-
Chờ thanh toán	8.852.182	26.371.485
	127.892.539	148.921.145

4.5 Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Chờ thanh toán	1.236.788	6.993.454

4.6 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	19.292.856	19.319.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

4 Thông tin bổ sung các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

4.7 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
HDB/VIETCAP/M/Au/T/A2	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	10.000	4.990.000
HPG/VIETCAP/M/Au/T/A7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	10.000	4.990.000
MWG/VIETCAP/M/Au/T/A9	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	30.000	4.970.000
ACB/VIETCAP/M/Au/T/A4	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
FPT/VIETCAP/M/Au/T/A7	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
MBB/VIETCAP/M/Au/T/A6	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
MSN/VIETCAP/M/Au/T/A7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
STB/VIETCAP/M/Au/T/A6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
TCB/VIETCAP/M/Au/T/A6	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
TPB/VIETCAP/M/Au/T/A3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VHM/VIETCAP/M/Au/T/A4	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VIB/VIETCAP/M/Au/T/A3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VIC/VIETCAP/M/Au/T/A3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VJC/VIETCAP/M/Au/T/A1	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VNM/VIETCAP/M/Au/T/A5	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VPB/VIETCAP/M/Au/T/A7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
VRE/VIETCAP/M/Au/T/A4	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	31.12.2024	30.06.2025	5.000.000	-	-	5.000.000
				85.000.000	-	50.000	84.950.000

4.8 Hợp đồng tương lai

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Số lượng hợp đồng	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán (*) VND	Số lượng hợp đồng	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán (*) VND
VN30F2501	22.11.2024	16.01.2025	2.795	1.345,5	376.067.250.000	-	-	-
VN30F2401	17.11.2023	18.01.2024				595	1.134,6	67.508.700.000
					376.067.250.000			67.508.700.000

(*) Hệ số nhân là 100.000 Đồng/hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

5 Thông tin bổ sung báo cáo kết quả hoạt động

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và kết quả giao dịch chứng quyền đã thực hiện

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.759.391.703.072	856.242.542.821
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	1.190.136.325.549	565.964.571.105
Lãi bán chứng khoán phái sinh	552.427.198.000	276.116.465.000
Lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	1.732.644.137	2.817.232.150
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	15.095.535.386	11.344.274.566
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(987.732.073.189)	(494.191.661.413)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(567.073.543.850)	(254.324.326.537)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(412.801.366.000)	(236.681.333.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(6.825.791.848)	(1.332.302.687)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(1.031.371.491)	(1.853.699.189)
Lãi ròng	771.659.629.883	362.050.881.408

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) bán năm này VND	Lãi/(lỗ) bán năm trước VND
Cổ phiếu	1.389.348.117	46.595.656.077.407	46.042.784.511.981	552.871.565.426	306.990.138.880
Trái phiếu	166.372.637	21.140.652.336.868	21.134.870.336.925	5.781.999.943	(6.603.332.600)
Chứng chỉ quỹ	200.501.100	5.957.468.011.089	5.887.491.989.493	69.976.021.596	6.953.251.488
Chứng chỉ tiền gửi	1.001.618	3.293.957.295.884	3.299.524.101.150	(5.566.805.266)	4.300.186.800
Lãi bán chứng khoán cơ sở				623.062.781.699	311.640.244.568
Lãi vị thế từ hợp đồng tương lai				139.625.832.000	39.435.132.000
(Lỗ)/lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				(5.093.147.711)	1.484.929.463
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				14.064.163.895	9.490.575.377
Lãi ròng				771.659.629.883	362.050.881.408

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

(a) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tăng chênh lệch tăng	3.852.617.324	303.727.732
Tăng chênh lệch giảm	(2.915.102.004)	(1.627.121.206)
	937.515.320	(1.323.393.474)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	201.157.282.172	197.266.994.500	(3.890.287.672)	(3.169.946.703)	(720.340.969)
Chứng chỉ quỹ ETF	18.507.200.729	20.403.554.000	1.896.353.271	238.496.982	1.657.856.289
Trái phiếu không niêm yết	628.581.768.726	628.581.768.726	-	-	-
	848.246.251.627	846.252.317.226	(1.993.934.401)	(2.931.449.721)	937.515.320

(b) Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Giảm chênh lệch giảm	(3.384.682.584)	(9.248.386.640)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	78.800.000	78.800.000	-	3.384.682.584	(3.384.682.584)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

5 Thông tin bổ sung báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL và AFS

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	18.755.182.732	95.800.494.711
Cổ tức	10.260.479.000	7.936.542.600
Tiền lãi	8.494.703.732	87.863.952.111
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	225.002.928.869	174.362.031.840
Cổ tức	191.276.467.714	174.362.031.840
Trái tức	33.726.461.155	-
	243.758.111.601	270.162.526.551

5.4 Chi phí tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.645.503.769	131.085.812.227
<i>Đã thực hiện</i>	<i>18.622.321.976</i>	<i>123.358.134.203</i>
<i>Chưa thực hiện</i>	<i>(3.976.818.207)</i>	<i>7.727.678.024</i>
Chi phí lãi vay	764.124.674.808	562.553.033.255
Chi phí đi vay hợp vốn	18.733.784.327	46.522.320.559
	797.503.962.904	740.161.166.041

5.5 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí nhân viên	77.025.406.204	52.732.688.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.972.796.801	20.911.947.205
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 3.4)	4.516.800.000	11.292.000.000
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	3.782.866.116	1.784.975.237
Khấu hao TSCĐ	2.385.473.605	2.546.848.237
Chi phí quản lý khác	30.017.412.237	33.119.740.077
	144.700.754.963	122.388.199.025

5.6 Thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.089.337.104.906	570.138.640.134
Thuế tính ở thuế suất 20%	217.867.420.981	114.027.728.027
Điều chỉnh		
Thu nhập không chịu thuế	(40.307.389.343)	(36.459.714.888)
Chi phí không được khấu trừ	1.084.959.975	665.967.601
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	178.644.991.613	78.233.980.740
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	178.605.980.097	64.320.454.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	39.011.516	13.913.526.001
Chi phí thuế TNDN	178.644.991.613	78.233.980.740

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

5 Thông tin bổ sung báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

5.7 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 Tính lại (*)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	910.692.113.293	491.904.659.394
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	910.692.113.293	491.904.659.394
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	591.465.044	567.535.141
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.540	867

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính lại để điều chỉnh do ảnh hưởng của đợt tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 7.1 (v)) như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu tính lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	491.904.659.394	-	491.904.659.394
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	436.565.888	130.969.253	567.535.141
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.127		867

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu còn gọi là lãi suy giảm trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6 Thông tin bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính

Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính là tiền vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính là tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

Mẫu số B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

7 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2023	4.354.999.010.000	9.500.000.000	1.030.130.358.576	67.496.330.852	233.096.330.852	800.246.141.334	6.495.468.171.614
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	491.904.659.394	491.904.659.394
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	577.605.439.833	-	-	-	577.605.439.833
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	20.000.990.000	4.000.198.000	-	-	-	-	24.001.188.000
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (ii)	-	-	-	-	(233.096.330.852)	(217.749.950.500)	(217.749.950.500)
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (iii)	-	-	-	-	233.096.330.852	-	-
Tại ngày 31.12.2023	4.375.000.000.000	13.500.198.000	1.607.735.798.409	67.496.330.852	-	1.307.497.181.080	7.371.229.508.341
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	910.692.113.293	910.692.113.293
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	764.703.826.227	-	-	-	764.703.826.227
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (iv)	44.000.000.000	8.800.000.000	-	-	-	-	52.800.000.000
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (v)	1.325.694.800.000	(13.500.198.000)	-	(67.496.330.852)	-	(1.244.698.271.148)	-
Tăng vốn từ phát hành riêng lẻ (vi)	1.436.300.000.000	2.585.340.000.000	-	-	-	-	4.021.640.000.000
Cổ tức đợt 1 năm 2024 (vii)	-	-	-	-	-	6.760.000.000	(176.760.000.000)
Tại ngày 31.12.2024	7.180.994.800.000	2.594.140.000.000	2.372.439.624.636	-	-	796.731.023.225	12.944.305.447.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

7 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 5 năm 2023, Công ty đã phát hành 2.000.099 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty vào ngày 20 tháng 6 năm 2023 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 4196/UBCK-QLKD ngày 30 tháng 6 năm 2023. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (ii) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 4 năm 2023 đã thông qua mức trả cổ tức đợt 2 năm 2022 là 5% (tương đương 500 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.354.999.010.000 Đồng và được chi trả bằng tiền. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 16 tháng 5 năm 2023. Ngày thanh toán là ngày 6 tháng 6 năm 2023.
- (iii) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2023 đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào lợi nhuận chưa phân phối.
- (iv) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2024, Công ty đã phát hành 4.400.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty vào ngày 27 tháng 6 năm 2024 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 3987/UBCK-QLKD ngày 27 tháng 6 năm 2024. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (v) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 7 năm 2024 đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 132.569.480 cổ phiếu vào ngày 13 tháng 9 năm 2024.
- (vi) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty đã chào bán 143.630.000 cổ phiếu phổ thông theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ vào ngày 11 tháng 11 năm 2024 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 7750/UBCK-QLKD ngày 15 tháng 11 năm 2024. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá chào bán 28.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2024 là 5% - 10%. Theo đó, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 8 năm 2024 đã thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 là 4% (tương đương 400 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.419.000.000.000 Đồng và được chi trả bằng tiền, cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 16 tháng 8 năm 2024. Ngày thanh toán là ngày 30 tháng 8 năm 2024.

7.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (Thuyết minh 3.20)	1.307.134.594.788	791.426.130.951
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm (Thuyết minh 3.20)	912.649.847.107	500.362.083.485
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	(1.244.698.271.148)	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	233.096.330.852
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	(176.760.000.000)	(217.749.950.500)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	798.326.170.747	1.307.134.594.788
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	176.760.000.000	217.749.950.500
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(6.834.160.280)	(20.231.576.080)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	169.925.839.720	197.518.374.420

8 Thuyết minh về các bên liên quan

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	Cùng thành viên HĐQT
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế LOF (IDP)	Cùng thành viên HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

8 Thuyết minh về các bên liên quan (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký và dịch vụ khác	443.601.838	933.436.550
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán và phí lưu ký	438.899.845	72.878.348
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	62.160.678	49.895.428
Công ty Cổ phần Sửa Quốc Tế LOF		
Doanh thu phí môi giới và phí tư vấn	150.000.000	12.219.516.400
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	19.702.580.000	8.796.498.000

(*) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Thù lao của thành viên HĐQT độc lập (**)		
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	60.000.000	240.000.000
Ông Lê Ngọc Khánh	180.000.000	-
Thù lao của Ban kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Thanh Trang	240.000.000	240.000.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Tô Hải	5.753.412.000	2.732.166.000
Ông Đinh Quang Hoàn	4.513.412.000	2.492.166.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	4.513.412.000	2.492.166.000
Ông Đoàn Minh Thiện	3.842.344.000	-

(**) Các thành viên HĐQT không độc lập không nhận thù lao.

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Hội đồng Quản trị		
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 3.16)	8.168.624.110	8.168.624.110

9 Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận Tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận Kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận Tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

9 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	745.227.835.560	2.003.617.749.413	896.090.676.508	50.589.073.989	3.695.525.335.470
Chi phí	(612.973.863.693)	(1.397.755.430.567)	(441.306.819.791)	(62.869.871.382)	(2.514.905.985.433)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(561.598.078.310)	(1.040.184.036.211)	-	(58.395.462.842)	(1.660.177.577.363)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	(8.105.805.185)	-	-	(259.915.848)	(8.365.721.033)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(43.269.980.198)	(1.374.251.243)	-	(4.214.492.692)	(48.858.724.133)
Chi phí phân bổ khác	-	(356.197.143.113)	(441.306.819.791)	-	(797.503.962.904)
Kết quả bộ phận	132.253.971.867	605.862.318.846	454.783.856.717	(12.280.797.393)	1.180.619.350.037
Thu nhập tài chính thuần					50.633.205.857
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(144.700.754.963)
Thu nhập khác					2.785.303.975
Lợi nhuận trước thuế					1.089.337.104.906

Mẫu số B09 - CTCK

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	548.582.625.170	943.098.378.624	941.439.041.667	39.340.497.936	2.472.460.543.397
Chi phí	(454.427.479.695)	(843.799.592.162)	(432.935.249.255)	(72.595.946.454)	(1.803.758.267.566)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(409.510.606.348)	(535.555.205.215)	-	(68.536.024.945)	(1.013.601.836.508)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	(6.880.344.978)	-	-	(252.406.056)	(7.132.751.034)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(38.036.528.369)	(1.018.470.161)	-	(3.807.515.453)	(42.862.513.983)
Chi phí phân bổ khác	-	(307.225.916.786)	(432.935.249.255)	-	(740.161.166.041)
Kết quả bộ phận	94.155.145.475	99.298.786.462	508.503.792.412	(33.255.448.518)	668.702.275.831
Thu nhập tài chính thuần					23.696.152.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(122.388.199.025)
Thu nhập khác					128.411.319
Lợi nhuận trước thuế					570.138.640.134

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

Mẫu số B09 - CTCK

9 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	91.660.885.548	11.916.965.680.584	14.459.472.591.489	8.023.018.700	26.476.122.176.321
Tài sản không phân bổ					116.002.302.919
Tổng tài sản					26.592.124.479.240
Nợ phải trả bộ phận	214.535.354.577	5.940.751.893.355	6.750.425.665.473	21.579.482.686	12.927.292.396.091
Nợ phải trả không phân bổ					720.526.635.288
Tổng nợ phải trả					13.647.819.031.379
Tổng chi phí phát sinh hình thành TSCĐ trong năm					13.185.680.625
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận					12.909.154.363
Tài sản cố định không phân bổ	12.401.579.815	-	-	507.574.548	276.526.262

Mẫu số B09 - CTCK

9 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	74.461.646.878	7.926.901.806.454	8.998.770.861.197	8.683.720.484	17.008.818.035.013
Tài sản không phân bổ					246.316.621.512
Tổng tài sản					17.255.134.656.525
Nợ phải trả bộ phận	80.312.758.105	5.159.556.793.939	4.149.791.273.415	17.444.874.484	9.407.105.699.943
Nợ phải trả không phân bổ					476.799.448.241
Tổng nợ phải trả					9.883.905.148.184
Tổng chi phí phát sinh hình thành TSCĐ trong năm					4.991.530.136
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận					4.887.821.045
Tài sản cố định không phân bổ	4.813.598.223			74.222.822	103.709.091

Mẫu số B09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

10 Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	4.742.629.096.608	787.421.508.556
Tiền gửi ngân hàng	4.742.629.096.608	537.421.508.556
Các khoản tương đương tiền	-	250.000.000.000
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (Thuyết minh 3.2(a))	628.581.768.726	-
Trái phiếu doanh nghiệp	628.581.768.726	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.2(b))	598.000.000.000	380.900.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	501.000.000.000	310.000.000.000
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	97.000.000.000	66.500.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	4.400.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (Thuyết minh 3.2(c))	543.463.535.000	-
Trái phiếu doanh nghiệp	543.463.535.000	-

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	11.221.685.642.375	7.992.468.349.969
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	11.105.535.515.939	7.612.101.283.117
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	116.150.126.436	380.367.066.852
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	424.756.657.964	879.780.436.876
Phải thu bán các tài sản tài chính	307.297.301.000	745.348.455.200
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	86.086.794.757	103.219.084.809
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	31.372.562.207	31.212.896.867
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 3.5)	92.900.000.000	225.192.100.000
Đặt cọc mua mua chứng khoán niêm yết	92.900.000.000	225.192.100.000
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.8(a))	135.374.861.200	147.257.185.100
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	135.374.861.200	147.257.185.100
Tài sản khác	44.541.433.921	45.697.955.590
Tạm ứng	117.700.000	83.004.284
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.948.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	26.170.889.959	24.941.477.252
Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	10.172.976.898	10.154.230.370
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8.079.867.064	8.571.243.684
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	18.431.932.995.794	10.458.717.536.09

(*) Số liệu trước dự phòng suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

10 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền trong tài khoản tạm khóa, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với ngân hàng và công ty tài chính nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và AFS của Công ty là trái phiếu được phát hành bởi tổ chức niêm yết có phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo cho các hợp đồng giao dịch ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày ở Thuyết minh 3.3(a).

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại thời điểm báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.169.825.587	2.169.825.587
Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	11.103.365.690.352	7.609.931.457.530
Dự phòng đã lập	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
Giá trị thuần	11.103.365.690.352	7.609.931.457.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

10 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng VND
Tại ngày 31.12.2024				
Trong hạn	-	-	400.244.207.964	400.244.207.964
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	24.512.450.000	-	-	24.512.450.000
	24.512.450.000	-	400.244.207.964	424.756.657.964
Dự phòng đã lập	(17.737.250.000)	-	-	(17.737.250.000)
Giá trị thuần	6.775.200.000	-	400.244.207.964	407.019.407.964
Tại ngày 31.12.2023				
Trong hạn	-	-	855.267.986.876	855.267.986.876
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	24.512.450.000	-	-	24.512.450.000
	24.512.450.000	-	855.267.986.876	879.780.436.876
Dự phòng đã lập	(13.220.450.000)	-	-	(13.220.450.000)
Giá trị thuần	11.292.000.000	-	855.267.986.876	866.559.986.876

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

• Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể. Các khoản đi vay bằng ngoại tệ của Công ty có lãi suất thả nổi theo SOFR và có thời hạn ngắn nên rủi ro lãi suất cũng không đáng kể.

• Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền do Công ty phát hành. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và phương án phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 15.847.550.150 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: cao hơn/thấp hơn 5.339.837.500 Đồng tương ứng).

• Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi tiền tệ và hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền (Thuyết minh 3.10).

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

10 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2024	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2023
Tài sản tài chính				
Tiền	458.651	915.930	11.045.962.865	22.431.973.951
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	-	-	-
Tài sản tài chính thuần	458.651	915.930	11.045.962.865	22.431.973.951
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	458.651	915.930	11.045.962.865	22.431.973.951

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 1.104.596.287 Đồng tương ứng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: thấp hơn/cao hơn 2.243.197.395 Đồng tương ứng) chủ yếu là do tăng/giảm lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 3.9.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	12.573.864.000.000	8.979.275.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	-	120.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.11)	16.570.221.183	13.208.881.699
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 3.12)	41.092.870.000	159.638.295.047
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	75.873.258.014	47.274.665.672
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	77.857.377.433	15.632.452.570
Tổng nợ tài chính	12.785.257.726.630	9.335.029.294.988

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng của Công ty theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 565% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 434%).

11 Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Dưới 1 năm	23.680.859.109	23.280.700.199
Từ 1 đến 5 năm	24.000.068.535	38.319.615.807
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	47.680.927.644	61.600.316.006

12 Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phần mềm giao dịch	7.828.081.566	8.474.400.000

Mẫu số B09 - CTCK

Mẫu số B09 - CTCK

13 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm tài chính

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	2.629.315.251	87.352.087.947.220
Trái phiếu	325.909.659	40.819.552.815.621
Hợp đồng tương lai	485.119	62.106.515.000.000
Chứng quyền có bảo đảm	37.379.000	70.699.451.000
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	19.219.255.692	581.661.165.794.690
Trái phiếu	101.233.011	14.365.395.317.204
Hợp đồng tương lai	479.305	61.543.093.000.000
Chứng quyền có bảo đảm	92.068.530	96.316.753.780
	22.406.125.567	848.014.826.079.515

14 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2024 là 5% - 10%. Theo đó, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 20 tháng 1 năm 2025 thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 là 2,5% (tương đương 250 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 7.180.994.800.000 Đồng và được chi trả bằng tiền, cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 7 tháng 2 năm 2025. Cổ tức này đã được thanh toán vào ngày 17 tháng 2 năm 2025.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Ngày 01 tháng 04 năm 2025



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2024 của Vietcap được in với số lượng có hạn.
Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.
Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2024 của Vietcap còn được công bố bằng phiên bản điện tử,
Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: www.vietcap.com.vn



Trụ sở chính

- 📍 Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco
Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
- ☎️ (+84) 8 3914 3588
- 📠 (+84) 8 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội

- 📍 Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ☎️ (+84) 24 6262 6999
- 📠 (+84) 24 6278 2688



QUÉT MÃ ĐỂ XEM
BẢN TRỰC TUYẾN

🌐 www.vietcap.com.vn